

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP NAM BỘ**



BÁO CÁO

**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG
TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH/ NGHỀ BẢO VỆ THỰC VẬT
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NĂM 2021**

Tiền Giang, tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
CÁC TỪ VIẾT TẮT	3
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ BẢO VỆ THỰC VẬT TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG	4
1. Giới thiệu về Trường	4
1.1. Thông tin chung về Trường	4
1.2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật	4
1.3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự	7
1.4. Một số ngành nghề đào tạo của Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	9
1.5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	10
2. Thông tin khái quát về Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	11
2.1. Đặc điểm, tình hình	11
2.2. Nhiệm vụ	12
2.3. Thành tích đạt được	13
3. Thông tin về Chương trình đào tạo	13
3.1. Thông tin chung	13
3.2. Mục tiêu đào tạo	14
3.2.1. Kiến thức nghề nghiệp	14
3.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp:	15
3.2.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	15
3.2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:	16
3.3. Nội dung chương trình:	16
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	18
1 Tổng quan chung	18
1.1 Căn cứ tự đánh giá	18
1.2 Mục đích tự đánh giá	19
1.3 Yêu cầu tự đánh giá	19
1.4 Phương pháp tự đánh giá	19
1.5 Các bước tiến hành tự đánh giá	20
2 Tự đánh giá	20
2.1 Tổng hợp kết quả tự đánh giá	20
2.2 Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	24

2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính.....	24
2.2.2. Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	29
2.2.3. Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	38
2.2.4. Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình.....	48
2.2.5. Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.....	60
2.2.6. Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học.....	69
2.2.7. Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	78
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	88
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	89
PHỤ LỤC	91
1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo	91
2. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.....	93
3. Bảng mã minh chứng.....	98

CÁC TỪ VIẾT TẮT

CTĐT	Chương trình đào tạo
DMTB	Danh mục thiết bị
CBVC	Cán bộ viên chức
CBGV	Cán bộ giáo viên
GV	Giáo viên
BVTV	Bảo vệ thực vật
KHCT	Khoa học cây trồng
CBQL	Cán bộ quản lý
HSSV	Học sinh sinh viên
TT-BVTV	Trồng trọt-Bảo vệ thực vật
NV	Nhân viên
KHCN	Khoa học công nghệ
NN-PTNT	Nông nghiệp - Phát triển nông thôn
GDNN	Giáo dục nghề nghiệp

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ BẢO VỆ THỰC VẬT TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

1. Giới thiệu về Trường

1.1. Thông tin chung về Trường

Tên trường: Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ

Tên tiếng Anh: Nam Bo Agriculture College

Cơ quan chủ quản: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Địa chỉ:

- Cơ sở chính: xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

- Cơ sở phân hiệu: 511, An Dương Vương, phường An Lạc A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 02733 850 136. Fax: 02733 850 247

Website: www.nbac.edu.vn. Email: info@nbac.edu.vn

Năm thành lập trường:

- Năm thành lập: 1976

- Năm hợp nhất thành trường Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ: 1996

- Năm nâng cấp thành trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ: 2008

Loại hình trường: Công lập Tư thục

1.2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ được thành lập vào ngày 28 tháng 01 năm 2008 theo Quyết định số 479/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở nâng cấp Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ.

Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ được thành lập theo Quyết định số 2360 NN-TCCB/QĐ ngày 30 tháng 12 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở hợp nhất và tổ chức lại

Trường Trung học Thủy lợi 3 (Bộ Thủy lợi trước đây) và Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định (Bộ Nông nghiệp trước đây).

Trong đó, Trường Trung học Thủy lợi 3 được thành lập và hoạt động từ ngày 29 tháng 6 năm 1976, đặt tại xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định có tiền thân là Trường Trung cấp Nông nghiệp được thành lập và hoạt động năm 1974 tại Chiến khu Lộc Ninh. Năm 1976, Trường được thành lập lại với tên Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định, tọa lạc tại xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Như vậy tới ngày sáp nhập, hai trường đã có trên 20 năm hoạt động của riêng mình. Tính đến ngày mang tên Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, trường đã có trên 31 năm hoạt động.

Từ năm 2008, sau khi nâng cấp lên thành Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, song song với nhiệm vụ đào tạo nghề, Nhà trường còn tăng cường công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực nông nghiệp nông thôn. Năm 2019, Trường được Bộ lao động - Thương binh và Xã hội quyết định cho sáp nhập Trường Trung cấp Thủy sản vào Trường (Quyết định số 1128/QĐ-LĐTBXH ngày 9 tháng 8 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Tóm lại, lịch sử thành lập Trường có thể tóm tắt qua 4 thời kỳ chính:

- Thời kỳ thứ nhất (1976 - 1996): Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định và Trường Trung học Thủy lợi 3 là 2 cơ sở giáo dục đào tạo trung cấp chuyên nghiệp độc lập (bao gồm hai trường: Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định và Trường Trung học Thủy lợi 3).

- Thời kỳ thứ hai (1997 - 2007): Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ (sáp nhập 2 Trường: Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Long Định và Trường Trung học Thủy lợi 3 thành Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Bộ).

- Thời kỳ thứ ba (2008 - 2018): Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ (nâng cấp từ Trường Trung học và Dạy nghề Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Nam Bộ).

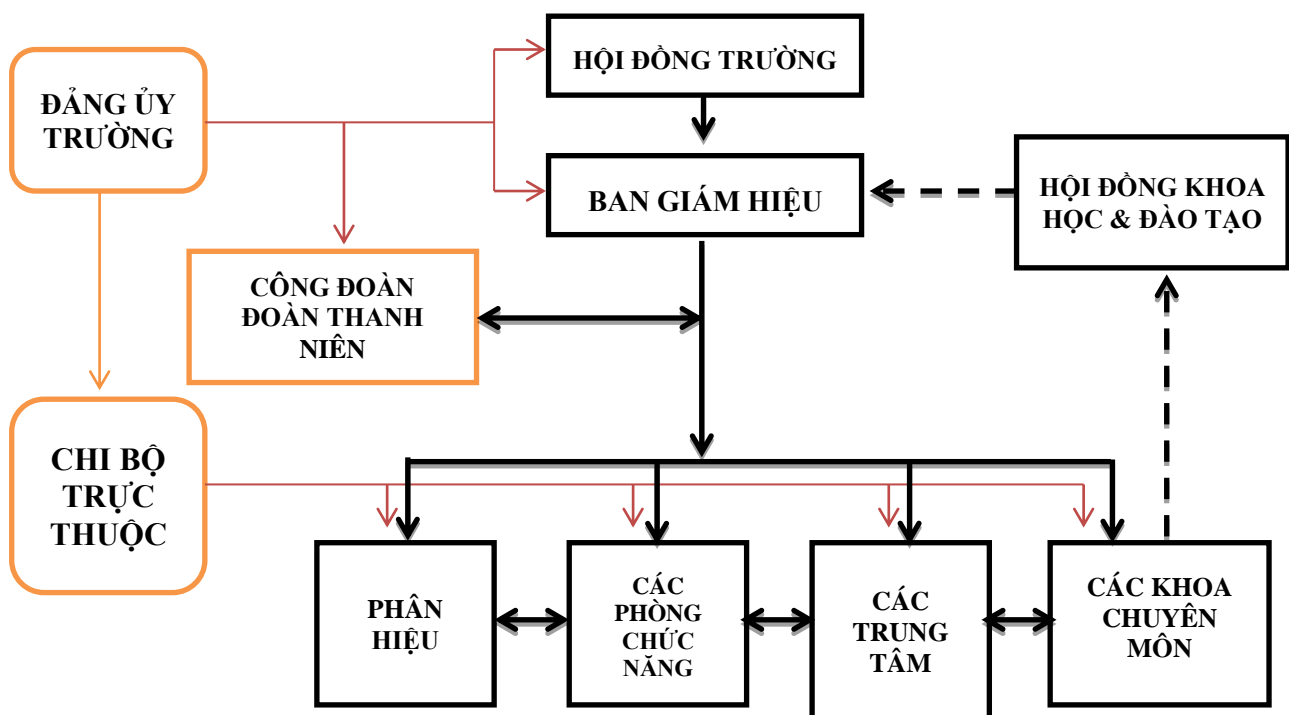
- Thời kỳ thứ tư (2019 - 2021): Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ (có sáp nhập Trường Trung cấp Thủy sản và thành lập phân hiệu của Trường tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Chí Minh).

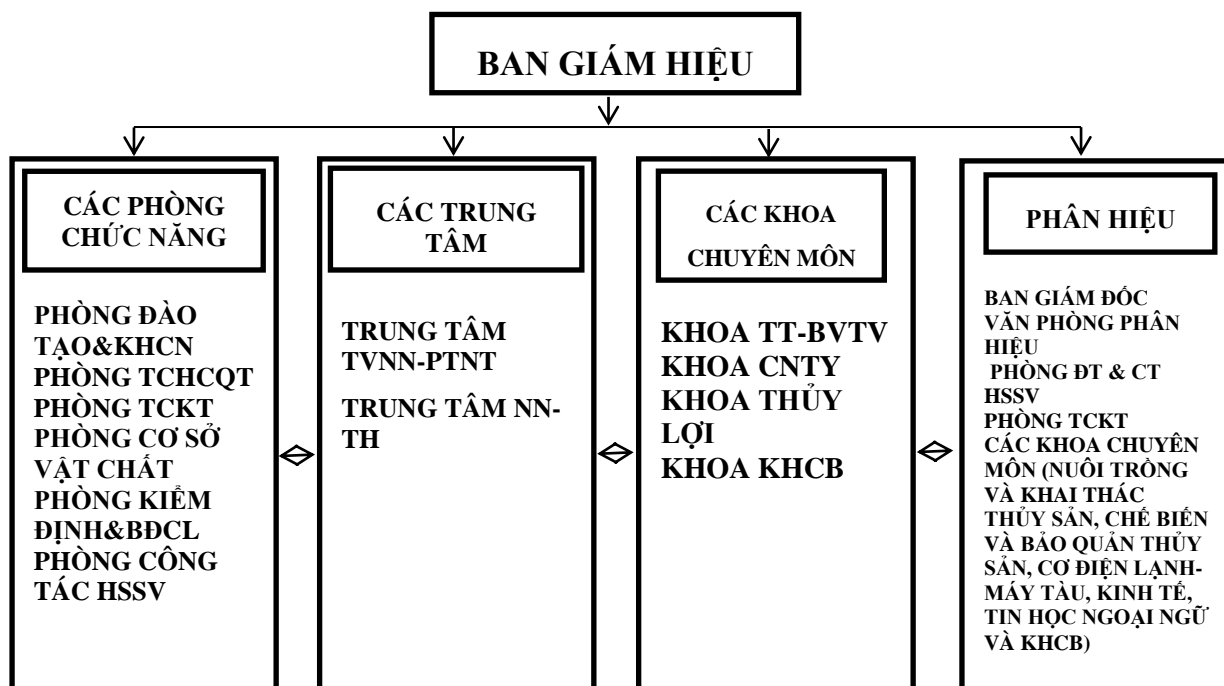
Trải qua 45 năm hoạt động và trưởng thành, cùng với sự biến động thăng trầm của từng giai đoạn phát triển, Nhà trường luôn giữ vững và phát huy vai trò tiên phong trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực nông nghiệp phục vụ cho khu vực Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung. Nhà trường có 01 phân hiệu, 06 phòng chức năng, 05 khoa chuyên môn, 02 trung tâm với chức năng nhiệm vụ đào tạo 3 cấp trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp; bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động; nghiên cứu ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ; tổ chức sản xuất kinh doanh; liên kết đào tạo.

Trường có bước phát triển vượt bậc trên nhiều phương diện như xây dựng cơ sở hạ tầng, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; đổi mới phương pháp giảng dạy; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, chuẩn hóa chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý.

1.3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự



Ghi chú:
 → (solid red) : Quan hệ lãnh đạo chính trị
 → (solid black) : Quan hệ chỉ huy hành chính
 ↔ (solid black) : Quan hệ phối hợp
 - - → (dashed black) : Quan hệ tư vấn chuyên môn



Theo Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB ngày 09 tháng 02 năm 2019 của Bộ được Bộ Nông nghiệp và PTNT về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, cơ cấu tổ chức Trường như sau:

- Ban Giám hiệu: 04 người (01 Hiệu trưởng và 03 Phó hiệu trưởng)
- Đơn vị trực thuộc: 12 đơn vị (6 Phòng; 4 Khoa và 2 Trung tâm)

- Phân hiệu tại TP. Hồ Chí Minh:
 - + 01 giám đốc và 02 phó giám đốc
 - + 3 phòng và 5 khoa

Trường cơ bản đã xây dựng được bộ máy quản lý thống nhất sau khi sáp nhập trường Trung cấp Thủy sản và tổ chức thành Phân hiệu Trường tại TP. Hồ Chí Minh, Bộ máy hoạt động có hiệu quả từ Ban Giám hiệu đến các đơn vị trực thuộc, góp phần vào hoàn thành được chức năng, nhiệm vụ và đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường

Theo Quyết định số 2748/QĐ-BNN-TCCB ngày 21 tháng 07 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc giao chỉ tiêu biên chế năm 2020 cho Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ là 156. Thực trạng tổng số CBVC là 112 người. Trong đó: Cán bộ quản lý là 36 người (32,14%), giáo viên là 59 người (52,68%), đội ngũ viên chức phục vụ hỗ trợ là 17 người (15,18%). Số biên chế được giao so với số người làm việc cần thiết còn thiếu là 44 người, tuy nhiên, hiện nay việc tuyển dụng gặp nhiều khó khăn.

Về trình độ đội ngũ cán bộ, viên chức: Trong số 112 CBVC của Trường, trình độ tiến sĩ: 5 người (4,46%), thạc sĩ: 58 người (51,79%), đại học: 41 người (36,61%), cao đẳng: 4 người (3,57%) và khác: 4 người (3,57%). Trong đó:

- Cán bộ quản lý các cấp (từ Ban giám hiệu, trưởng, phó phòng, khoa, tổ bộ môn):

+ Tiến sĩ:	03 người, chiếm 8,33%
+ Thạc sĩ:	25 người, chiếm 69,45%
+ Đại học:	08 người, chiếm 22,22%

- Giảng viên:

+ Tiến sĩ:	02 người, chiếm 3,39%
+ Thạc sĩ:	33 người, chiếm 55,93%
+ Đại học:	24 người, chiếm 40,68%

- Nhân viên phục vụ:

+ Đại học:	9 người, chiếm 52,94%
+ Cao đẳng:	4 người, chiếm 23,53%
+ Khác:	4 người, chiếm 23,53%

Có thể thấy rằng, số người làm việc cần thiết tập trung chủ yếu ở khối công việc hoạt động nghề nghiệp (giảng dạy), điều này cũng phản ánh đúng với thực trạng hoạt động của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ, công việc chủ yếu là giảng dạy và

nghiên cứu khoa học chuyên giao công nghệ; đây cũng là những vị trí việc làm thường biến động theo ngành đào tạo và phụ thuộc nhiều vào kết quả tuyển sinh hàng năm; nếu ngành tuyển sinh được đông thì các vị trí việc làm trong ngành phải tăng cường hoạt động để bù lại những ngành có năm không tuyển sinh được; đồng thời các ngành tuyển sinh không được các vị trí việc làm tạm thời phải kiêm thêm công việc của các vị trí việc làm phục vụ hỗ trợ để đảm bảo không tăng biên chế và các vị trí cùng có đủ việc làm.

Nguồn nhân lực Trường đang ở độ chín của nghề nghiệp (30-45 tuổi, chiếm 60,94%), có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, công tác, yên tâm cống hiến và công tác cho Trường. Tuy nhiên về lâu dài tỷ lệ cán bộ giảng viên giữa các độ tuổi không đồng đều. Điều này dẫn đến sự hẫng hụt khi các giảng viên đầu ngành đến tuổi nghỉ hưu thì đội ngũ kế cận có thể chưa đủ khả năng đảm nhiệm các nhiệm vụ mà thế hệ trước để lại. Do vậy, công tác cán bộ, công tác phát triển đội ngũ cần phải được quan tâm nhiều hơn để tránh sự hẫng hụt về đội ngũ trong thời gian dài.

1.4. Một số ngành nghề đào tạo của Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

TT	Tên ngành/ nghề đào tạo	Mã ngành/ nghề	Quy mô tuyển sinh/ năm	Trình độ đào tạo
1	Bảo vệ thực vật	6620116	100	Cao đẳng
		5620116	30	Trung cấp
6	Khoa học cây trồng	6620109	40	Cao đẳng
15	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	5620111	60	Trung cấp
26	Trồng rau công nghệ cao		25	Sơ cấp
27	Trồng mai vàng, mai chiếu thủy		25	Sơ cấp
28	Trồng sầu riêng, măng cụt		25	Sơ cấp
29	Trồng rau hữu cơ		25	Sơ cấp
30	Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh		25	Sơ cấp
31	Trồng ca cao xen dừa		25	Sơ cấp
32	Trồng thanh long		25	Sơ cấp
33	Trồng cây có múi		25	Sơ cấp

TT	Tên ngành/ nghề đào tạo	Mã ngành/ nghề	Quy mô tuyển sinh/ năm	Trình độ đào tạo
34	Trồng hoa lan		25	Sơ cấp
35	Vi nhân giống hoa		25	Sơ cấp
36	Trồng rau an toàn		25	Sơ cấp
37	Trồng lúa năng suất cao		25	Sơ cấp
38	Trồng hoa huệ, lay ơn, đồng tiền, hồng môn		25	Sơ cấp
39	Trồng dưa hấu, dưa bở		25	Sơ cấp
40	Nhân giống cây ăn quả		25	Sơ cấp
41	Quản lý dịch hại tổng hợp		25	Sơ cấp
42	Trồng xoài, ổi, chôm chôm		25	Sơ cấp
43	Trồng dưa (khóm, thơm)		25	Sơ cấp
44	Trồng bầu, bí, dưa chuột		25	Sơ cấp

1.5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

- Tổng diện tích đất đai toàn trường : 97.659,9 m², trong đó:
 - + Cơ sở chính : 79.633,3 m²
 - + Phân hiệu : 18.026,6 m²
- Diện tích xây dựng tại cơ sở chính : 12.741 m²
 - + Diện tích cây xanh, sân, đường nội bộ, trại thực hành, ao thủy sản, sân thể thao ngoài trời : 66.892,3 m²

TT	Hạng mục, công trình	Sàn đã xây dựng (m²)	Đang xây dựng (m²)
1	Khu hiệu bộ	1.972	
2	Phòng học lý thuyết	3.744	
3	Xưởng/Phòng thực hành	3.569	
4	Khu phục vụ		
4.1	<i>Thư viện</i>	<i>128</i>	

TT	Hạng mục, công trình	Sàn đã xây dựng (m²)	Đang xây dựng (m²)
4.2	<i>Ký túc xá</i>	2.394	
4.3	<i>Nhà ăn</i>	300	
4.4	<i>Phòng y tế</i>	32	
4.5	<i>Khu thể thao</i>	2.290	

Tổng số đầu sách trong thư viện của Nhà trường: 2.479 đầu sách với số lượng bản: 13.172 bản. Trong đó:

Sách tham khảo: 2.369 đầu sách

Giáo trình, bài giảng, sách giáo khoa: 110 đầu sách.

Tổng số đầu tạp chí, báo: 10 đầu được cập nhật thường xuyên.

Tổng số máy vi tính có nối mạng internet: 10 máy.

2. Thông tin khái quát về Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

2.1. Đặc điểm, tình hình

- Tên đơn vị: Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

- Địa chỉ: QL50, Xã Tân Mỹ Chánh - TP. Mỹ Tho - Tỉnh Tiền Giang.

- Điện thoại: 02733. 850136 Fax: (0273) 850142

- Quá trình thành lập và phát triển

Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hiện nay có 4 bộ môn gồm: Bộ môn Bảo vệ thực vật, bộ môn Khoa học cây trồng, bộ môn Chế biến - Bảo quản nông sản, bộ môn Công nghệ sinh học với số lượng 9 giảng viên. Trình độ chuyên môn giảng viên trong khoa: 1 đang làm nghiên cứu sinh, 8 thạc sĩ.

Về học sinh sinh viên của khoa: Hiện nay khoa quản lý chuyên môn và giảng dạy số lượng sinh viên tổng cộng trên 250 học sinh, sinh viên với tổng số 15 lớp trong và ngoài trường, ở các ngành học cấp học khác nhau.

- Về nhân sự:

+ Lãnh đạo khoa: Có 02 người.

+ Giáo viên cơ hữu: Có 07 người.

+ Giáo viên kiêm nhiệm: 8 người.

TT	Họ và Tên	Chức vụ	E. Mail
1	ThS. Nguyễn Văn Dũng	Trưởng Khoa	nguyenvandung@nbac.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thanh Bình	P.Trưởng Khoa	nguyenthanhbinh@nbac.edu.vn
3	ThS. Huỳnh Văn Cẩn	Giảng viên	huynhvancan@nbac.edu.vn
4	ThS. Trần Thị Thu Tâm	Giảng viên	thutam@nbac.edu.vn
5	ThS. Lâm Anh NghiêM	Giảng viên	lamanhnghiem@nbac.edu.vn
6	ThS. Nguyễn Thị Hạnh	Giảng viên	nguyenthihanh@nbac.edu.vn
7	ThS. Võ Khoa Chi	Giảng viên	vokhoachi@nbac.edu.vn
8	ThS. Nguyễn Thị Quyên	Giảng viên	nguyenthiquyen@nbac.edu.vn
9	ThS. Lê Thị Như Thảo	Giảng viên	nhuthao@nbac.edu.vn

2.2. Nhiệm vụ

Quản lý giảng viên, học viên và học sinh, sinh viên ngành Trồng trọt - Bảo vệ thực vật, ngành Công nghệ sinh học và ngành Công nghệ thực phẩm theo phân công của Hiệu trưởng;

Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động ngoại khóa khác theo chương trình, kế hoạch giảng dạy hằng năm của trường theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Xây dựng chương trình đào tạo của từng nghề thuộc lĩnh vực ngành Trồng trọt - Bảo vệ thực vật, theo từng trình độ đào tạo do Hiệu trưởng giao.

Tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các môn học, mô-đun, tín chỉ liên quan bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa các môn học, mô-đun, tín chỉ của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo.

Tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn tài liệu, giáo trình đào tạo theo định hướng phát triển của nhà trường; phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo thường xuyên theo quy định.

Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Tổ chức giảng dạy, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.

Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến ngành nghề thuộc lĩnh vực Trồng trọt - Bảo vệ thực vật; Công nghệ sinh học; Công nghệ thực phẩm và huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của khoa;

Tham mưu Ban giám hiệu đề xuất kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên (đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ); tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; thực hiện các hoạt động thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình đào tạo;

Tổ chức dự giờ, đánh giá giảng viên trong Khoa và tham gia đánh giá cán bộ quản lý trong trường theo quy định của Nhà trường;

Quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo theo quy định của Hiệu trưởng; đề xuất, xây dựng các kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị đào tạo của Khoa;

Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định và thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được Ban giám hiệu giao.

2.3. Thành tích đạt được

Năm 2017 Khoa xuất sắc được nhận Bằng khen của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2 năm liền Khoa đạt danh hiệu thi đua tập thể Lao động xuất sắc do Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ công nhận.

3. Thông tin về Chương trình đào tạo

3.1. Thông tin chung

Chương trình đào tạo ngành Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng được Nhà trường xây dựng và đưa vào giảng dạy từ khi Trường được nâng cấp lên thành trường Cao đẳng từ năm 2008. Từ năm học 2008 - 2009 đến năm học 2016 - 2017 Trường đã đào tạo được 9 khóa cao đẳng Bảo vệ thực vật theo chương trình đào tạo giáo dục đại học. Đến năm 2017, sau khi chuyển sang giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo nghề Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng được xây dựng lại theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và bắt đầu tuyển sinh đào tạo

Tên ngành, nghề: Bảo vệ thực vật

Mã ngành, nghề: 6620116

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Thời gian đào tạo: 2.5 năm

3.2. Mục tiêu đào tạo

3.2.1. Kiến thức nghề nghiệp

Mô tả, nhận biết và phân tích được những đặc điểm cơ bản về sinh vật gây hại cây trồng;

Phân loại được các nhóm triệu chứng theo bệnh hại và côn trùng gây hại;

Trình bày được các phương pháp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón an toàn hiệu quả và bảo vệ môi trường;

Trình bày được phương pháp điều tra, dự tính dự báo dịch hại cây trồng;

Phân tích được các nguyên tắc về quản lý dịch hại tổng hợp và đưa ra các biện pháp phòng trừ có hiệu quả;

Trình bày được các phương pháp khuyến nông, bảo vệ môi trường và hướng dẫn về sản xuất bền vững;

Trình bày được các kiến thức cơ bản về quản trị sản xuất trong nông nghiệp, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng;

Trình bày được các phương pháp bố trí thí nghiệm, khảo nghiệm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và giống cây trồng;

Trình bày được những nội dung cơ bản của các loại văn bản quy định nhà nước liên quan đến bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật;

Trình bày được các kiến thức liên quan đến phân tích, giám định dịch hại trong phòng thí nghiệm và đảm bảo an toàn thí nghiệm;

Trình bày được các kiến thức về kiểm định thuốc và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật - phân bón theo tiêu chuẩn quốc gia;

Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định

3.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp:

Nhận biết chính xác các loại dịch hại và đưa ra biện pháp phòng trừ hiệu quả;

Tổ chức điều tra phát hiện, dự tính dự báo dịch hại trên cây trồng;

Lập được kế hoạch phòng trừ sinh vật hại cây trồng định kỳ, đột xuất;

Tổ chức bố trí thí nghiệm và khảo nghiệm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật;

Thực hiện được công tác khuyến nông liên quan đến bảo vệ thực vật;

Thực hiện sản xuất và kinh doanh và các hoạt động khác liên quan đến lĩnh vực bảo vệ thực vật theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật;

Quản lý hiệu quả hoạt động kinh doanh thuốc bảo vệ thực đảm bảo an toàn;

Thực hiện được quy trình phân tích, giám định dịch hại trong phòng thí nghiệm;

Thực hiện được quy trình kiểm định thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón;

Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

3.2.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Điều tra sinh vật hại;
- Dự tính, dự báo sinh vật hại;
- Phòng trừ sinh vật hại;
- Khuyến nông bảo vệ thực vật;
- Kinh doanh phân bón và thuốc bảo vệ thực vật;
- Khảo nghiệm phân bón và thuốc bảo vệ thực vật;

- Kiểm dịch thực vật;
- Phân tích, giám định dịch hại;
- Kiểm định phân bón và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật.

3.2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 29
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2430 giờ
- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 435giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1995 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 813 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1617 giờ

3.3. Nội dung chương trình:

Mã MH, MD,HP	Tên môn học, mô đun	Số tín chi	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ thảo luận/ bài tập	Kiểm tra
I	Các môn học chung	20	435	157	255	23
MH01	Chính trị	4	75	41	29	5
MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH05	Tin học	3	75	15	58	2
MH06	Ngoại ngữ	6	120	42	72	6

II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc	81	1995	616	1316	63
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở bắt buộc	15	315	129	171	15
MH 07	Sinh lý thực vật	3	60	29	28	3
MH 08	Khí tượng nông nghiệp	2	45	14	29	2
MH 09	Đất trồng - Phân bón	3	60	29	28	3
MH 10	Vi sinh vật đại cương	2	45	14	29	2
MH 11	Phương pháp thí nghiệm	3	60	29	28	3
MH 12	Tin học ứng dụng	2	45	14	29	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề bắt buộc	61	1575	444	1088	43
MH 13	Côn trùng đại cương	4	75	43	28	4
MH14	Bệnh cây đại cương	4	75	43	28	4
MĐ 15	Quản lý cỏ dại và động vật hại cây trồng	4	90	28	58	4
MH 16	Thuốc bảo vệ thực vật	4	75	43	28	4
MĐ 17	Điều tra phát hiện dịch hại	2	45	14	29	2
MĐ 18	Ứng dụng công nghệ sinh học trong BVTV	2	45	14	29	2
MH 19	Pháp luật chuyên ngành	2	30	28	0	2
MĐ 20	Kỹ thuật canh tác cây lương thực và cây rau	3	60	29	28	3
MĐ 21	Kỹ thuật canh tác cây ăn quả và cây công nghiệp	3	60	29	28	3
MĐ 22	Quản lý dịch hại trên cây lương thực	4	90	28	58	4

MĐ 23	Quản lý dịch hại trên cây rau	6	120	58	58	4
MĐ 24	Quản lý dịch hại trên cây ăn quả	6	120	58	58	4
MĐ 25	Quản lý dịch hại trên cây công nghiệp	3	60	29	28	3
MĐ 26	Thực tập nghề nghiệp	4	180	0	180	
MĐ 27	Thực tập cuối khoá	10	450	0	450	
II.3	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề tự chọn	5	105	43	57	5
MĐ 28	Khởi nghiệp và kỹ năng bán hàng	3	60	29	28	3
MĐ 29	Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM)	2	45	14	29	2
Tổng		101	2430	773	1571	86

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1 Tổng quan chung

1.1 Căn cứ tự đánh giá

Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, cao đẳng.

1.2 Mục đích tự đánh giá

Đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung dạy nghề, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của Nhà trường và các điều kiện học tập của sinh viên, giảng dạy của giáo viên;

Xác định mức độ đạt được của Nhà trường thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí (bao gồm các tiêu chuẩn và chỉ số) kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề Bảo vệ thực vật bậc Cao đẳng của Trường;

Phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện, điều chỉnh trong thời gian tới, giúp Trường hoạch định Chiến lược phát triển trở thành trường đào tạo nghề trọng điểm, phát triển thương hiệu và nâng cao vị thế của nhà trường đối với xã hội;

Nhằm đảm bảo Nhà trường có trách nhiệm đối với chất lượng đào tạo và mang lại động lực cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo cũng như chất lượng toàn diện.

1.3 Yêu cầu tự đánh giá

Công tác tự đánh giá được thực hiện khách quan và trung thực.

Quá trình thực hiện tự đánh giá được thực hiện công khai và minh bạch.

Thông tin minh chứng phải rõ ràng, chính xác, phản ánh đúng thực trạng của tiêu chuẩn.

Kế hoạch nâng cao chất lượng phải thiết thực, hiệu quả.

Thực hiện công tác tự đánh giá đúng tiến độ.

1.4 Phương pháp tự đánh giá

Thu thập thông tin, minh chứng.

Phân tích, đánh giá thực trạng của Nhà trường thông qua các minh chứng thu được.

Nhận xét điểm mạnh để phát huy và hạn chế để nêu ra kế hoạch để cải tiến.

Tổng hợp thành báo cáo kết quả tự kiểm định hằng năm.

1.5 Các bước tiến hành tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo thực hiện quy trình tự đánh giá theo đúng hướng dẫn của Tổng cục GDNN, gồm các bước:

Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự kiểm định

Bước 2: Thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Nhà trường

Bước 3: Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

Bước 4: Thu thập thông tin và các chứng cứ để minh chứng

Bước 5: Phân tích, xử lý các thông tin, những minh chứng thu được để minh chứng

Bước 6: Đánh giá mức độ mà Trường đã đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng của cơ sở GDNN

Bước 7: Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

2 Tự đánh giá

2.1 Tổng hợp kết quả tự đánh giá

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn,	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Chưa đạt</i>
	Tổng điểm	100	96
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	6	6
	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp	2	2

	để thực hiện chương trình đào tạo.		
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	14	14
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16
	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2

	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	24
	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	2
	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2

	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	12
	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	0
	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	0
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2

	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

2.2 Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1

Mở đầu

Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề Bảo vệ thực vật bậc Cao đẳng phù hợp mục tiêu của Nhà trường và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định. Nhà trường có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật là đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo bậc Cao đẳng nghề Bảo vệ thực vật; Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hàng năm hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Hàng năm, Nhà trường nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

Những điểm mạnh

Nhà trường có quyết định ban hành chương trình đào tạo bậc Cao đẳng nghề Bảo vệ thực vật trong đó đầy đủ cả chương trình chi tiết, thể hiện đầy đủ mục tiêu chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo được công bố công khai trên website, trên thư viện nhà trường. Mục tiêu chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Nhà trường có quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong đó có khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. Các năm 2018, 2019, 2020 Khoa đều có báo cáo tổng kết công tác. Tập thể và nhiều cá nhân trong khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật được Nhà trường và các cấp khen thưởng trong công tác đào tạo.

Những tồn tại: Không có

Kế hoạch nâng cao chất lượng

Năm 2021 và các năm tiếp theo, Nhà trường tiếp tục rà soát điều chỉnh mục tiêu chương trình phù hợp với thực tế phát triển của xã hội và địa phương cho các ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật.

Tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động đảm bảo chất lượng đào tạo trong các năm học tiếp theo.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	6
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Sứ mạng và mục tiêu của Trường được xác định rất rõ ràng trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường (*1.1.01 - Quy chế tổ chức và hoạt động của trường ban hành kèm theo quyết định số 45/QĐ-CDNB ngày 5/01/2020*); trong văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của Trường (*1.1.02 - Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB, ngày 9 tháng 12 năm 2019, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ*).

Năm 2020, Nhà trường tiến hành xây dựng lại Chiến lược phát triển cho giai đoạn mới. Chiến lược nhằm mục đích định hướng cho sự phát triển của Nhà trường trong tương lai, từ đó phân đầu xây dựng Trường trở thành Trường trọng điểm về đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn ở khu vực Nam Bộ vào năm 2030, góp phần xây dựng nông nghiệp nông thôn của khu vực theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa và hội nhập với khu vực và quốc tế trong thời đại 4.0. Căn cứ vào quy hoạch nguồn nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và số liệu điều tra lao động việc làm và kết quả dự báo của Trung tâm Quốc gia về Dịch vụ việc làm về nhu cầu nhân lực qua đào tạo giáo dục nghề nghiệp của một số lĩnh vực, ngành, nghề Nhà trường xác định lại sứ mạng và mục tiêu của trường và được thể hiện rõ trong chiến lược phát triển đã phê duyệt (*1.1.03 - QĐ số 1805 /QĐ-BNN-TCCB, ngày 27/04/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*).

Mục tiêu của chương trình đào tạo bậc Cao đẳng ngành Bảo vệ thực vật được xác định hoàn toàn phù hợp với mục tiêu chung của Nhà trường và nhu cầu thị trường lao động trong lĩnh vực Trồng trọt - Bảo vệ thực vật. Mục tiêu đào tạo của chương trình được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định (*1.1.04 - Link công bố mục tiêu chương trình đào tạo: <https://nbac.edu.vn/wp-content/uploads/2019/11/CAO-%C4%90%E1%BA%B2NG-B%E1%BA%A2O-V%E1%BB%86-TH%E1%BB%B0C-V%E1%BA%ACT.pdf>*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường quy định rất rõ về chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị trực thuộc trong đó có khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (*1.1.01 - Quy chế tổ chức và hoạt động của trường ban hành kèm theo quyết định số 45/QĐ-CDNB ngày 5/01/2020*). Ngoài ra trong quyết định ban hành chương trình đào tạo cao đẳng nghề Bảo vệ thực vật có thể hiện rõ khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và các đơn vị có đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành (*1.2.01 - Quyết định số 679/QĐ-CDNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Chế biến thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước; chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Công nghệ thực phẩm; Chế biến và Bảo quản thủy sản; Cấp thoát nước*).

Hàng năm, khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đều có báo cáo tổng kết công tác, gửi về Tổ chức - Hành chính và Quản trị để tổng hợp vào báo cáo tổng kết hàng năm của Nhà trường (*1.2.02 - Báo cáo tổng kết khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật năm 2018, 2019, 2020*).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị viên chức trong đó có tổng kết công tác năm và triển khai phương hướng nhiệm vụ năm mới (*1.2.03 - Báo cáo tổng kết công tác của Nhà trường năm 2018, 2019, 2020*).

Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật luôn đoàn kết, phát huy sức mạnh tập thể, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ công tác hàng năm trong đó có công tác đào tạo, được Nhà trường, Bộ chủ quản ghi nhận, khen thưởng cho tập thể và các cá nhân (*1.2.04 - Quyết định số 654/QĐ-CDNB-TĐ ngày 10/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ công nhận Khoa đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc năm học 2019 - 2020; 1.2.05 - Quyết định số 598/QĐ-CDNB-TĐ ngày 20/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ công nhận Khoa đạt danh hiệu Tập thể Lao*

động xuất sắc năm học 2020 - 2021; 1.2.06 - Quyết định số 4253/QĐ-BNN-TCCB ngày 23/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT tặng Bằng khen cho Khoa Trồng trọt - BVTV; 1.2.07 - Quyết định số 641/QĐ-SLĐTBXH, ngày 04/7/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Tiền Giang về việc trao giải khuyến khích Hội thi Thiết bị tự làm tỉnh Tiền Giang năm 2019; 1.2.08 - Quyết định số 1295/QĐ-LĐTBXH ngày 12/09/2019 của Bộ LĐTB và Xã hội về việc trao Bằng khen - Giải nhất tại hội thi Thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc lần VI năm 2019” của nhóm tác giả).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc thu, quản lý học phí, Nhà trường ban hành quyết định mức thu học phí cho từng ngành nghề cụ thể (1.3.01 - Nghị định 81/2021/NĐ - BTC về cơ chế thu, quản lý học phí đối với học sinh; 1.3.02 - Quyết định về mức thu học phí hệ cao đẳng). Căn cứ vào quyết định thu học phí hàng năm, Phòng Tài chính - Kế toán phối hợp với phòng Công tác HSSV lập danh sách và thông báo thu học phí và tiến hành thu học phí theo từng học kỳ của năm học. Từ nguồn thu học phí kết hợp nguồn ngân sách nhà nước, Nhà trường tiến hành chi cho hoạt động đào tạo, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo (1.3.03 - Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018, 2019, 2020).

Hoạt động đào tạo của Nhà trường được kiểm tra, giám sát thường xuyên từ bộ phận thanh tra của Trường (1.3.04 – Kế hoạch số 02/KH-TTrND, ngày 27/01/2020, của Thanh tra nhân dân về Kế hoạch hoạt động của Ban thanh tra nhân dân nhiệm kỳ 2020 - 2021; 1.3.05 – Báo cáo số 08/BC-TTrND, ngày 14/01/2021 của Ban thanh tra nhân dân báo cáo hoạt động của Ban thanh tra nhân dân năm 2020). Ngoài ra việc thanh kiểm tra hoạt động đào tạo cũng được thực hiện định kỳ theo yêu cầu của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương và của Cơ quan chủ quản.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 2 điểm

2.2.2. Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2

Mở đầu

Hàng năm, Trường thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

Nhà trường có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Những điểm mạnh

Hồ sơ về tuyển sinh đã đảm bảo có đầy đủ các văn bản theo quy định, được ban hành theo đúng thẩm quyền và đảm bảo về thời gian.

Kế hoạch đào tạo của Nhà trường xây dựng đúng quy định, khoa học, chi tiết, phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo; tiến độ giảng dạy, kế hoạch giáo viên các khóa được xây dựng căn cứ kế hoạch đào tạo của nhà trường, chi tiết cho từng môn học, mô đun. Giáo viên lên lớp có đầy đủ sổ lên lớp, sổ tay giáo viên, giáo án. Hàng năm Khoa tự kiểm tra công tác đào tạo của giáo viên, Nhà trường kiểm tra công tác đào tạo của Khoa và giáo viên.

Những tồn tại: Không có

Kế hoạch nâng cao chất lượng

Năm học 2021 và các năm tiếp theo Nhà trường tiếp tục thực hiện đẩy mạnh công tác tuyển sinh đặc biệt nghề Bảo vệ thực vật đạt chỉ tiêu được giao, tiếp tục thực hiện các hoạt động nhằm đảo bảo chất lượng đào tạo theo quy định.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	14

Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2

Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ Thông tư 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, về việc Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Hàng năm, Phòng Kiểm định & BĐCL đã tham mưu cho Nhà trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh (2.1.01 - *Quyết định 293/QĐ-CDNB ngày 22/4/2019 ban hành quy chế tuyển sinh trung cấp, cao đẳng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2019*; 2.1.02 - *Quyết định số 259/QĐ-CDNB ngày 20/4/2020 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành Quy chế tuyển sinh năm 2020*; 2.1.03 - *Quyết định số 625/QĐ-CDNB ngày 16/8/2021 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành Quy chế tuyển sinh năm 2021*).

Căn cứ vào mục tiêu, nhu cầu và khả năng, Nhà trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh, quy định cụ thể hình thức, đối tượng, chính sách ưu tiên, trình tự, thủ tục tuyển sinh đối với từng trình độ, là cơ sở để Nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ LĐ-TB&XH. (2.1.04 – *CV số 95/CDNB ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2019*; 2.1.05 - *CV số 283/CDNB ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2020*; 2.1.06 - *CV số 1184/CDNB ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021*; 2.1.07 - *Kế hoạch tuyển sinh năm học 2019*; 2.1.08- *Kế hoạch số 714/KH-CDNB ngày 27 tháng 8 năm 2020 ban hành kế hoạch tuyển sinh năm 2020*; 2.1.09 - *Kế hoạch tuyển sinh năm học 2021*; 2.1.10 - *Quyết định số*

1238/QĐ-CĐNB ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc thành lập hội đồng tuyển sinh 2019;

2.1.11 - Quyết định số 1272/QĐ-CĐNB ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc thành lập hội đồng tuyển sinh trung cấp, cao đẳng năm 2020; 2.1.12 - Quyết định số 636 /QĐ-CĐNB ngày 17 tháng 8 năm 2021 về việc thành lập hội đồng tuyển sinh trung cấp, cao đẳng năm 2021; 2.1.13 - Quyết định 510/QĐ-CĐNB ngày 26/6/2019 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 1 năm 2019; 2.1.14 - Quyết định 548/ QĐ-CĐNB ngày 16/8/2019 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 2 năm 2019; 2.1.15 - Quyết định 631/ QĐ-CĐNB ngày 06/9/2019 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 3 năm 2019; 2.1.16 - Quyết định 732/QĐ-CĐNB ngày 30/9/2019 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 4 năm 2019; 2.1.17 - Quyết định 545/QĐ-CĐNB ngày 02/7/2020 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 1 năm 2020; 2.1.18 - Quyết định 590/QĐ-CĐNB ngày 19/9/2020 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 2 năm 2020; 2.1.19 - Quyết định 691/ QĐ-CĐNB ngày 17/9/2020 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 3 năm 2020; 2.1.20 - Quyết định 750/QĐ-CĐNB ngày 06/10/2020 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 4 năm 2020; 2.1.21 - Quyết định 775/QĐ-CĐNB ngày 08/10/2020 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 5 năm 2020; 2.1.22 - Quyết định 845/ QĐ-CĐNB ngày 02/11/2020 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 6 năm 2020; 2.1.23 - Quyết định 570/ QĐ-CĐNB ngày 01/7/2021 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 1 năm 2021; 2.1.24 - Quyết định 645/QĐ-CĐNB ngày 31/8/2021 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 2 năm 2021; 2.1.25 - Quyết định 709/ QĐ-CĐNB ngày 05/10/2021 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 3 năm 2021; 2.1.26 - Quyết định 713/ QĐ-CĐNB ngày 08/10/2021 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 4 năm 2021; 2.1.27- Quyết định 736/ QĐ-CĐNB ngày 22/10/2021 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 5 năm 2021; 2.1.28 - Quyết định 746 / QĐ-CĐNB ngày 09/09/2019 thành lập lớp cao đẳng 12CD-Va, 12CD-Vb ngành Bảo vệ thực vật; 2.1.29 - Quyết định 747/ QĐ-CĐNB ngày 09/09/2019 thành lập lớp trung cấp 44V ngành Bảo vệ thực vật; 2.1.30 - Quyết định 720/ QĐ-CĐNB ngày 10/08/2019 thành lập lớp trung cấp 44T3a-TG ngành Trồng trọt-Bảo vệ thực vật; 2.1.31 - Quyết định 08/ QĐ-CĐNB ngày 04/11/2020 thành lập lớp trung cấp 45T3a-TG ngành Trồng trọt-Bảo vệ thực vật; 2.1.32 - Quyết định 796/ QĐ-CĐNB ngày 22/09/2020 thành lập lớp trung cấp 45T ngành Trồng trọt-Bảo vệ thực vật; 2.1.33 - Quyết định 811/QĐ-CĐNB ngày 07/10/2020 thành lập lớp cao đẳng 13CD-V, ngành Bảo vệ thực vật; 2.1.34 - Quyết định 271/QĐ-CĐNB ngày 20/01/2021 thành lập lớp trung cấp

46T3a ngành Trồng trọt-Bảo vệ thực vật; 2.1.35 - Quyết định 75/QĐ-CDNB ngày 19/01/2021 thành lập lớp trung cấp 46T3b ngành Trồng trọt - Bảo vệ thực vật).

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký học. Hồ sơ hợp lý hợp lệ sẽ được thông báo trúng tuyển và Hiệu trưởng ra quyết định danh sách trúng tuyển. Căn cứ vào chỉ tiêu được phân bổ và số liệu tuyển sinh hàng năm, trong 3 năm qua, Nhà trường luôn đảm bảo tuyển sinh đạt từ 80% trở lên (2.1.36 – Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020). Năm 2018, nghề Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng Nhà trường tuyển sinh được 120 sinh viên; Năm 2019 tuyển sinh được 69 sinh viên, hệ liên thông 18 sinh viên; Năm 2020 tuyển sinh được 71 sinh viên. Như vậy so với chỉ tiêu tuyển sinh cho nghề Bảo vệ thực vật bậc cao đẳng hàng năm là 100 sinh viên thì nghề Bảo vệ thực vật đạt trên 80% chỉ tiêu đề ra.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo từng ngành, nghề đã được Hiệu trưởng phê duyệt, phòng Đào tạo & KHCN tham mưu xây dựng kế hoạch đào tạo, tiến độ giảng dạy cho các ngành, nghề đào tạo. Trên cơ sở kế hoạch đào tạo, tiến độ giảng dạy các khoa, tổ môn xây dựng kế hoạch giáo viên giảng dạy các lớp, khóa và chi tiết đến từng mô đun, môn học, theo từng học kỳ, năm học. Phòng Đào tạo & KHCN phối hợp với Ban Thanh tra Giáo dục, Phòng Kiểm định & BĐCL kiểm tra hồ sơ giảng dạy, dự giờ của giáo viên. Cuối mỗi học kỳ đều có báo kết quả kiểm tra. Kế hoạch giáo viên khoa Trồng trọt - Bảo vệ thực vật năm học 2018-2019, 2019 -2020, 2020-2021 nằm trong Quyết định Phân công công tác giáo viên của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ (2.2.01 - Quyết định số 1009/QĐ-CDNB ngày 04/11/2019 Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên năm học 2019-2020; 2.2.02 - Quyết định số 945/QĐ-CDNB ngày 03/11/2020 Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên năm học 2020-2021). Sổ lên lớp, giáo án và sổ tay giáo viên khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật năm học 2018-2019, 2019 -2020, 2020-2021 lưu ở phòng Đào tạo và KHCN (2.2.03 - Sổ lên lớp khoa Trồng trọt - Bảo vệ thực vật năm học 2018-2019, 2019 -2020, 2020-2021; 2.2.04 - Giáo án của giáo viên Khoa Trồng trọt - Bảo vệ thực vật năm học 2018-2019, 2019 -2020, 2020-2021; 2.2.05 - Sổ tay

giáo viên Khoa Trồng trọt - Bảo vệ thực vật năm học 2018 -2019, 2019-2020, 2020-2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, căn cứ vào số lượng HSSV tuyển mới, Phòng Đào tạo và KHCN xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể cho khóa mới. Bên cạnh đó, đầu mỗi năm học, kế hoạch và tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành nghề cũng được xây dựng, phê duyệt theo đúng quy định (2.2.01 - *Quyết định số 1009/QĐ-CĐNB ngày 04/11/2019 Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên năm học 2019-2020; 2.2.02 - Quyết định số 945/QĐ-CĐNB ngày 03/11/2020 Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên năm học 2020-2021*). Căn cứ vào chương trình đào tạo đã được phê duyệt (1.2.01 - *Quyết định số 679/QĐ-CĐNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật; Bảo vệ thực vật; Kế toán doanh nghiệp; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Chế biến thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước; chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật; Bảo vệ thực vật; Kế toán doanh nghiệp; Công nghệ thực phẩm; Chế biến và Bảo quản thủy sản; Cấp thoát nước*) và kết quả xét tiến độ học tập của phòng Đào tạo & KHCN (2.3.01 - *Quyết định số 954/QĐ-CĐNB ngày 09/11/2020 công nhận Kết quả xét tiến độ học tập trong năm 2020*), đầu mỗi năm học các Khoa thực hiện phân bổ môn học/ mô đun và phân công giáo viên giảng dạy cho năm. Nội dung các kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập, phù hợp với các chương trình đào tạo và phương thức tổ chức đào tạo của Trường.

Các khóa đào tạo của Khoa đều được thể hiện đầy đủ trong sổ lên lớp hàng ngày, các giáo viên lên lớp đều có giáo án được phê duyệt trước khi lên lớp, có sổ tay giáo viên để ghi các thông tin của học sinh sinh viên theo quy định (2.2.03 - *Sổ lên lớp Khoa Trồng trọt - Bảo vệ thực vật năm học 2018-2019, 2019 -2020, 2020-2021; 2.2.04 - Giáo án của*

giáo viên Khoa Trồng trọt - Bảo vệ thực vật năm học 2018-2019, 2019 -2020, 2020-2021;
2.2.05 - Sổ tay giáo viên Khoa Trồng trọt - Bảo vệ thực vật năm học 2018 -2019, 2019-2020, 2020-2021).

Giáo viên ứng dụng phương pháp, công nghệ thông tin vào giảng dạy (trang bị máy tính; máy chiếu đa năng) để giúp sinh viên nhanh chóng tiếp thu kiến thức và sử dụng tối đa thời gian thực hành, rèn luyện kỹ năng nghề. Hầu hết các mô đun chuyên môn nghề có sử dụng phần mềm powerpoint (2.3.02 - Các bài giảng điện tử của giáo viên Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật).

Phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học. Năm 2021, Khoa đã ứng dụng các phương pháp dạy học tích cực như: dạy và học tích hợp, dạy học theo nhóm, giảng dạy trên các mô hình trong quá trình lên lớp, soạn giáo án để khuyến khích phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học. Các giáo án giảng dạy đều thể hiện rõ phương pháp dạy học phát huy tính tích cực như: Chia các nhóm luyện tập và phân công vị trí luyện tập. Giáo viên quan sát, theo dõi, đánh giá và giải đáp những thắc mắc của sinh viên. Để đảm bảo tính khách quan Nhà trường khảo sát ý kiến của nhà giáo và HSSV về việc thực hiện chương trình đào tạo (2.3.03 - Phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021; 2.3.04 - Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021; 2.3.05 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021; 2.3.06 - Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt thể hiện rõ nét trên kế hoạch hoạt động của từng khoa, tổ bộ môn chuyên môn. Việc đưa người học đến thực hành, thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động đều có kế hoạch cụ thể (2.4.01 – Kế hoạch đưa HSSV đi thực tập nghề Bảo vệ thực vật

trong năm 2019, 2020, 2021) và được thực hiện căn cứ vào các Quyết định cử HSSV đến thực tập cuối khóa tại các cơ sở sản xuất và các đơn vị sự nghiệp trên các tỉnh thành Nam Bộ (2.4.02 – Quyết định 44/QĐ-CDNB-ĐT ngày 21/01/2020 thành lập đoàn thực tập cuối khóa lớp 10CD-Va,b,c,d và 10CD-T; 2.4.03 – Quyết định 986/QĐ-CDNB-ĐT&KHCV ngày 19/11/2020 thành lập đoàn thực tập nghề nghiệp lớp 11CD-Va,b,c, 11CD-T; 2.4.04 – Quyết định 63/QĐ-CDNB-ĐT&KHCV ngày 20/01/2021 thành lập đoàn thực tập cuối khóa lớp 11CD-Va,b,c, 11CD-T; 2.4.05 – Quyết định 756/QĐ-CDNB-ĐT&KHCV ngày 28/10/2021 thành lập đoàn thực tập cuối khóa lớp 12CD-Va,b). Việc thỏa thuận với các đơn vị sử dụng lao động về việc gửi HSSV đến thực tập cuối khóa đều được đảm bảo thông qua email hoặc gửi văn bản trực tiếp. Các đề nghị đưa sinh viên đi thực tập và Quyết định thực tập lưu ở phòng Đào tạo và KHCV (2.4.06 – Các Công văn đề nghị gửi HSSV thực tập và Công văn trả lời của đơn vị sử dụng lao động).

Trước khi triển khai cho HSSV đi thực tập tại các doanh nghiệp, Khoa chuyên môn xây dựng đề cương thực hành, thực tập gửi đến các đơn vị nhận HSSV thực tập và phổ biến cho HSSV và được lưu tại phòng Đào tạo & KHCV (2.4.07 – Đề cương thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021). Cuối mỗi đợt thực tập, đơn vị sử dụng lao động đều gửi nhận xét đánh giá của về kết quả thực hành, thực tập của người học về khoa, tổ bộ môn chuyên môn có liên quan. Sau mỗi đợt thực tập người học đều thực hiện báo cáo kết quả thực hành tại cơ sở thông qua các báo cáo/đồ án thực tập cuối khóa nộp về khoa, tổ bộ môn chuyên môn có liên quan (2.4.08 – Báo cáo thực tập của HSSV nghề Bảo vệ thực vật năm 2019, 2020, 2021).

Theo quy định chung của Nhà trường, sau mỗi đợt thực tập tại đơn vị sản xuất, HSSV đều phải viết báo cáo về quá trình thực tập và kết quả đạt được sau khi đi thực tập, những báo cáo này được các khoa chuyên môn kiểm duyệt và đánh giá. Kết hợp với ý kiến đánh giá của đơn vị nhận thực tập để đánh giá học phần thực tập của HSSV và lưu kết quả ở Khoa (2.4.09 - Văn bản nhận xét của đơn vị sử dụng lao động về HSSV nghề Bảo vệ thực vật thực tập).

Căn cứ vào kết quả học tập của các môn học có thực tập tại các đơn vị có liên quan cho thấy, kết quả học tập thực hành của HSSV đều đạt từ 5,0 điểm đến 9,0 điểm, trong đó mức điểm khá, giỏi chiếm tỉ lệ cao.

Căn cứ vào bảng nhận xét đánh giá của các cơ sở thực hành, thực tập cho thấy các HSSV thực tập đều có chuyên môn khá và tốt, đạo đức ý thức kỷ luật tốt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2017, sau khi được chuyển giao về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Nhà trường tiến hành tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, áp dụng quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp cho các lớp khóa mới theo quy định tại thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Từ hướng dẫn của Thông tư, Nhà trường cụ thể hóa thành Quy chế riêng áp dụng cho trường (2.5.01 - *Quyết định 722/QĐ-CDNB ngày 11/8/2020 ban hành quy định thi kết thúc môn học, mô đun*). Riêng các HSSV khóa cũ về học lại, thi lại vẫn áp dụng quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp mà Nhà trường biên soạn căn cứ theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Về cấp phát văn bằng, chứng chỉ, thực hiện theo thông tư số 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Nhà trường có sổ sách quản lý và cấp phát văn bằng (2.5.02 - *Sổ cấp phát văn bằng năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo từng năm học Nhà trường có kế hoạch tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học của các đơn vị tham gia hoạt động đào tạo. Trên cơ sở kết quả các hoạt động kiểm tra, giám sát việc dạy và học, Phòng Đào tạo và KHCN với vai trò là đơn vị phụ trách về công tác đào tạo của Trường có những kiến nghị kịp thời đến Ban Giám hiệu Nhà trường, đồng thời thông báo về các khoa và tổ bộ môn chuyên môn có liên quan, để

điều chỉnh các hoạt động dạy và học nếu thấy cần thiết (2.6.01 – Báo cáo kết quả công tác đơn vị theo học kỳ, năm).

Để đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh các hoạt động giảng dạy của đội ngũ nhà giáo, Trường đã tổ chức nhiều cuộc họp trao đổi về việc đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng giảng dạy để đội ngũ giáo viên kịp thời chấn chỉnh lại hoạt động dạy, tích cực đẩy mạnh việc thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Căn cứ vào kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học, các Khoa chuyên môn tổ chức họp đơn vị để giáo viên của khoa và lãnh đạo khoa có cơ hội trao đổi từ đó đề xuất những biện pháp để điều chỉnh hoạt động giảng dạy các chương trình đào tạo do đơn vị triển khai (2.6.02 – Biên bản họp định kỳ của Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật).

Qua khảo sát ý kiến của CBVC, hầu hết đều cho rằng việc thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học là rất cần thiết, từ những kết quả kiểm tra đã giúp cho giáo viên có được những thông tin hữu ích để làm căn cứ điều chỉnh lại hoạt động dạy của bản thân theo hướng cải tiến chất lượng dạy và học (2.3.06 - Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để thực hiện việc tổ chức đào tạo liên thông, Trường đã tiến hành xây dựng hướng dẫn thực hiện công tác này dựa trên nội dung thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2.7.01 - Quyết định số 738/QĐ-CDNB ngày 08/8/2018 của Hiệu trưởng về hướng dẫn đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp được cụ thể hóa từ nội dung của Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Nhà trường có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng đối với nghề Bảo vệ thực vật dự kiến đăng ký đào tạo liên thông (2.7.02 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 41/2017/GCNĐKHD-TCDN ngày 03/05/2017).

Phòng Đào tạo và KHCN có trách nhiệm xem xét việc chuyển đổi kết quả học tập và các khối lượng kiến thức, kỹ năng được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đối với từng người học và trình Ban Giám hiệu quyết định khối lượng kiến thức được miễn giảm cho từng người học. Năm 2021, Trường tuyển sinh và tổ chức được 1 lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng ngành Bảo vệ thực vật (2.7.03 – *Danh sách lớp liên thông cao đẳng Bảo vệ thực vật*). Hiện lớp này chưa hoàn thành khóa học nên chưa có báo cáo kết quả tổ chức khóa đào tạo liên thông.

Các ngành đang đào tạo liên thông đều có chương trình đào tạo ban hành đúng quy định (2.7.04 - *Quyết định số 767/QĐ-CDNB ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng liên thông ngành Bảo vệ thực vật*).

Qua khảo sát ý kiến người học và CBVC hầu hết cho rằng Trường có hướng dẫn tổ chức đào tạo liên thông, có chương trình đào tạo liên thông đầy đủ (2.3.06 - *Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 2 điểm

2.2.3. Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3

Mở đầu

Nhà trường luôn chú trọng đến việc xây dựng một đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và nhân viên đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng phục vụ trong lĩnh vực giáo dục. Nhà trường có tổng số 112 CBVC, trong đó: Cán bộ quản lý là 36 người (32,14%), giáo viên là 59 người (52,68%), đội ngũ viên chức phục vụ hỗ trợ là 17 người (15,18%). Về trình độ tiến sĩ: 5 người (4,46%), thạc sĩ: 58 người (51,79%), đại học: 41 người (36,61%), cao đẳng: 4 người (3,57%) và khác: 4 người (3,57%). Trong đó nhà giáo tham gia giảng dạy thuộc chuyên ngành Bảo vệ thực vật là 13 người và tất cả đều có trình độ thạc sĩ. Đội ngũ giáo viên, giảng viên giàu kinh nghiệm, nhiệt huyết với công việc, đảm bảo nhiệm vụ đào tạo; đội ngũ CBQL đạt chuẩn về trình độ và phẩm chất đạo đức, có ý thức trách nhiệm cao trong nhiệm vụ lãnh đạo; đội ngũ nhân viên phục vụ nhiệt tình góp phần đưa Nhà trường ngày càng đi lên.

Những điểm mạnh

Tập thể cán bộ công chức viên chức của Nhà trường am hiểu về pháp luật; nói và làm theo chủ trương chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tập thể đoàn kết, tất cả vì sự nghiệp chung, tâm huyết với sự phát triển của Nhà trường.

Số lượng giáo viên tham gia giảng dạy chuyên ngành Bảo vệ thực vật đủ về số lượng và chất lượng đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu đào tạo của ngành.

Đội ngũ CBQL có ý thức trách nhiệm cao trong nhiệm vụ lãnh đạo.

Những tồn tại: Không có

Kế hoạch nâng cao chất lượng

Năm 2021 lập kế hoạch tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia để các giáo viên còn lại tham gia sát hạch để được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 nhằm chuẩn hóa trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho CBVC nhằm đáp ứng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Khuyến khích giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi các thiết bị tự làm.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay, Nhà trường có 17 giáo viên tham gia giảng dạy kiến thức, kỹ năng nghề Bảo vệ thực vật, ngoài ra còn có các nhà giáo giảng dạy các môn học chung, môn cơ bản cơ sở. Hồ sơ giáo viên được quản lý chặt chẽ (3.1.01 - *Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy nghề Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng năm 2018, 2019, 2020*; 3.1.02 - *Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy các môn học chung, môn học cơ bản cơ sở năm 2018, 2019, 2020*; 3.1.03 - *Hồ sơ CBGV*).

Về trình độ chuyên môn, 100% giáo viên tham gia giảng dạy cả chuyên môn và các môn chung đều có trình độ từ đại học trở lên đảm bảo đạt yêu cầu theo quy định. Về trình độ ngoại ngữ và tin học 100% giáo viên tham gia giảng dạy đều có trình độ ngoại ngữ bậc 2 trở lên, trình độ tin học cơ bản trở lên. Về nghiệp vụ sư phạm, 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đều có chứng chỉ sư phạm dạy nghề.

Về trình độ kỹ năng nghề đối với nhà giáo tham gia dạy tích hợp và thực hành, hiện Khoa có 10/17 nhà giáo có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3 đáp ứng đủ điều kiện để dạy thực hành và tích hợp. Những nhà giáo chưa có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3 được sắp xếp để dạy lý thuyết. Những giáo viên này đã được Nhà trường đồng ý và đang chờ để tham gia đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề Bảo vệ thực vật bậc 3.

Để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiệp vụ của giáo viên. Hàng năm, Nhà trường lấy ý kiến cán bộ quản lý, giáo viên trong Khoa về việc giảng dạy đúng chuyên môn, nghiệp vụ (2.3.05 - *Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021*; 2.3.06 - *Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào công văn số 182/TCĐNCN- ĐKT, ngày 27 tháng 4 năm 2017 về việc thực hiện đánh giá xếp loại phân loại cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của Trường hàng năm được khách quan và chính xác hàng tháng, hàng quý, Ban Giám hiệu Nhà trường có chỉ đạo các phòng chức năng, khoa chuyên môn thực hiện xếp loại đánh

giáo cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động theo biểu mẫu và được xem xét quyết định thông qua kỳ họp bình xét thi đua của Nhà trường. Giáo viên trong Khoa luôn phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao. Theo đó, trong 3 năm liền tất cả cán bộ, nhà giáo tham gia giảng dạy nghề Bảo vệ thực vật đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao (3.2.01 – Thông báo số 592/TB-CDNB, ngày 15/7/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm học 2020-2021; 3.2.02 - Thông báo số 651/TB-CDNB, ngày 07/8/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm học 2019-2020).

Về khối lượng công tác giảng dạy: Giảng viên đã đủ và vượt khối lượng theo định mức giáo viên (3.2.03 – Bảng nghiệm thu khối lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giáo viên năm 2019, 2020, 2021).

Về công tác sư phạm và trao đổi phương pháp giảng dạy: Khoa đã hoàn thành hội giảng cấp khoa để chọn giáo viên dạy giỏi cấp trường. Khoa thường xuyên cử giáo viên tham dự các lớp bồi dưỡng sư phạm do tỉnh và các bộ ngành tổ chức. Tất cả các giảng viên trong khoa đã áp dụng quy chế giáo dục nghề nghiệp vào giảng dạy.

Về thực hiện chương trình dự án, viết giáo trình: Biên soạn giáo trình: Phương pháp thí nghiệm.

Công tác chủ nhiệm lớp và hướng dẫn sinh viên thực tập cuối khóa: hầu hết các giáo viên trong khoa đều tham gia công tác chủ nhiệm lớp. Hướng dẫn 4 lớp với khoảng 100 lượt học sinh, sinh viên thực tập cuối khóa trong và ngoài trường, ở các ngành học cấp học khác nhau ở các huyện trong tỉnh Tiền Giang.

Công việc khác: Tham gia thỉnh giảng lớp liên thông từ Trung cấp lên cao đẳng tại trường, các lớp Trung cấp TT-BVTV học ngày thứ 7 và chủ nhật, giảng dạy liên thông đại học với Đại học Nông Lâm Bắc Giang. Tham mưu cho BGH về việc quản lý và chăm sóc cây xanh, cây cảnh, khuôn viên trường.

Khoa Trồng trọt-Bảo vệ thực vật luôn thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về thực hiện nhiệm vụ chính trị của cấp trên giao luôn chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên và thực hiện đúng, đầy đủ các mức khoán với nhà trường và nghĩa vụ thuế với Nhà nước, có tham gia ủng hộ phong trào khác của

trường như thăm hỏi cán bộ nghỉ hưu, việc thăm hỏi của thân nhân cán bộ nhân viên nhà trường.

Giáo viên luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan và nơi cư trú không mắc sai phạm nào (3.1.01 - *Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy nghề Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng năm 2018, 2019, 2020*; 3.1.02 - *Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy các môn học chung, môn học cơ bản cơ sở năm 2018, 2019, 2020*; 3.1.03 - *Hồ sơ CBGV*; 2.2.01 - *Quyết định số 1009/QĐ-CDNB ngày 4/11/2019 Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên năm học 2019-2020*; 2.2.02 - *Quyết định số 945/QĐ-CDNB ngày 3/11/2020 Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên năm học 2020-2021*; 3.2.04 - *Mẫu phiếu đánh giá xếp loại nhà giáo*; 3.2.05 - *Báo cáo tổng kết của Nhà trường năm 2018, 2019, 2020*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ vào thông tư 07/2017-BLĐ-TBXH, Nhà trường xây dựng quy định chế độ làm việc của cán bộ giảng dạy, nhân viên có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBVC. Tổng số giáo viên giảng dạy nghề Bảo vệ thực vật là 17 người, trong đó 9 giáo viên trực thuộc Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và 8 giáo viên làm việc tại các phòng chức năng. Tất cả giáo viên đều được đào tạo đúng chuyên môn với 17 giáo viên có trình độ đại học trở lên. 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm theo đúng quy định; giáo viên thực hành đạt chuẩn về kỹ năng thực hành, đảm bảo tất cả các môn học có đủ giáo viên đứng lớp (3.3.01 - *Quyết định của Hiệu trưởng nhà trường về việc Ban hành quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN*; 3.1.01 - *Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy nghề Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng năm 2018, 2019, 2020*; 2.2.01 - *Quyết định số 1009/QĐ-CDNB ngày 4/11/2019 Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên năm học 2019-2020*; 2.2.02 - *Quyết định số 945/QĐ-CDNB ngày 3/11/2020 Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên năm học 2020-2021*; 2.1.36 - *Quyết định 746 / QĐ-CDNB ngày 09/09/2019 thành lập lớp cao đẳng 12CD-Va,*

12CD-Vb ngành Bảo vệ thực vật; 2.1.37 - Quyết định 747/ QĐ-CDNB ngày 09/09/2019 thành lập lớp trung cấp 44V ngành Bảo vệ thực vật; 2.1.38 - Quyết định 720/ QĐ-CDNB ngày 10/08/2019 thành lập lớp trung cấp 44T3a-TG ngành Trồng trọt-Bảo vệ thực vật; 2.1.39 - Quyết định 08/ QĐ-CDNB ngày 04/11/2020 thành lập lớp trung cấp 45T3a-TG ngành Trồng trọt-Bảo vệ thực vật; 2.1.40 - Quyết định 796/ QĐ-CDNB ngày 22/09/2020 thành lập lớp trung cấp 45T ngành Trồng trọt-Bảo vệ thực vật; 2.1.41 - Quyết định 811/ QĐ-CDNB ngày 07/10/2020 thành lập lớp cao đẳng 13CD-V, ngành Bảo vệ thực vật; 2.1.42 - Quyết định 271/ QĐ-CDNB ngày 20/01/2021 thành lập lớp trung cấp 46T3a ngành Trồng trọt-Bảo vệ thực vật; 2.1.43 - Quyết định 75/QĐ-CDNB ngày 19/01/2021 thành lập lớp trung cấp 46T3b ngành Trồng trọt - Bảo vệ thực vật; 3.2.03 – Bảng nghiệm thu khối lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giáo viên năm 2019, 2020, 2021).

Hàng năm căn cứ vào số lượng HSSV và giáo viên của khoa, Nhà trường quy đổi tỉ lệ học sinh trên giáo viên (3.3.02 - Danh sách tổng hợp HSSV khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật năm 2019, 2020, 2021; 3.3.03 - Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

Mô tả, phân tích, nhận định

Tính đến thời điểm năm 2021, tổng số giáo viên giảng dạy chuyên môn nghề Bảo vệ thực vật là 17 giáo viên. Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hằng năm Nhà trường đều tổ chức Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Theo đó, tất cả giáo viên sẽ tham gia giảng trước Khoa để lựa chọn ra bài giảng hay tham gia hội giảng cấp trường. Khoa có lựa chọn 3 giáo viên và giáo viên kiêm nhiệm tham gia hội giảng giáo viên dạy giỏi cấp trường, dự kiến đề xuất cử 1 - 2 giáo viên tham dự hội thi giáo viên dạy giỏi do Bộ NN và PTNT tổ chức cuối năm 2021 (3.4.01 - Danh sách giáo viên tham gia hội giảng cấp Khoa; 3.4.02 – Danh sách giáo viên tham gia Hội giảng cấp Trường). Từ kết quả Hội giảng cấp Trường, Nhà trường sẽ chọn ra những giáo viên có bài giảng tốt tham gia các Hội giảng cấp tỉnh và cấp Bộ (3.4.03 - Danh sách giáo viên tham gia hội giảng cấp Tỉnh; 3.4.04 – Danh sách giáo viên tham gia Hội giảng cấp Bộ).

Về công tác khảo nghiệm thuốc và nghiên cứu khoa học:

Khoa thực hiện đã thanh toán khoảng 100 khảo nghiệm từ Trung tâm Khảo nghiệm thuốc Phía Nam và 4 Hội đồng Khảo nghiệm thuốc từ các công ty. Giảng viên bộ môn BVTV và KHCT hầu hết đã đạt khối lượng nghiên cứu khoa học trên 112 giờ/năm. Khối lượng này chủ yếu quy đổi từ các hoạt động khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật. Các giáo viên ở bộ môn khác về cơ bản đủ khối lượng khoa học tối thiểu cần thiết theo quy định của nhà trường. Ngoài ra, giảng viên trong khoa còn là thành viên các hội đồng báo cáo kết quả đề tài cấp trường và phản biện các bài báo đăng trên tạp san Nhà trường (3.4.05 – *Hợp đồng Khảo nghiệm thuốc BVTV trong năm 2019, 2020, 2021*).

Khoa cũng đã đề xuất 1 đề tài khoa học cấp trường. Có 1 bài đăng trên tạp san của trường và 1 bài đăng trên tạp chí chuyên ngành. Giảng viên trong khoa còn là thành viên các hội đồng báo cáo kết quả đề tài cấp trường và phản biện các bài báo đăng trên tạp san nhà trường. Viết 1 cuốn giáo trình sơ cấp nghề cho Sở LĐ-TB&XH tỉnh Tiền Giang. Có 2 giáo viên đạt giải 2 hội giảng cấp trường.

Ngoài ra, trong năm Nhà trường cũng tổ chức nhiều hoạt động như Xây dựng và cải tiến các thiết bị tự làm phục vụ giảng dạy, phát động thi đua khuyến khích giáo viên tham gia viết sáng kiến cải tiến, tham gia nghiên cứu khoa học (3.4.06 - *Quyết định 597/QĐ-CDNB ngày 17/7/2020 của Hiệu trưởng về việc Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ cấp cơ sở năm 2020, tên đề tài: "Đánh giá hiệu lực một số thuốc trừ sâu đối với sâu keo mùa thu Spodoptera frugiperda hại ngô tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ"*; 3.4.07 - *Quyết định 603/QĐ-CDNB ngày 20/7/2020 của Hiệu trưởng về việc công nhận Sáng kiến - cải tiến năm học 2019 -2020*; 1.2.07 - *Quyết định số 641/QĐ-SLĐTBXH, ngày 04/7/2019 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tiền Giang về việc trao giải khuyến khích Hội thi Thiết bị tự làm tỉnh Tiền Giang năm 2019*; 1.2.08 - *Quyết định số 1295/QĐ-LĐTBXH ngày 12/09/2019 của Bộ LĐ-TB và Xã hội về việc trao Bằng khen - Giải nhất tại hội thi Thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc lần VI năm 2019" của nhóm tác giả*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3:1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch cử một số nhà giáo và CBVC tham gia học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ (3.5.01 – *Kế hoạch số*

1187/KH-CDNB của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021-2025; 3.5.02 – Kế hoạch số 43/KH-CDNB, ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2020; 3.5.03 – Kế hoạch số 18/KH – CDNB, ngày 05 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2019).

Nhà trường rất quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ một mặt nhằm đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn của nhà giáo mặt khác khi trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề và phương pháp giảng dạy của nhà giáo được nâng lên sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Trong những năm qua, Nhà trường đã tạo điều kiện và có chế độ chính sách ưu đãi về thời gian, khen thưởng đối với nhà giáo, CBVC đi học tập, bồi dưỡng; qua đó đội ngũ nhà giáo ngày càng đổi mới phương pháp sư phạm, hướng dẫn các em HSSV học tập tốt, rèn luyện tốt (3.5.04 - *Danh sách nhà giáo, CBVC được cử đi học tập bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng nghề, phương pháp giảng dạy năm 2019, 2020, 2021*).

Hầu hết giảng viên được cử tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn đều được đơn vị tập huấn cấp chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận sau khi hoàn thành khóa học (3.5.05 – *Bảng cấp, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa học của giảng viên tham gia các khóa tập huấn năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn chú trọng đến việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn và cập nhật kiến thức cho đội ngũ nhà giáo của Trường, như nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng chính trị sơ cấp, trung cấp, cao cấp về lý luận chính trị, định kỳ cử CCVC đi tập huấn các công nghệ cao, học tập các phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định đặc thù của ngành (3.1.01 - *Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy nghề Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng năm 2018, 2019, 2020*).

Căn cứ theo quy định tại Thông tư 08/2017/TT-BLĐT BXH về chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường đã vận dụng và quy định khối lượng công tác này trong Quy định chung về hoạt động của Nhà trường (1.4.01 - QĐ số 141/QĐ-CDNB ngày 19/2/2021 Quyết định ban hành quy định hoạt động Trường năm 2021). Hằng năm, nhà giáo được sắp xếp thời gian để tham gia tập huấn, học tập, thực hành tại các cơ sở sản xuất, các đơn vị sử dụng lao động nhằm cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất mới áp dụng vào công tác giảng dạy của mình. Hoạt động này của giáo viên được kết hợp với thời gian hướng dẫn thực tập của HSSV tại doanh nghiệp và thời gian tham gia dẫn đoàn HSSV thực tập môn học, tham quan tại doanh nghiệp (2.4.02 – Quyết định 44/QĐ-CDNB-ĐT ngày 21/01/2020 thành lập đoàn thực tập cuối khóa lớp 10CD-Va,b,c,d và 10CD-T; 2.4.03 - Quyết định 986/QĐ-CDNB-ĐT&KH CN ngày 19/11/2020 thành lập đoàn thực tập nghề nghiệp lớp 11CD-Va,b,c, 11CD-T; 2.4.04 - Quyết định 63/QĐ-CDNB-ĐT&KH CN ngày 20/1/2021 thành lập đoàn thực tập cuối khóa lớp 11CD-Va,b,c, 11CD-T; 2.4.05 - Quyết định 756/QĐ-CDNB-ĐT&KH CN ngày 28/10/2021 thành lập đoàn thực tập cuối khóa lớp 12CD-Va,b). Hằng năm, Phòng Đào tạo & KH CN của Nhà trường có nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc và nghiệm thu số giờ thực hiện của giáo viên. Đây cũng là tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét thi đua năm học cho CBGV.

Hằng năm 100% đội ngũ nhà giáo giảng dạy chuyên môn nghề Bảo vệ thực vật được bồi dưỡng để cập nhật công nghệ mới thuộc lĩnh vực ngành, nghề giảng dạy.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, Nhà trường luôn có kế hoạch rà soát danh sách cán bộ thuộc diện bổ nhiệm vào các chức danh, chức vụ trưởng, phó đơn vị trực thuộc để có kế hoạch bồi dưỡng về quản lý nhà nước, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu phát triển chung của Nhà trường và nhằm tham mưu cho Ban Giám hiệu về công việc được phân công quản lý tốt hơn.

Hiện tại tất cả cán bộ quản lý của Trường đều đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp

vụ, trình độ chính trị, quân sự theo quy định (3.7.01 – *Danh sách trích ngang cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm*).

Hồ sơ của đội ngũ cán bộ quản lý cấp phòng, khoa, trung tâm có đầy đủ và được lưu tại phòng Tổ chức – Hành chính và Quản trị theo quy định (3.7.02 – *Hồ sơ cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm*).

Hàng năm, thông qua báo cáo tổng kết hoạt động của đơn vị, phiếu đánh giá cán bộ quản lý, Nhà trường tiến hành đánh giá, phân loại cán bộ quản lý (3.7.03 – *Phiếu phân loại cán bộ quản lý*; 3.7.04 – *Báo cáo tổng kết công tác năm 2019, 2020 của các đơn vị trực thuộc Trường*). Thông qua hoạt động này, Nhà trường kiểm tra việc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao của các cán bộ quản lý, đảm bảo đội ngũ cán bộ quản lý thực hiện đúng và có hiệu quả các phần việc và nhiệm vụ được giao.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định

100% đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên của Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không có cá nhân vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường đến mức phải xem xét kỷ luật (3.8.01 - *Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên của Khoa năm 2019, 2020, 2021*).

Để đánh giá cán bộ quản lý và giáo viên, nhân viên cuối năm Nhà trường ra thông báo đánh giá, xếp loại lao động cuối năm. Căn cứ vào đó các đơn vị tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tự xếp loại, Khoa căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc của từng cá nhân và nhận xét, gửi về phòng Hành chính - Tổ chức, sau đó Nhà trường tổ chức đánh giá, phân loại lao động (3.8.02 - *Bản nhận xét lao động cuối năm của cán bộ quản lý và nhân viên của Khoa năm 2018, 2019, 2020*; 3.2.03 – *Thông báo số 592/TB-CDNB, ngày 15/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm học 2020-2021*; 3.2.04 - *Thông báo số 651/TB-CDNB, ngày 07/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm học 2019 - 2020*; 3.2.05 - *Báo cáo tổng kết của Nhà trường năm 2018, 2019, 2020*)

Đề có những đánh giá về những mặt đã làm được và những tồn tại hạn chế của từng năm. Đồng thời đề ra những giải pháp thực hiện cho năm tiếp theo, Nhà trường tổ chức xây dựng dự thảo báo cáo tổng kết. Trong Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm Nhà trường đề đưa dự thảo báo cáo ra thảo luận, xin ý kiến của toàn thể cán bộ, công nhân viên, sau đó tập hợp, chỉnh sửa báo cáo rồi ban hành.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 2 điểm

2.2.4. Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4

Mở đầu

Hàng năm, Nhà trường thường xuyên xây dựng, rà soát, chỉnh sửa chương trình và giáo trình đào tạo, trong đó các chương trình đào tạo ngành Bảo vệ thực vật đều được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định, thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. Sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp và thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo cũng được xác định rất rõ ràng ngay trong chương trình đào tạo. Các chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ và đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo, giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định. Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Những điểm mạnh

Các chương trình đào tạo của Khoa được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Các chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ và đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Giáo trình đào tạo nghề Bảo vệ thực vật được tổ chức xây dựng, lựa chọn, thẩm định phê duyệt với quy trình chặt chẽ. Có văn bản phản biện của các thành viên trong Hội đồng nghiệm thu và nhận xét đánh giá của nhà giáo, cán bộ quản lý, chuyên gia từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và HSSV về chất lượng từng giáo trình đáp ứng từng bước yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học.

Những tồn tại

Một số môn học/ mô đun chưa có giáo trình biên soạn riêng của Trường.

Kế hoạch nâng cao chất lượng

Từ năm 2021, Nhà trường tiếp tục tổ chức rà soát điều chỉnh biên soạn giáo trình cho tất cả các mô đun/môn học trong chương trình đào.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	24
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2

Tiêu chuẩn 8	2
Tiêu chuẩn 9	2
Tiêu chuẩn 10	2
Tiêu chuẩn 11	2
Tiêu chuẩn 12	2

Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Thực hiện các Thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội như: Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp. Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Bảo vệ thực vật của Nhà trường được xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định. Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo Khoa đã mời các chuyên gia từ các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp và các giáo viên, chuyên gia giàu kinh nghiệm từ các cơ sở đào tạo khác tham gia biên soạn, thẩm định, khảo sát, đánh giá cũng như điều chỉnh chương trình đào tạo (4.1.01 - QĐ 94/QĐ-CDNB ngày 13/2/2017 về việc thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo; 4.1.02 – Danh sách Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo cao đẳng Bảo vệ thực vật; 4.1.03 - QĐ 305/QĐ-CDNB ngày 10/4/2017 về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; 4.1.04 – Danh sách thành viên hội đồng thẩm định chương trình đào tạo cao đẳng Bảo vệ thực vật; 4.1.05 - Biên bản nhận xét đánh giá chương trình đào tạo; 4.1.06 – QĐ 382/QĐ-CDNB ngày 27/4/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Bảo vệ thực vật).

Năm 2020, sau khi ban hành quyết định áp dụng chuẩn kiến thức, kỹ năng tối thiểu dành cho người học do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành, Nhà trường tiến hành điều chỉnh một số nội dung trong chương trình đào tạo cho phù hợp với

quy định (4.1.07 - Kế hoạch rà soát, điều chỉnh và xây dựng chương trình đào tạo năm 2020; 1.2.01 - Quyết định số 679/QĐ-CDNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Chế biến thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước; chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Công nghệ thực phẩm; Chế biến và Bảo quản thủy sản; Cấp thoát nước).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trong nhiều năm qua, Nhà trường luôn giữ liên hệ các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có uy tín tham gia xây dựng, biên soạn chương trình đào tạo để cập nhật kịp thời kiến thức và kỹ năng mới phù hợp với thực tế theo nhu cầu của thị trường lao động.

Căn cứ vào Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, Nhà trường thành lập Ban chủ nhiệm biên soạn, hội đồng thẩm định chương trình đào tạo gồm cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ chuyên môn và các chuyên gia đến từ các đơn vị sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp tham gia góp ý vào chương trình đào tạo. Đối với chương trình đào tạo cao đẳng nghề Bảo vệ thực vật có sự tham gia của 3 đại diện đến từ các cơ quan và doanh nghiệp thuộc lĩnh vực Bảo vệ thực vật (4.1.01 - QĐ 94/QĐ-CDNB ngày 13/2/2017 về việc thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo; 4.1.02 – Danh sách Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo cao đẳng Bảo vệ thực vật; 4.1.03 - QĐ 305/QĐ-CDNB ngày 10/4/2017 về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; 4.1.04 – Danh sách thành viên hội đồng thẩm định chương trình đào tạo cao đẳng Bảo vệ thực vật; 4.1.05 - Biên bản nhận xét đánh giá chương trình đào tạo; 4.1.06 – QĐ 382/QĐ-CDNB ngày 27/4/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Bảo vệ thực vật).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định

Tất cả các chương trình mô-đun, môn học đào tạo nghề của Khoa đều thông qua hội đồng thẩm định chương trình đào tạo. Trong đó, lượng kiến thức được phân bổ như sau: Đối với cao đẳng: Môn học chung (435 tiết), môn học cơ sở ngành, môn học chuyên ngành (1.995 tiết) trong đó thời lượng thực hành, thực tập (1.617 tiết).

Căn cứ vào chương trình khung được xây dựng. Hội đồng đánh giá lượng kiến thức cần thiết đáp ứng được yêu cầu của người học và của xã hội. Trên cơ sở đánh giá của hội đồng thẩm định và nghiệm thu Hiệu trưởng phê duyệt, ra Quyết định ban hành (1.2.01 - *Quyết định số 679/QĐ-CDNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật, Thú y, Kế toán doanh nghiệp, Nuôi trồng thủy sản nước ngọt, Chế biến thực phẩm, Kỹ thuật xây dựng, Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước, chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật, Thú y, Kế toán doanh nghiệp, Công nghệ thực phẩm, Chế biến và Bảo quản thủy sản, Cấp thoát nước; 4.3.01 - Chương trình chi tiết các môn học, mô đun trình độ đào tạo cao đẳng, nghề Bảo vệ thực vật*).

Thực hiện theo Công văn số 775/TCGDNN-ĐTCQ ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Tổng cục GDNN về hướng dẫn sử dụng chuẩn đầu ra trong việc phát triển chương trình đào tạo, đầu năm 2020 Nhà trường quyết định ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được sau tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành của Trường (4.3.02 - *Quyết định số 27/QĐ-CDNB ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Hiệu trưởng về áp dụng Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được sau tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành của trường*). Từ đó, để đảm bảo chương trình đào tạo phù hợp với quy định mới Nhà trường tiến hành cập nhật, điều chỉnh lại các chương trình đào tạo theo quy định hiện hành để triển khai đào tạo từ năm học 2020-2021 (4.1.05 - *Kế hoạch rà soát, điều chỉnh và xây dựng chương trình đào tạo năm 2020*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; chương trình đào tạo của nhà trường đều thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô đun, môn học, xác định rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể; quy định khối lượng kiến thức, kỹ năng và thái độ cần đạt được của từng công việc trong mỗi ngành, nghề, thể hiện rõ phương pháp và hình thức đào tạo trong từng môn học, mô đun để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Với bậc cao đẳng: Tổng thời gian thực hiện CTĐT nghề Bảo vệ thực vật là 2.430 giờ trong đó lý thuyết 813 giờ chiếm tỉ lệ 33%, thực hành 1.617 giờ chiếm tỉ lệ 67% CTĐT (*1.2.01 - Quyết định số 679/QĐ-CDNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Chế biến thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước; chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Công nghệ thực phẩm; Chế biến và Bảo quản thủy sản; Cấp thoát nước; 4.3.01 - Chương trình chi tiết các môn học, mô đun trình độ đào tạo cao đẳng, nghề Bảo vệ thực vật*).

Trình tự các mô đun, môn học được sắp xếp một cách hợp lý đảm bảo tính liên thông chuyển tiếp, bổ trợ cho nhau giữa các môn học. Cụ thể môn lý thuyết chung được giảng dạy trước, đến các môn cơ sở ngành và chuyên ngành.

Trong CTĐT quy định rõ trình tự thực hiện môn học để đảm bảo lượng kiến thức ở các mô đun, môn học có sự liên kết chuyển tiếp kiến thức, giúp HSSV tiếp nhận và thực hiện một cách tốt nhất phù hợp với mục tiêu giáo dục của nghề được Hiệu trưởng phê duyệt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình xây dựng CTĐT, gắn liền với việc xây dựng biên soạn CTĐT là xác định cơ sở vật chất đảm bảo cho quá trình triển khai giảng dạy theo CTĐT như: phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, các thiết bị phục vụ cho đào tạo chuyên ngành cần phải có (4.5.01 - *Danh mục thiết bị đào tạo của ngành Bảo vệ thực vật*). Hiện tại Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật có 6 phòng thí nghiệm, 01 nhà nuôi cấy mô, 02 khu nhà lưới, 01 khu ruộng thực nghiệm, 01 khu vườn cây ăn quả và các phòng học lý thuyết, cơ sở vật chất của khoa đáp ứng được CTĐT (4.5.02 - *Quyết định số 3939/QĐ-BNN-KH ngày 05/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án quy hoạch mặt bằng tổng thể Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ*).

Ngoài yêu cầu về cơ sở vật chất thì đối với đội ngũ giáo viên cũng có những yêu cầu cụ thể về trình độ, kiến thức, kỹ năng (3.1.01- *Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy nghề Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng năm 2018, 2019, 2020*; 3.1.02 - *Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy các môn học chung, môn học cơ bản cơ sở năm 2018, 2019, 2020*; 3.1.03- *Hồ sơ CBGV*). Đối với mỗi mô đun, môn học có yêu cầu cụ thể về kinh nghiệm giảng dạy, chuyên ngành học của giáo viên. Tổng số giáo viên chuyên môn là 17 giáo viên, trong đó 01 người đang làm nghiên cứu sinh, thạc sĩ 16 người. Với lực lượng giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy nhiều năm, đảm bảo thực hiện tốt CTĐT.

Nhà trường khảo sát lấy ý kiến của bộ phận giáo viên giảng dạy trong khoa, chuyên gia trong lĩnh vực này để biết được mức độ đáp ứng yêu cầu của cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên đối với CTĐT (2.3.05 - *Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021*; 2.3.06 - *Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô đun, môn học của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ thông tư 03/2017/BLĐ-TBXH, trong chương trình chi tiết, mỗi môn học đều có quy định cụ thể số lần kiểm tra định kỳ, kiểm tra kết thúc môn, thời điểm kiểm tra, thời gian kiểm tra; quy định rõ phương pháp kiểm tra kết thúc môn học, mô đun và các yêu cầu kiểm tra đánh giá kết quả học tập sau khi kết thúc môn học/mô đun (*4.6.01- Chương trình chi tiết của môn học/mô đun nghề Bảo vệ thực vật bậc cao đẳng*) có quy định phương pháp kiểm tra đánh giá.

Đối với nghề Bảo vệ thực vật, được quy định chi tiết đối với từng mô đun, môn học. Các môn học lý thuyết thì kiểm tra định kỳ sau 15 tiết học và kết thúc môn sau khi kết thúc môn học.

Xây dựng chương trình đào tạo của nghề Bảo vệ thực vật được sự tham gia của giáo viên có trình độ chuyên môn, ý kiến của doanh nghiệp, ý kiến HSSV chuẩn bị tốt nghiệp về sự phù hợp của phương pháp đánh giá kết quả đối với người học (*2.3.03 - Phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021; 2.3.04 - Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện các Thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động thương binh và Xã hội như: Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp; Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Tất cả các chương trình mô đun, môn học đào tạo nghề Bảo vệ thực vật của khoa đều thông qua hội đồng thẩm định chương trình. Hội đồng đánh mức độ phù hợp của CTĐT đối công nghệ sản xuất hiện tại, phù hợp với sự phát triển của ngành, địa phương và của đất nước được Hiệu trưởng phê duyệt, ra Quyết định ban hành (*1.2.01 - Quyết định số 679/QĐ-CĐNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh*

ngành; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Chế biến thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước; chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Công nghệ thực phẩm; Chế biến và Bảo quản thủy sản; Cấp thoát nước; 4.3.01 - Chương trình chi tiết các môn học, mô đun trình độ đào tạo cao đẳng, nghề Bảo vệ thực vật)

Thông qua khảo sát ý kiến của doanh nghiệp, chuyên gia, cán bộ giáo viên và HSSV về CTĐT (2.3.03 - *Phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021*; 2.3.04 - *Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021*; 2.3.05 - *Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021*; 2.3.06 - *Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Mô tả, phân tích, nhận định

Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp, giúp cho người học ở các bậc thấp hơn trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp có thể học liên thông lên các bậc cao hơn trong cùng hệ thống giáo dục nghề nghiệp và cùng ngành, nghề đào tạo. Các nội dung trong CTĐT cũng được xây dựng một cách hệ thống có sự liên hệ và bổ trợ cho nhau. Các học phần giáo dục đại cương được thiết kế theo nhóm ngành liên quan và có sự thống nhất chung giữa các khoa chuyên môn; một số học phần bắt buộc người học phải hoàn thành các học phần tiên quyết, đặc biệt là đối với khối kiến thức giáo dục nghề nghiệp bao gồm phần kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Trong quá trình liên thông lên đại học, người học được cơ sở giáo dục đại học miễn một số học phần có khối lượng kiến thức tương đương. Điều này được thể hiện rõ trong chương trình chi tiết của từng ngành nghề cụ thể (1.2.01 - *Quyết định số 679/QĐ-CĐNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Chế biến thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước; chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Công nghệ thực phẩm; Chế biến và Bảo quản thủy sản; Cấp thoát nước*).

Hiện Nhà trường cũng liên kết với nhiều trường đại học như Đại học Nông lâm Bắc Giang, Đại học Nông lâm Thái Nguyên để tổ chức đào tạo liên thông lên đại học cho HSSV tốt nghiệp của trường các ngành Bảo vệ thực vật, Thú y, Quản lý đất đai,... tạo cơ hội để người học được liên thông lên trình độ cao hơn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường có danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành (4.9.01 - *Quyết định số 897/QĐ-CDNB ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành danh sách giáo trình sử dụng cho từng môn học/ mô đun*).

Giáo trình sử dụng cho các mô đun/ môn học một số được Nhà trường biên soạn, một số được lựa chọn từ giáo trình của các trường cao đẳng, đại học có nội dung phù hợp chương trình đào tạo. Giáo trình được biên soạn hay lựa chọn đều thực hiện các bước đúng theo quy định (4.9.02 – *Danh sách giáo trình, tập bài giảng của các môn học/ mô đun của chương trình đào tạo*).

Có bản in các giáo trình của các mô đun, môn học của chương trình đào tạo trong thư viện trường hoặc bản điện tử của các giáo trình nêu trên trong thư viện điện tử của trường (4.9.03 – *Bản in các giáo trình, tập bài giảng của các môn học/ mô đun của các chương trình đào tạo*).

Năm 2021, Khoa đang thực hiện viết mới một số giáo trình như giáo trình Quản lý dịch hại trên cây lương thực, giáo trình Quản lý dịch hại trên cây ăn quả, giáo trình Quản lý dịch hại trên cây rau, giáo trình Quản lý dịch hại trên cây công nghiệp, giáo trình Thuốc bảo vệ thực vật (4.9.04 – *Danh sách các giáo trình biên soạn trong năm 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

100% giáo trình của các mô đun, môn học của chương trình đào tạo Bảo vệ thực vật được xây dựng, lựa chọn đúng theo quy định tại Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (4.10.01 - Quyết định số 897/QĐ-CDNB ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành danh sách giáo trình sử dụng cho từng môn học/ mô đun). Các giáo trình và bài giảng được sử dụng tại Trường đều được lựa chọn và biên soạn theo đúng quy trình và hướng dẫn, được thẩm định đầy đủ (4.10.02 – Quyết định số 786/QĐ-CDNB ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc quyết định biên soạn giáo trình trình độ cao đẳng; 4.10.03 – Quyết định số 494/QĐ-CDNB ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập hội đồng thẩm định giáo trình Phương pháp thí nghiệm trình độ cao đẳng).

Nhà trường có đầy đủ các bản in giáo trình hoặc tập bài giảng của các mô đun/ môn học của các chương trình đào tạo. Hiện tại, Nhà trường đang sử dụng một số giáo trình tham khảo của các trường khác, một số giáo trình do Nhà trường biên soạn và một số bài giảng do giáo viên nhà trường biên soạn (4.10.04 – Bản in các giáo trình, tập bài giảng của các môn học/ mô đun của chương trình đào tạo Bảo vệ thực vật).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Mô tả, phân tích, nhận định

Giáo trình được lựa chọn và xây dựng đảm bảo 100% được cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo trên cơ sở tham khảo ý kiến của các nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật và các chuyên gia. Các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo sẽ được thường xuyên điều chỉnh cho

phù hợp với thực tiễn (4.10.01 - Quyết định số 897/QĐ-CĐNB ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành danh sách giáo trình sử dụng cho từng môn học/ mô đun; 4.10.04 – Bản in các giáo trình, tập bài giảng của các môn học/ mô đun của chương trình đào tạo Bảo vệ thực vật).

Thông qua khảo sát ý kiến của cán bộ giáo viên và HSSV về giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo (2.3.03 - Phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021; 2.3.04 - Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021; 2.3.05 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021; 2.3.06 - Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Căn cứ theo hướng dẫn về biên soạn, lựa chọn giáo trình sử dụng theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trong quá trình biên soạn, thẩm định hay lựa chọn giáo trình đều có sự tham gia của các doanh nghiệp. Thông qua những góp ý của đơn vị sử dụng lao động là các doanh nghiệp có mặt trong các hội đồng thẩm định giáo trình sẽ giúp cho nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Hội nghị nghiệm thu giáo trình giảng dạy, có biên bản thẩm định, phân biện, đánh giá, nghiệm thu, trong đó có nhận xét về mức độ cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun và ưu tiên có cho phương pháp dạy học tích cực (4.10.01 - Quyết định số 897/QĐ-CĐNB ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành danh sách giáo trình sử dụng cho từng

môn học/ mô đun; 4.10.02 – Quyết định số 786/QĐ-CDNB ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc quyết định biên soạn giáo trình trình độ cao đẳng; 4.10.03 – Quyết định số 494/QĐ-CDNB ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập hội đồng thẩm định giáo trình Phương pháp thí nghiệm trình độ cao đẳng; 4.12.01 – QĐ số 629/QĐ – CDNB – ĐT ngày 12/8/2021 về việc Phê duyệt và ban hành giáo trình đào tạo Phương pháp thí nghiệm; 4.10.04 – Bản in các giáo trình, tập bài giảng của các môn học/ mô đun của chương trình đào tạo Bảo vệ thực vật).

Thông qua khảo sát ý kiến của cán bộ giáo viên và HSSV về giáo trình đào tạo đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (2.3.03 - Phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021; 2.3.04 - Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021; 2.3.05 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021; 2.3.06 - Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 2 điểm

2.2.5. Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5

Mở đầu

Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật được xây dựng và quy hoạch hợp lý dựa trên mặt bằng tổng thể của trường. Khoa có đầy đủ hệ thống các phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, ruộng vườn cây thực nghiệm, nhà lưới và hệ thống các công trình phụ trợ đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên và học sinh.

Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật là Khoa có truyền thống lâu đời trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực cho lĩnh vực Bảo vệ thực vật của một số tỉnh thành tại khu vực miền Tây Nam Bộ. Chính vì vậy, Nhà trường rất chú trọng đầu tư về cơ sở vật chất ngày một đa dạng về chủng loại và đầy đủ về số lượng nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo của nghề đã đề ra trong chương trình đào tạo.

Trang thiết bị đào tạo được nâng cao và được đầu tư từ các nguồn vốn ODA và các nguồn vốn từ chương trình mục tiêu quốc gia. Năm 2020, sau đợt thanh kiểm tra về thiết bị phục vụ đào tạo, kết quả thanh tra kết luận nghề Bảo vệ thực vật thiết bị dụng cụ

đào tạo đáp ứng được 95,6% so với Danh mục thiết bị tối thiểu hiện hành do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

Những điểm mạnh

Thiết bị phục vụ đào tạo nghề Bảo vệ thực vật đáp ứng trên 90% so với danh mục thiết bị tối thiểu hiện hành.

Có đủ các khối công trình phục vụ cho các hoạt động của khoa; Hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng nhu cầu hoạt động dạy nghề.

Việc quản lý và khai thác thiết bị phục vụ giảng dạy, thực hành thực tập, nghiên cứu khoa học đi vào nề nếp và phát huy hiệu quả

Những tồn tại

Hiện một số máy móc, thiết bị, dụng cụ chưa có phòng chuyên dùng để bố trí cho hợp lý.

Số lượng giáo trình, sách, tài liệu tham khảo chưa đảm bảo và việc số hóa các tài liệu tham khảo vẫn chưa đảm bảo 100% tài liệu được số hóa.

Việc áp dụng các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy, Khoa chưa thực hiện được.

Kế hoạch nâng cao chất lượng

Đầu năm 2021 Trường đã tiến hành khởi công công trình dãy phòng học thực hành, trong năm 2021 và 2022 tiếp tục hoàn thiện và đưa vào sử dụng hệ thống phòng thực hành mới.

Hoàn thiện việc số hóa 100% tất cả giáo trình, sách, tài liệu tham khảo.

Nghiên cứu và đưa các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	12
Tiêu chuẩn 1	2

Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	0
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	0

Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường có các khu vực phục vụ cho các hoạt động của Trường theo tiêu chuẩn khu học tập và khu nghiên cứu khoa học; khu thực hành; khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị.

Khu học tập: Phòng học lý thuyết, phòng thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn gồm 02 khu giảng đường với 25 phòng học lý thuyết, 02 hội trường từ 100 chỗ đến 500 chỗ và 04 phòng học tại khu trại thực nghiệm và 16 phòng thí nghiệm bố trí ở 2 dãy nhà.

Trại Thực nghiệm của trường gồm: Khu thực hành cho ngành trồng trọt gồm nhà lưới, ruộng, vườn cây, khu trại chăn nuôi, khu nhà mổ động vật, khu thực hành thủy lợi, xưởng thực hành chế biến thực phẩm.

Một số công trình phụ trợ và khu sinh hoạt cho người học và giáo viên (ký túc xá HSSV, nhà ở công vụ của GV, nhà xe CBVC, nhà xe HSSV, phòng tuyển sinh, hệ thống phòng trưng bày sản phẩm và các dịch vụ hỗ trợ người học) (5.1.01 - Quyết định số 1818/QĐ-BNN-XDCB ngày 04/05/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán công trình cải tạo xây dựng trường).

Về cơ sở hạ tầng bao gồm đường, điện, nước hoành chính; hệ thống giao thông được trải nhựa và bê tông hóa toàn bộ khuôn viên trường từ cổng trường ra khu thí nghiệm được thiết kế đầy đủ trong phần thuyết minh các hạng mục công trình xây dựng

(5.1.02 – Hồ sơ xây dựng, thiết kế các hạng mục công trình xây dựng, mặt bằng khuôn viên trường). Nhà trường có đầy đủ các hồ sơ hoàn công của các công trình xây dựng từ năm 2001 đến nay (5.1.03 – Hồ sơ hoàn công các công trình xây dựng từ năm 2001 đến nay). Theo đó, các công trình gồm:

Hệ thống cấp nước sinh hoạt do công ty cấp nước Tiền Giang cung cấp.

Hệ thống điện: Điện lực Thành phố Mỹ Tho cung cấp qua máy biến áp 320KVA của Nhà trường.

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt trong khu KTX

Hệ thống phòng cháy, chữa cháy khu KTX và giảng đường A3

Tất cả các hạng mục khi đưa vào sử dụng đều có biên bản nghiệm thu (5.1.04 – Biên bản nghiệm thu và đưa vào sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống phòng cháy chữa cháy)

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường được thiết kế và lắp đặt vận hành đúng theo quy chuẩn với sự kiểm soát của các cơ quan chức năng có liên quan kỳ (5.1.05 - Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy số 61/T Đ-PCCC của phòng CSPCCC công an Tiền Giang cấp ngày 25/7/2013). Việc bảo trì, sửa chữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường được thực hiện định kỳ theo quy định (5.1.06 - Báo cáo quản lý chất thải nguy hại năm 2016 số 1462/BC-CĐNB ngày 20/12/2016).

Ý kiến của người học, nhà giáo và CBVC về các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn; khu học tập và nghiên cứu khoa học; khu thực hành; khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo được thể hiện trong phiếu lấy ý kiến CBVC và HSSV, kết quả khảo sát cho thấy hầu hết CBVC và HSSV đều cho rằng Nhà trường có đầy đủ các khu đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học (2.3.03 - Phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021; 2.3.04 - Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021; 2.3.05 - Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021; 2.3.06 - Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trong năm 2020 Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ được Bộ Nông nghiệp & PTNT hỗ trợ cho mua sắm thiết bị từ nguồn vốn dự án “Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp” và thiết bị cho đào tạo các nghề Nông nghiệp năm 2020; đã trang bị cho tất cả các ngành nghề mà Nhà trường đào tạo. Những trang thiết bị phù hợp và hiện đại với số lượng và chủng loại phong phú đa dạng, đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu đào tạo của trường (5.2.01 - *Danh mục trang thiết bị của trường theo ngành Bảo vệ thực vật*).

Căn cứ vào danh mục thiết bị tối thiểu cho một số ngành mà Trường đào tạo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành và danh mục trang thiết bị Nhà trường hiện có cho thấy, Nhà trường đảm bảo đáp ứng > 90% so với danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu của từng trình độ đào tạo theo quy định của cơ quan quản lý Nhà nước về GDNN ở trung ương. Một số ngành từ chuyên nghiệp chuyển sang hiện chưa có danh mục thiết bị tối thiểu do cơ quan Nhà nước quy định. Tuy nhiên, theo tình hình trang thiết bị của Trường đã có, Nhà trường cũng đảm bảo đáp ứng được nhu cầu của chương trình đào tạo. Bảng tổng hợp so sánh danh mục thiết bị của Trường đạt 95,6% so với DMTB tối thiểu do Bộ LĐTBXH ban hành (5.2.02 - *Bảng tổng hợp so sánh DMTB của Trường với DMTB tối thiểu do Bộ LĐTBXH ban hành*).

Kết quả thanh kiểm tra về thiết bị đào tạo: Vào tháng 9/2020 đã kết luận thiết bị phục vụ đào tạo nghề Bảo vệ thực vật đáp ứng 95,6% so với DMTB tối thiểu theo quy định hiện hành do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành (5.2.03 - *Biên bản kết luận của Ban Thanh tra*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Tất cả máy, trang thiết bị đều có hồ sơ bao gồm: Tên, số lượng, năm sản xuất và năm đưa vào sử dụng (5.3.01 - *Hồ sơ thống kê danh mục trang thiết bị*; 5.3.02 - *Biên bản đánh giá trang thiết bị*). Thiết bị được sắp xếp vào các phòng thí nghiệm, xưởng thực

hành và được quản lý bởi Phòng Cơ sở vật chất Nhà trường. Việc quản lý có sổ theo dõi riêng, có nhật ký bảo dưỡng định kỳ hoặc đột xuất (5.3.03 – *Sổ quản lý thiết bị*). Nhà trường thực hiện việc đầu tư cho từng nghề, không đầu tư dàn trải. Do đó, đảm bảo tính đồng bộ của trang thiết bị, hàng năm có thực hiện đánh giá tình trạng trang thiết bị (5.3.04 - *Hợp đồng mua sắm trang thiết bị*).

Để đáp ứng CTĐT, Nhà trường tiến thực hiện việc rà soát kê khai danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ LĐ-TB &XH ban hành. Nhà trường đã chỉ đạo các phòng khoa chức năng chuyên môn ra soát kê khai danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường để làm cơ sở so sánh, đối chiếu tìm ra những DMTB còn thiếu, chưa đồng bộ từ đó có kế hoạch bổ sung kịp thời (5.3.05 - *Tổng hợp danh mục thiết bị hiện có*; 5.3.06 - *Tổng hợp danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu*; 5.3.07 - *Bảng so sánh danh mục thiết bị đào tạo*).

Kết quả thanh kiểm tra về thiết bị đào tạo: Vào tháng 9/2020 cho thấy thiết bị đào tạo của Nhà trường hiện có đáp ứng khá đầy đủ cả về số lượng và chủng loại theo yêu cầu của chương trình đào tạo theo DMTB tối thiểu Bộ LĐ-TB&XH ban hành. Trong đó, ngành Bảo vệ thực vật có mức độ đáp ứng so với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu hiện hành đạt 95,6% (5.3.08 – *Biên bản kết luận của Ban thanh tra thiết bị đào tạo*).

Hàng năm, Khoa báo cáo tài sản cố định theo quy định của Nhà nước và tiến hành đánh giá giá trị của tài sản cố định, giá trị khấu hao. Những tài sản kém phẩm chất, các thiết bị cũ, hư hỏng không còn được sử dụng đề nghị thanh lý (5.3.09 - *Báo cáo theo dõi tài sản cố định*; 5.3.10 - *Danh mục tài sản thanh lý*; 5.3.11 - *Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Tất cả thiết bị, dụng cụ của các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và phòng máy vi tính đều được bố trí theo sơ đồ và thiết kế của từng phòng (5.4.01 – *Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo*). Mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều bố trí đủ bàn

ghế và các dụng cụ, thiết bị cho mỗi nhóm thực hành, thí nghiệm, an toàn, thuận lợi cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng, đảm bảo các yêu cầu sư phạm (5.4.02 – Hồ sơ thiết kế, lắp đặt thiết bị, dụng cụ).

Nhà trường có bảng nội quy và quy chế của các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và phòng máy vi tính. Những nội quy hướng dẫn cho HSSV sử dụng các phòng thực hành, thí nghiệm đảm bảo an toàn lao động, học tập, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ, hóa chất...(5.4.03 – Nội quy sử dụng phòng thí nghiệm).

Trong quá trình sử dụng các dụng cụ, thiết bị, máy móc trong giờ thực hành, thí nghiệm nếu có xảy ra hư hỏng, cháy nổ hay đánh mất, Nhà trường tiến hành lập biên bản về tình trạng hoạt động và hiệu quả sử dụng thiết bị đó (5.4.04 – Hồ sơ quản lý thiết bị, dụng cụ).

Trong quy định về trách nhiệm quản lý, phục vụ và khai thác các phòng thí nghiệm thực hành, Trường Cao Đẳng Nông Nghiệp Nam Bộ có quy định về việc định kỳ đánh giá cũng như đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo (5.4.05 - Quyết định số 1361/QĐ-CDNB ngày 19/12/2013 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng thí nghiệm).

Hàng tuần, Phòng Cơ sở vật chất có cho nhân viên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng và vận hành thiết bị đào tạo theo quy trình, nhằm phát hiện có hư hỏng hay trục trặc gì để đề xuất Ban Giám hiệu cho sửa chữa, khắc phục kịp thời để phục vụ cho việc thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học đúng tiến độ. Đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo (5.4.06 – Quyết định số 955/QĐ-CDNB ngày 09/02/2017 của Hiệu trưởng Về việc ban hành Quy trình bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản trong Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hiện tại, nhà trường đang thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng của một số ngành nghề Trường được phép đào tạo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành gồm các ngành: Bảo vệ thực vật, chăn nuôi gia súc gia cầm, chế biến thực phẩm, nuôi trồng thủy sản nước ngọt, khảo sát địa hình (5.5.01 – *Thông tư 24/2019/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2019 về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng một số ngành thuộc lĩnh vực công nghệ, kỹ thuật, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản*).

Các phòng máy tính, phòng thí nghiệm quản lý theo ngành, lĩnh vực, được kiểm tra thường xuyên, nếu có hư hỏng được đề nghị sửa chữa, thay thế kịp thời không để ảnh hưởng đến công tác dạy và học.

Trang thiết bị của các phòng thí nghiệm có cán bộ quản lý, bảo trì theo quy định, sắp xếp gọn gàng theo từng khu vực, từng ngành.

Việc quản lý, cấp phát vật tư được thực hiện đúng theo định mức quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và yêu cầu của chương trình đào tạo, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường có thư viện điện tử dùng chung trong khối các trường trực thuộc bộ Nông nghiệp và PTNT (5.6.01 - <http://thuvien.cfi.edu.vn/Pages/default.aspx>).

Đối với thư viện Trường, việc áp dụng phần mềm dùng chung trong khối các trường trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT: phần mềm Libol 6.0 đã góp phần điện tử hóa cho việc tra cứu và tìm kiếm tài liệu tham khảo, giáo trình, bài giảng cho HSSV và CBVC (5.6.02 – *Danh mục tài liệu tham khảo được số hóa*; 5.6.03 – *Danh mục giáo trình được số hóa*).

Thư viện tại cơ sở chính hiện có một phòng làm việc cho thủ thư và một kho chứa sách. Việc phục vụ bạn đọc được thực hiện theo hình thức cho mượn sách về nhà, không phục vụ đọc sách tại thư viện, và hoạt động xuyên suốt các ngày trong tuần (trừ thứ Bảy và Chủ nhật). Để tạo thuận tiện và dễ dàng trong hoạt động, Nhà trường có xây dựng nội quy hoạt động của thư viện, bảng nội quy này được bố trí ngay lối vào thư viện để đọc giả có thể xem và thực hiện.

Thư viện hiện có 2.479 đầu sách và 10 đầu báo, tạp chí, trong đó sách tham khảo là 2.369 đầu sách. Hằng năm, số đầu sách nhập thêm vào thư viện lên đến 100 đầu sách đủ để phục vụ nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.

Tài liệu trong kho luôn được sắp xếp theo môn loại khoa học, theo bảng phân loại DDC để bạn đọc dễ tra cứu.

Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường được đánh giá là phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học thông qua việc lấy ý kiến khảo sát CBVC và HSSV trong trường (2.3.03 - *Phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021*; 2.3.04 - *Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021*; 2.3.05 - *Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021*; 2.3.06 - *Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021*).

Trong quá trình sử dụng nếu có xảy ra hư hỏng hay đánh mất sách, thủ thư tiến hành lập biên bản và hướng dẫn bạn đọc đền sách theo quy định của trường.

Hàng tuần, Phòng Đào tạo và KHCN cho nhân viên kiểm tra tình hình mỗi mọt và ẩm mốc tại thư viện để có biện pháp xử lý kịp thời nếu có biến cố xảy ra.

Tuy nhiên số lượng giáo trình, sách, tài liệu tham khảo chưa đảm bảo và việc số hóa các tài liệu tham khảo vẫn chưa đảm bảo 100% tài liệu được số hóa.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 00 điểm

Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trường có thư viện điện tử dùng chung trong khối các trường trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT (5.7.01 - <http://thuvien.cfi.edu.vn/Pages/default.aspx>).

Đối với thư viện trường, việc áp dụng phần mềm dùng chung trong khối các trường trực thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT: Phần mềm Libol 6.0 đã góp phần điện tử hóa cho việc tra cứu và tìm kiếm tài liệu tham khảo, giáo trình, bài giảng cho HSSV và CBVC. Thư viện có 10 máy tính bàn có nối mạng internet đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học (5.6.02 – *Danh mục tài liệu tham khảo được số hóa*; 5.6.03 – *Danh mục giáo trình được số hóa*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường khuyến khích Khoa sử dụng phần mềm ảo trong giảng dạy. Hàng năm, công tác nghiên cứu khoa học, chế tạo dụng cụ giảng dạy được nhà trường đặc biệt quan tâm (5.8.01 - *Danh sách phần mềm được ứng dụng trong giảng dạy ở trong khoa*; 5.8.02 - *Thông báo về cuộc thi sáng tạo dụng cụ dạy học*; 5.8.03 - *Quyết định thành lập hội đồng cuộc thi sáng tạo dụng cụ dạy học*; 5.8.04 - *Danh sách thí sinh thi năm 2019, 2020, 2021*).

Việc áp dụng các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy Khoa chưa thực hiện được.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5:00 điểm

2.2.6. Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6

Mở đầu

Học sinh sinh viên là một trong những nhân tố quan trọng hàng đầu trong Nhà trường. Với phương châm “***Lấy người học làm trung tâm***”, ngoài chất lượng giảng dạy, Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ luôn đảm bảo mọi người học có được thông tin đầy đủ về nghề đào tạo, khóa đào tạo, các dịch vụ khác như ăn, ở, chăm sóc sức khỏe, vui chơi giải trí và các quy định khác của trường ngay từ khi nhập học.

Việc định hướng nghề nghiệp cho người học nắm rõ mục tiêu đào tạo, chương trình học của từng ngành, chuyên ngành và những thông tin cần thiết về Nhà trường cũng

là vấn đề quan trọng và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm. Vì vậy, hàng năm Nhà trường đều tổ chức nhiều hoạt động cho người học để đáp ứng mục tiêu đề ra như: tổ chức các buổi sinh hoạt đầu khóa phổ biến về thông tin, nội quy, quy chế, cách thức tổ chức đào tạo của Nhà trường; tổ chức các buổi tư vấn định hướng nghề nghiệp cho HSSV mới nhập học; tổ chức các buổi tư vấn việc làm cho HSSV năm cuối; tổ chức các cuộc thi tay nghề, thi tìm hiểu pháp luật,... và các hoạt động đoàn thể như văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia tình nguyện vì cộng đồng,... Những hoạt động này không những cung cấp những kiến thức, thông tin cần thiết mà còn trang bị cho HSSV những kỹ năng sống, tạo sân chơi lành mạnh để cho người học có cơ hội và điều kiện phát triển toàn diện bản thân.

Những điểm mạnh

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác HSSV; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.

Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Nhà trường thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

Những tồn tại

Cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị, sân bãi phục vụ cho hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao còn hạn chế và chất lượng chưa cao nên ảnh hưởng đến các hoạt động văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao trong nội bộ trường, cũng như những hoạt động phối hợp với các cơ sở khác.

Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tập trung đầu tư để tăng cường cơ sở vật chất, xây dựng khu giảng đường, khu tập luyện thể thao và các khu bổ trợ khác một cách đầy đủ, đồng bộ.

Tổ chức quản lý để tạo môi trường xanh - sạch - đẹp nâng cao sức khoẻ cho người học.

Nâng cao chất lượng phục vụ ở căn tin của Nhà trường đảm bảo đủ điều kiện về an toàn vệ sinh thực phẩm.

Đa dạng hoá các hình thức hoạt động ngày càng phong phú thiết thực và có chiều sâu góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, thu hút hơn nữa sự quan tâm ủng hộ của CBVC và HSSV.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	8
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định

Thông qua các buổi sinh hoạt đầu khoá, các đơn vị trực thuộc trường được sắp xếp để gặp gỡ và sinh hoạt một số nội dung, thông tin về hoạt động của trường để tân HSSV khóa mới biết được cách thức và phương hướng trong thời gian học tập tại trường. Theo đó, đầu năm học Phòng Công tác HSSV sẽ lập kế hoạch phân công thời gian cụ thể để các đơn vị sinh hoạt với HSSV khóa mới. Nội dung sinh hoạt gắn với chức năng và nhiệm vụ của từng đơn vị (6.1.01 - Thời khóa biểu sinh hoạt đầu khóa, cuối khóa năm 2019, 2020, 2021).

Phòng Công tác HSSV sinh hoạt về các vấn đề liên quan đến người học như: chế độ chính sách, xét miễn giảm học phí, xét thi đua khen thưởng, cấp phát bổng, đánh giá kết quả rèn luyện, nội quy ký túc xá,... Phòng Đào tạo & KH-CN sinh hoạt về các nội dung như: quy chế đào tạo, cách thức tổ chức đào tạo, cách đánh giá kết quả học tập, cách đăng

ký học lại, xét tiến độ học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp... Phòng Tài chính -Kế toán cung cấp các thông tin về học phí, bảo hiểm y tế, các mức học bổng,... Phòng Cơ sở vật chất sinh hoạt về nội quy sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị tại phòng học, thực hành, khu trại thực nghiệm, các công trình khác trong khuôn viên Trường,... Tất cả những thông tin trên được thể hiện trong Sổ tay sinh viên phát cho các bạn HSSV vào đầu khóa học (6.1.02 - *Sổ tay HSSV*).

Phòng Kiểm định và BĐCL sinh hoạt về các vấn đề liên quan đến thi kết thúc môn học/ mô đun, thi lại, thi học lại, quy chế tổ chức thi, cách thức đăng ký thi cải thiện, phúc khảo bài thi, ... (2.5.01 - *Quyết định 722/QĐ-CDNB ngày 11/8/2020 ban hành quy định thi kết thúc môn học, mô đun*).

Các Khoa chuyên môn sinh hoạt về chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, cách thức tổ chức thực hành, thực tập, định hướng trong học tập cho các tân sinh viên.

Trung tâm Hỗ trợ HSSV và QHDN triển khai một số thông tin về tổ chức các hoạt động như: Tọa đàm định hướng nghề nghiệp, giao lưu với doanh nghiệp, tư vấn việc làm sau tốt nghiệp, việc làm bán thời gian trong quá trình học tập tại trường, xét cấp phát học bổng do doanh nghiệp tài trợ, tổ chức lấy ý kiến người học, theo dõi thông tin việc làm sau tốt nghiệp,...

Theo kết quả khảo sát HSSV có trên 90% số HSSV được khảo sát cho rằng Nhà trường có thực hiện đầy đủ các nội dung của tiêu chuẩn (2.3.03 - *Phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021*; 2.3.04 - *Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định

Ngay từ đầu mỗi khóa học, thông qua chương trình sinh hoạt đầu khóa học, Nhà trường phổ biến đến toàn thể HSSV các văn bản của Nhà nước, Chính phủ, Bộ, Ban ngành về các chế độ chính sách liên quan đến người học (6.1.01 - *Thời khóa biểu sinh hoạt đầu khóa, cuối khóa năm 2019, 2020, 2021*). Học sinh sinh viên được Nhà trường

hướng dẫn các văn bản, cách làm hồ sơ, thủ tục để được hưởng các chế độ, chính sách ưu đãi hiện hành theo quy định của Nhà nước. Tất cả những nội dung trên được tổng hợp trong sổ tay HSSV và được giáo viên chủ nhiệm nhắc nhở hàng tuần (6.1.02 - Sổ tay HSSV).

Danh sách HSSV hưởng chế độ chính sách, miễn giảm học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT BXH ngày 30 tháng 03 năm 2016 được Nhà trường xét theo từng học kỳ và thông báo đến cho HSSV được biết, được lưu tại phòng Công tác HSSV (6.2.01 - Đơn xét miễn giảm học phí, con thương binh, bệnh binh, nghề độc hại; 6.2.02 - Quyết định 38, 39, 40/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 07/01/2019; 6.2.03 – Quyết định 247, 248, 250, 251/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 27/3/2019; 6.2.04 – Quyết định 354, 355, 356/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 21/5/2019; 6.2.05 – Quyết định 751/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 10/8/2019, 753/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 5/8/2019; 6.2.06 – Quyết định 754, 755/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 5/9/2019; 6.2.07 – Quyết định 959, 960/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 9/9/2019; 6.2.08 – Quyết định 1057/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 19/10/2019; 6.2.09 – Quyết định 1055/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 1/10/2019; 6.2.10 - Quyết định 91, 92, 93, 94, 95, 374, 375/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 2/1/2020; 6.2.11 – Quyết định 101, 102, 103/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 12/01/2020; 6.2.12 – Quyết định 288/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 02/5/2020; 6.2.13 – Quyết định 342/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 19/5/2020; 6.2.14 – Quyết định 377/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 01/6/2020; 6.2.15 – Quyết định 498/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 03/6/2020; 6.2.16 – Quyết định 766/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 01/8/2020; 6.2.17 – Quyết định 770/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 1/8/2020; 6.2.18 – Quyết định 777/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 8/8/2020; 6.2.19 – Quyết định 878/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 01/10/2020; 6.2.20 – Quyết định 872, 873, 874, 875, 875, 877/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 15/10/2020; 6.2.21 – Quyết định 992/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 16/10/2020; 6.2.22 – Quyết định 960/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 04/11/2020; 6.2.23 – Quyết định 117, 118, 119, 120/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 2/1/2021; 6.2.24 – Quyết định 173, 174/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 02/2/2021; 6.2.25 – Quyết định 175/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 22/02/2021; 6.2.26 – Quyết định 275, 276/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 06/02/2021; 6.2.27 – Quyết định 304/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 02/4/2021).

Tất cả những chính sách, số liệu về thực hiện chế độ chính sách, miễn giảm học phí cho người học được tổng kết và báo cáo hàng năm (*1.6.05 – Báo cáo tổng kết công tác của trường năm 2019, 2020, 2021*).

Vào đầu mỗi học kỳ của năm học, Nhà trường tổ chức xét các danh hiệu thi đua và xét học bổng khuyến khích học tập cho HSSV toàn trường căn cứ vào các văn bản quy định của cấp Bộ. Kết quả xét được thông báo cho các lớp và tất cả HSSV đều biết (6.2.28 - *Quyết định 258/QĐ-CDNB-CTHSSV ngày 20/04/2020*; 6.2.29 - *Quyết định 891/QĐ-CDNB-CTHSSV ngày 26/10/2020*; 6.2.30 - *Quyết định 890/QĐ-CDNB-CTHSSV ngày 26/10/2020*; 6.2.31 - *Quyết định 1104/QĐ-CDNB-CTHSSV ngày 02/12/2020*; 6.2.32 - *Quyết định 1108/QĐ-CDNB-CTHSSV ngày 02/12/2020*; 6.2.33 - *Quyết định 1109/QĐ-CDNB-CTHSSV ngày 02/12/2020*; 6.2.34 - *Quyết định 1105/QĐ-CDNB-CTHSSV ngày 02/12/2020*; 6.2.35 - *Quyết định 1106/QĐ-CDNB-CTHSSV ngày 02/12/2020*; 6.2.36 - *Quyết định 430/QĐ-CDNB-CTHSSV ngày 31/05/2021*).

Nhằm khuyến khích, động viên phong trào thi đua học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp của trường, Nhà trường đã ban hành quy định về quản lý, sử dụng quỹ Khuyến học cho HSSV nghèo vượt khó (6.2.37 - *Quyết định 1096/QĐ-CDNB ngày 10/10/2016 quy định về quản lý và sử dụng quỹ khuyến học*). Quỹ Khuyến học cho HSSV được thành lập dựa trên nguồn tài trợ, đóng góp từ các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp, các cơ quan ban ngành, các cựu HSSV của Nhà trường đã thành đạt trong cuộc sống, các cô giáo, thầy giáo, các cán bộ, viên chức đã và đang công tác tại trường.

Quỹ Khuyến học được trao vào đầu mỗi năm học cho HSSV có điều kiện khó khăn đã cố gắng vươn lên đạt thành tích cao, hoặc những HSSV có kết quả xuất sắc trong học tập và rèn luyện (6.2.38 - *Quyết định 309/QĐ-CDNB-CTHSSV ngày 07/05/2019*; 6.2.39 - *Quyết định 414/QĐ-CDNB-CTHSSV ngày 12/6/2019*; 6.2.40 - *Quyết định 888/QĐ-CDNB-CTHSSV ngày 04/10/2019*; 6.2.41 - *Quyết định 903/QĐ-CDNB-CTHSSV ngày 8/10/2019*; 6.2.42 - *Quyết định 31/QĐ-CDNB-CTHSSV ngày 14/1/2020*; 6.2.43 - *Quyết định 343/QĐ-CDNB-CTHSSV ngày 20/05/2020*; 6.2.44 - *Quyết định 489/QĐ-CDNB-CTHSSV ngày 27/5/2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định

Nhà trường rất coi trọng công tác tư vấn và giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. Chính vì vậy, từ khi được nâng cấp lên thành trường cao đẳng, Nhà trường đã quyết định thành lập Trung tâm Hỗ trợ HSSV và Quan hệ doanh nghiệp nhằm mục đích tạo mối quan hệ với các công ty, doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động tìm việc làm giới thiệu cho HSSV tốt nghiệp ra trường. Tuy nhiên, bước đầu do kinh nghiệm và kinh phí hoạt động còn hạn chế nên kết quả công tác giới thiệu việc làm chưa cao, chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

Chính vì vậy, để đẩy mạnh vai trò tìm đầu ra cho sản phẩm Nhà trường đào tạo, năm 2016, Nhà trường quyết định đổi tên Trung tâm Hỗ trợ HSSV và Quan hệ doanh nghiệp thành Trung tâm Giới thiệu việc làm và Quan hệ doanh nghiệp. Trung tâm có nhiều nhiệm vụ, một trong những nhiệm vụ đó là liên hệ với doanh nghiệp để tìm cơ hội việc làm; cung cấp thông tin về tuyển dụng và thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu cho HSSV sau khi tốt nghiệp. Hàng năm, Trung tâm còn lấy thông tin liên lạc của HSSV tốt nghiệp ra trường để liên lạc tư vấn việc làm mỗi khi có nhu cầu tuyển lao động từ phía doanh nghiệp (6.3.01 - *Quyết định số 393/QĐ-CĐNB ngày 25/5/2016 về việc thành lập Trung tâm Giới thiệu việc làm và Quan hệ doanh nghiệp*).

Công tác tư vấn giới thiệu việc làm được Trung tâm chú trọng thực hiện thông qua nhiều hình thức đa dạng. Với mối quan hệ lâu dài, khăng khít với nhiều doanh nghiệp, Trung tâm đã nhận và triển khai rất nhiều thông báo tuyển dụng của các công ty, doanh nghiệp đến HSSV có nhu cầu tìm việc (6.3.02 – *Thống kê các thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp Trung tâm đã triển khai đến HSSV trong năm 2019, 2020, 2021*). Ngoài việc giới thiệu việc làm cho HSSV, hằng năm, Trung tâm còn tổ chức các buổi tọa đàm định hướng nghề nghiệp cho HSSV chuẩn bị tốt nghiệp ra trường, để các em khôn bở ngỡ khi lựa chọn một vị trí việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn và năng khiếu của bản thân (6.3.03 – *Kế hoạch số 892/KH-CĐNB, 03/10/2019 tổ chức Tọa đàm định hướng nghề nghiệp cho HSSV năm 2019*; 6.3.04 – *Kế hoạch số 1015/KH-CĐNB, 30/11/2020 tổ chức Tọa đàm định hướng nghề nghiệp cho HSSV năm 2020*). Qua thống

kê gần 5 năm hoạt động, từ năm 2016 đến năm 2020, Trung tâm đã giới thiệu việc làm cho gần 1.750 HSSV sau tốt nghiệp (6.3.05 - Báo cáo Điều tra việc làm HSSV sau tốt nghiệp).

Hằng năm, Trung tâm Giới thiệu việc làm và Quan hệ doanh nghiệp của Nhà trường phối hợp với các công ty, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động tổ chức các buổi tư vấn việc làm và phỏng vấn tuyển dụng trực tiếp cho HSSV tốt nghiệp ra trường (6.3.06 – Kế hoạch số 450/KH-CĐNB, ngày 08/7/2019 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2019; 6.3.07 – Kế hoạch số 712/KH-CĐNB, ngày 27/8/2020 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2020; 6.3.08 – Kế hoạch số 758/KH-CĐNB, ngày 27/10/2021 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2021). Qua các buổi phỏng vấn, HSSV được giao lưu trực tiếp với nhà tuyển dụng, được tìm hiểu và giải đáp thắc mắc về doanh nghiệp, được lãnh đạo các công ty, doanh nghiệp truyền cho những kinh nghiệm quý báu, phục vụ cho quá trình công tác sau này.

Từ năm 2019 đến năm 2021, Trung tâm đã tổ chức 7 buổi giới thiệu việc làm cho HSSV tại Trường với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp (6.3.09 – Danh sách các doanh nghiệp tham gia buổi tư vấn và tuyển dụng năm 2019, 2020, 2021) và triển khai hơn 195 thông báo tuyển dụng của công ty/doanh nghiệp đến HSSV (6.3.10 – Thống kê các thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp Trung tâm đã triển khai đến HSSV trong năm 2019, 2020, 2021). Qua các buổi phỏng vấn trực tiếp và các thông báo tuyển dụng, một số HSSV đã tìm được việc làm cho mình (6.3.11 - Danh sách HSSV tham gia buổi Tư vấn và tuyển dụng trực tiếp năm 2019, 2020, 2021).

Ngoài ra, Trung tâm đã tổ chức 10 buổi định hướng nghề nghiệp cho HSSV để HSSV hiểu rõ hơn về ngành nghề đang học.

Theo số liệu thống kê năm 2020, 100% HSSV tốt nghiệp trong năm được tham dự buổi tư vấn và tuyển dụng với các công ty/ doanh nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

Mô tả, phân tích, nhận định

Công tác Đoàn và phong trào thanh niên Nhà trường không ngừng lớn mạnh, BCH Đoàn trường thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ như: Tổ chức Hội diễn Văn nghệ Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 (6.4.01 - *Kế hoạch Tổ chức Hội diễn Văn nghệ Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 ngày 01/10/2020*); Giải bóng đá cấp trường (6.4.02 - *Kế hoạch Giải Bóng đá cấp trường; 10/10/2020*), ... đã tạo sân chơi lành mạnh, thu hút đông đảo ĐV-TN tham gia, góp phần thực hiện một phần nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

Ngoài ra, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Nhà trường còn tổ chức nhiều hoạt động xã hội như: chiến dịch “Thanh niên tình nguyện hè” với các nội dung: Hỗ trợ phòng chống dịch covid-19 trên địa bàn thành phố Mỹ Tho tỉnh Tiền Giang năm 2021 (6.4.03 - *Quyết định V/v Thành lập Đội hình Thanh niên tình nguyện Hè năm 2021*); phong trào “Hiến máu nhân đạo” (6.4.04 - *Kế hoạch Tổ chức Hiến máu tình nguyện năm 2021*), Phong trào “đền ơn đáp nghĩa” cũng được chú trọng: Tổ chức thăm, tặng quà cho các gia đình chính sách nhân dịp Tết Nguyên đán năm 2021 (6.4.05 - *Kế hoạch thăm, tặng quà gia đình chính sách và giao lưu Đoàn biên phòng Hải đội 2*)

Công tác giáo dục truyền thống luôn được chú trọng, quan tâm, các hoạt động như: Kỷ niệm 131 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5 (6.4.06 - *Kế hoạch tổ chức Kỷ niệm 131 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5*); Kỷ niệm 110 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước 5/6 (6.4.07 - *Kế hoạch tổ chức Kỷ niệm 110 ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước*); Tham, gia Hội thi Olympic toàn quốc các môn Khoa học Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh “Ánh sáng soi đường” lần IV năm học 2020-2021 (6.4.08 - *Kế hoạch Phát động Sinh viên tham, gia Hội thi Olympic toàn quốc các môn Khoa học Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh “Ánh sáng soi đường” lần IV năm học 2020-2021*); Tổ chức chương trình Hành trình về địa chỉ đỏ cách mạng năm học 2020-2021 (6.4.09- *Kế hoạch tổ chức Tổ chức chương trình Hành trình về địa chỉ đỏ cách mạng năm học 2020-2021*); Tổ chức thực hiện hoạt động kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ năm 2021 (6.4.10- *Kế hoạch tổ chức thực hiện hoạt động kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ năm 2021*).

Những hoạt động khác cũng được Đoàn trường quan tâm như: Triển khai phong trào Sinh viên 5 tốt năm học 2020-2021 (6.4.11-*Quyết định công nhận Sinh viên 5 tốt năm học 2020-2021*); Triển khai phong trào Học sinh 3 rèn luyện năm học 2020-2021

(6.4.12 *Quyết định công nhận Học sinh 3 rèn luyện năm học 2020-2021*); Tổ chức “Hội thi Tìm hiểu kiến thức nghề khối Học sinh sinh viên năm học 2020-2021 (6.4.13 - *Kế hoạch phối hợp tổ chức “Hội thi Tìm hiểu kiến thức nghề khối Học sinh sinh viên năm học 2020-2021*); Tổ chức Hội thi Tìm hiểu Pháp luật năm 2020 hưởng ứng ngày Pháp luật Việt Nam (9/11) (6.4.14 - *Kế hoạch tổ chức Hội thi Tìm hiểu Pháp luật năm 2020 hưởng ứng ngày Pháp luật Việt Nam (9/11)*); Tổ chức Diễn đàn hỗ trợ phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học và chia sẻ cách đọc sách hiệu quả năm học 2020-2021 (6.4.15 - *Kế hoạch tổ chức Diễn đàn hỗ trợ phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học và chia sẻ cách đọc sách hiệu quả năm học 2020-2021*); Tổ chức hội thi Tìm hiểu luật Giao thông đường bộ, kỹ năng lái xe mô tô an toàn và chạy thử xe mới cho đoàn viên năm 2021 (6.4.16 - *Kế hoạch tổ chức hội thi Tìm hiểu luật Giao thông đường bộ, kỹ năng lái xe mô tô an toàn và chạy thử xe mới cho đoàn viên năm 2021*).

Bên cạnh đó, công tác đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường học để đoàn viên- thanh niên yên tâm học tập, yên tâm công tác cũng được các cấp của Nhà trường đặc biệt quan tâm, thể hiện qua các hoạt động sau:

Đối với khu vực Ký túc xá, Đội bảo vệ phối hợp với Đội Thanh niên xung kích thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện an ninh trật tự trong sinh hoạt của người học.

Nhà trường thành lập đội dân quân tự vệ, hằng năm đều được cử đi tập huấn và bồi dưỡng nghiệp vụ tại Thành đội thành phố Mỹ Tho (6.4.17 - *Quyết định Kiện toàn tiểu đội Tự vệ cơ quan năm 2021*).

Công tác tuyên truyền giáo dục ý thức tự giác chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và các quy định về bảo vệ an ninh trật tự cho HSSV qua các hoạt động sinh hoạt đầu khóa, đầu năm học.

Phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an xã Tân Mỹ Chánh cũng như công an thành phố Mỹ Tho để kịp thời giải quyết khi có các vụ việc xảy ra trong trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 2 điểm

2.2.7. Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7

Mở đầu

Nhà trường luôn chú trọng công tác giám sát, đánh giá chất lượng đào tạo. Ngay từ khi được nâng cấp thành trường Cao đẳng, Nhà trường đã thành lập đơn vị chuyên trách phụ trách công tác đảm bảo chất lượng đó là Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng (năm 2019 Phòng đổi tên thành Kiểm định và Bảo đảm chất lượng). Phòng có chức năng thực hiện và giám sát việc đánh giá kết quả học tập của người học; tham mưu cho Ban Giám hiệu những vấn đề liên quan đến đảm bảo chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Những năm qua, Nhà trường đã thực hiện được một số công tác về đảm bảo chất lượng như: Hoàn thành tự đánh giá trường cao đẳng theo các tiêu chí đánh giá của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; tổ chức lấy ý kiến về khóa đào tạo dành cho HSSV tốt nghiệp ra trường; tổ chức lấy ý kiến phản hồi về HSSV tốt nghiệp ra trường từ các nhà tuyển dụng; tổ chức điều tra tình hình việc làm của HSSV sau khi ra trường... Hằng năm, Trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá.

Từ những nhận thức đúng đắn của Nhà trường trong việc chú trọng chất lượng đã tạo nên thương hiệu của trường trong thời gian qua. Chính vì vậy, hầu hết người học sau khi tốt nghiệp đều có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 3 hoặc 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Những điểm mạnh

Từ mối quan hệ tốt đẹp và bền chặt với các doanh nghiệp, việc khảo sát tình hình HSSV sau tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu nhà tuyển dụng được thực hiện thuận lợi. Qua khảo sát cho thấy HSSV Nhà trường đào tạo khi ra trường, phục vụ các doanh nghiệp đều đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp.

Tình hình khảo sát việc làm được tiến hành định kỳ 3 lần trong năm đầu sau khi HSSV tốt nghiệp.

Hằng năm, Nhà trường đều tiến hành tự đánh giá căn cứ vào tiêu chí đánh giá và hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Từ đó hằng năm Nhà trường đều tiến hành rà soát, tự đánh giá lại các hoạt động của Nhà trường sau một năm thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng đề ra.

Những tồn tại

Nhà trường chưa lập kế hoạch chung cũng như đề ra các biện pháp thực hiện cụ thể cho toàn trường trong việc thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo dựa trên cơ sở kết quả tự đánh giá.

Nhà trường chưa triển khai công tác tự đánh giá chương trình đào tạo.

Kế hoạch nâng cao chất lượng

Trên cơ sở đã có một số cán bộ viên chức được tập huấn về công tác đảm bảo chất lượng:

- Tiếp tục nghiên cứu các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công tác kiểm định chất lượng.

- Triển khai tập huấn, hướng dẫn cho các đơn vị trực thuộc trường về công tác đảm bảo chất lượng.

Lập kế hoạch giám sát thường xuyên các hoạt động của Nhà trường, kịp thời phát hiện và có kế hoạch khắc phục những vấn đề chưa đáp ứng yêu cầu, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiếp tục giữ mối quan hệ tốt đẹp với các đơn vị sử dụng lao động nhằm khảo sát mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp trong thực hiện công việc tại công ty/ doanh nghiệp.

Tiếp tục duy trì liên lạc với HSSV tốt nghiệp ra trường nhằm khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2

Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định

Thông qua các buổi tư vấn việc làm và tuyển dụng trực tiếp của các đơn vị sử dụng lao động tổ chức tại trường, Nhà trường thực hiện việc thu thập thông tin về HSSV tốt nghiệp của trường đang làm việc tại doanh nghiệp (6.3.06 – Kế hoạch số 450/KH-CĐNB, ngày 08/7/2019 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2019; 6.3.07 – Kế hoạch số 712/KH-CĐNB, ngày 27/8/2020 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2020; 6.3.08 – Kế hoạch số 758/KH-CĐNB, ngày 27/10/2021 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2021). Qua kết quả khảo sát, đa số các doanh nghiệp cho ý kiến rất hài lòng và đánh giá cao mức độ đáp ứng trong công việc của HSSV do Nhà trường đào tạo ra.

Ngoài hình thức trên, thông qua điện thoại liên lạc, gửi email khảo sát đối với các công ty, Nhà trường cũng nắm được tình hình HSSV đang làm việc tại doanh nghiệp (7.1.01- Danh sách doanh nghiệp lấy ý kiến năm 2019, 2020, 2021).

Năm 2020, Nhà trường triển khai lấy ý kiến của 30 doanh nghiệp có sử dụng lao động là HSSV tốt nghiệp tại trường về mức độ đáp ứng công việc của người tốt nghiệp, trong số đó có 13 công ty phản hồi ý kiến về trường (7.1.02 - Danh sách doanh nghiệp trả lời phản hồi năm 2020). Từ kết quả thống kê ý kiến của các doanh nghiệp cho thấy hầu hết cho rằng HSSV do Trường đào tạo đáp ứng được một phần yêu cầu công việc của công ty. Các bạn HSSV của Nhà trường có tinh thần học hỏi, khả năng tiếp thu và thích ứng cao. Tuy nhiên, HSSV vẫn còn thiếu một số kinh nghiệm thực tế và cần bổ trợ thêm một số kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống trong công việc, kỹ năng làm việc nhóm (7.1.03 - Tổng hợp kết quả lấy ý kiến các đơn vị sử dụng lao động năm 2020).

Năm 2021, Nhà trường triển khai lấy ý kiến của 30 doanh nghiệp có sử dụng lao động là HSSV tốt nghiệp tại trường về mức độ đáp ứng công việc của người tốt nghiệp, trong số đó có 11 công ty phản hồi ý kiến về trường (7.1.04 - *Danh sách doanh nghiệp trả lời phản hồi năm 2021*). Từ kết quả thống kê ý kiến của các doanh nghiệp cho thấy hầu hết cho rằng HSSV do Trường đào tạo đáp ứng được một phần yêu cầu công việc của công ty. Các HSSV của Nhà trường có tinh thần học hỏi, khả năng tiếp thu và thích ứng cao. Tuy nhiên, HSSV vẫn còn thiếu một số kinh nghiệm thực tế và cần bổ trợ thêm một số kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống trong công việc, kỹ năng làm việc nhóm (7.1.05 - *Tổng hợp kết quả lấy ý kiến các đơn vị sử dụng lao động năm 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện khảo sát lần theo dấu vết HSSV để theo dõi và nắm bắt được tình hình HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường để từ đó định hướng điều chỉnh CTĐT cho phù hợp và điều tra tình hình việc làm của HSSV (7.2.01 - *Quyết định công nhận tốt nghiệp 2019, 2020, 2021*; 7.2.02 - *Danh sách người đã tốt nghiệp 2019, 2020, 2021*).

Công tác điều tra việc làm HSSV được Nhà trường giao cho Trung tâm Giới thiệu việc làm và Quan hệ doanh nghiệp thực hiện. Hàng năm, Trung tâm đều có dữ liệu và tổng hợp số liệu báo cáo Nhà trường và các cơ quan cấp trên khi có yêu cầu (7.2.03 - *Báo cáo điều tra việc làm của HSSV sau tốt nghiệp năm 2019, 2020*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, Nhà trường đều triển khai công tác lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động thông qua các cuộc họp toàn cơ quan, hội nghị Cán bộ viên chức, họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo (7.3.01 - *Biên bản Hội nghị CBVC năm 2019, 2020, 2021*). Ngoài ra, để lấy ý kiến chi tiết về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, Nhà trường tiến hành khảo sát thông qua phiếu lấy ý kiến (2.3.05 - *Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021*).

Phiếu được xây dựng trên cơ sở những nội dung cần lấy ý kiến của CBVC để phục vụ báo cáo tự đánh giá. Việc khảo sát được triển khai cho tất cả CBVC thông qua email và trực tuyến. Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng có nhiệm vụ soạn thảo phiếu, triển khai và tổng hợp kết quả khảo sát (7.3.02 - *Kế hoạch số 860/KH-CDNB ngày 20/10/2020 lấy ý kiến CBVC và HSSV*; 7.3.03 - *Kế hoạch số 738/KH-CDNB ngày 25/10/2021 lấy ý kiến CBVC và HSSV*).

Kết quả khảo sát các năm qua cho thấy trên 90% CBVC được thu thập ý kiến cho rằng, các hoạt động của Nhà trường về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động đều đúng quy định và đáp ứng nhu cầu của CBVC (2.3.06 - *Tổng hợp kết quả lấy ý kiến CBVC 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành lấy ý kiến của HSSV đang học tập tại trường về các vấn đề như chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học (2.3.03 - *Phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021*). Việc lấy ý kiến được tiến hành thông qua phiếu khảo sát (7.3.02 - *Kế hoạch số 860/KH-CDNB ngày 20/10/2020 lấy ý kiến CBVC và HSSV năm 2020*; 7.3.03 - *Kế hoạch số 738/KH-CDNB ngày 25/10/2021 lấy ý kiến CBVC*

và HSSV năm 2021). Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng triển khai phát phiếu đến HSSV, thu phiếu và tổng hợp kết quả dựa trên ý kiến HSSV cho trong phiếu khảo sát.

Năm 2020, tiến hành khảo sát ý kiến của 283 HSSV thuộc các ngành nghề đang đào tạo tại trường, trong đó có 274 phiếu khảo sát thu về hợp lệ (chiếm 32.6% trên tổng số HSSV đang học tại cơ sở chính). Kết quả cho thấy 70% HSSV được khảo sát trả lời hài lòng với các hình thức, phương thức đào tạo và trên 90% HSSV trả lời Nhà trường có thực hiện việc đảm bảo chất lượng dịch vụ, thực hiện các chính sách có liên quan đến người học. Năm 2021, tiến hành khảo sát ý kiến của 415 HSSV thuộc các ngành nghề đang đào tạo tại trường (chiếm 46% trên tổng số HSSV đang học tại trường). Kết quả cho thấy trên 90% HSSV được khảo sát trả lời hài lòng với các hình thức, phương thức đào tạo; trên 90% HSSV trả lời Nhà trường có thực hiện việc đảm bảo chất lượng dịch vụ, thực hiện các chính sách có liên quan đến người học (2.3.04 - Tổng hợp kết quả lấy ý kiến HSSV 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, trường kiện toàn Hội đồng kiểm định chất lượng, xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, bám sát hướng dẫn của Cục kiểm định, triển khai tự kiểm định, nộp về Cục GDNN đúng thời gian quy định (7.5.01- Kế hoạch số 127/KH-CDNB ngày 26/2/2019 tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2019; 7.5.02- Kế hoạch số 850/KH-CDNB ngày 13/10/2020 tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2020; 7.5.03- Kế hoạch số 706/KH-CDNB ngày 04/10/2021 tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021). Nhà trường thành lập hội đồng kiểm định chất lượng phân công phòng ban chức năng thực hiện (7.5.04 - Quyết định số 969/QĐ-CDNB ngày 30/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2019; 7.5.05 - Quyết định số 852/QĐ-CDNB ngày 13/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ Ban hành quy định về Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2020; 7.5.06 - Quyết định số 665/QĐ-CDNB ngày 08/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ

về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2021).

Công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo được nhà Trường thực hiện đúng theo hướng dẫn của Bộ LĐ-TB&XH. Năm 2020, khóa cao đẳng Bảo vệ thực vật đầu tiên đào tạo theo chương trình giáo dục nghề nghiệp tốt nghiệp ra trường. Năm 2021, Nhà trường lần đầu tiên tiến hành tự đánh giá chương trình đào tạo nghề Bảo vệ thực vật bậc cao đẳng theo đúng quy định về quy trình và điều kiện tự đánh giá một chương trình đào tạo (7.5.07- Quyết định 667/ QĐ-CDNB ngày 8/9/2021 thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo cao đẳng nghề Bảo vệ thực vật; 7.5.08 - Kế hoạch số 810/KH-CDNB ngày 10/11/2021 tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo cao đẳng Bảo vệ thực vật và Thú y trình độ cao đẳng; 7.5.09 - Bảng phân công nhiệm vụ các phòng khoa và cá nhân phụ trách).

Trong quá trình triển khai công tác tự kiểm định, Nhà trường tổ chức họp lấy ý kiến của CB, GV, NV trong trường, công khai nội dung tự kiểm định (7.5.10 - Văn bản yêu cầu các đơn vị góp ý cho báo cáo tự kiểm định; 7.5.11 - Văn bản yêu cầu các phòng khoa cung cấp thông tin phục vụ cho công tác kiểm định).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, phòng chức năng, các khoa, các tổ chức đoàn thể đều tổ chức hội nghị tổng kết năm học, hội nghị CBVC và có báo cáo tổng kết công tác theo từng năm. Phòng Tổ chức - Hành chính và Quản trị tổng hợp và báo cáo Ban giám hiệu để có những điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo (7.6.01- Báo cáo tổng kết hàng năm của các đơn vị và các tổ chức đoàn thể).

Trong các cuộc họp giao ban, công tác kiểm tra, đánh giá được tiến hành thường xuyên, lãnh đạo Nhà trường kiểm tra các đơn vị trong toàn trường về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Từ đó chỉ đạo các giải pháp khắc phục, sửa chữa kịp thời những vấn đề còn vướng mắc trong chuyên môn, nghiệp vụ và trong công tác phối hợp (7.6.02- Biên

bản hợp giao ban; 7.6.03- Biên bản thanh tra về việc thực hiện kế hoạch đào tạo; 7.6.04 - Báo cáo kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên).

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, Hiệu trưởng ban hành Quyết định thành lập các phòng, khoa, tổ bộ môn và trung tâm. Đối với từng đơn vị đều được phân cấp quản lý rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; Ban giám hiệu có sự phân công nhiệm vụ cụ thể của các thành viên (7.6.05- *Quyết định về việc phân công nhiệm vụ trong Ban Giám hiệu; 7.6.06 - Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc trường).*

Vào tháng 12 hàng năm, Nhà trường tổ chức hội nghị CBVC nhằm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm. Căn cứ vào báo cáo tổng kết của các đơn vị Nhà trường dự thảo báo cáo tổng kết chung và đề ra phương hướng nhiệm vụ cho năm mới, lấy ý kiến các đơn vị và công bố toàn hội nghị (7.6.07- *Báo cáo đánh giá tổng kết năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019; 7.6.08 - Báo cáo đánh giá tổng kết năm 2019, 2020 của các đơn vị).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Vấn đề việc làm của HSSV được các cấp lãnh đạo Nhà trường hết sức quan tâm. Vì vậy, ngay thời điểm trước khi thi tốt nghiệp, Nhà trường đã phối hợp với đơn vị sử dụng lao động tổ chức những buổi tư vấn việc làm, tuyển dụng cho HSSV (6.3.06 – *Kế hoạch số 450/KH-CĐNB, ngày 08/7/2019 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2019; 6.3.07 – Kế hoạch số 712/KH-CĐNB, ngày 27/8/2020 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2020; 6.3.08 – Kế hoạch số 758/KH-CĐNB, ngày 27/10/2021 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2021).* Do nhu cầu của thị trường lao động một số ngành trường đào tạo thuộc lĩnh vực Bảo vệ thực vật rất lớn nên đa số HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường đều có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo.

Hàng năm, căn cứ vào danh sách HSSV tốt nghiệp, Nhà trường định kỳ điều tra tình hình việc làm thông qua hình thức gửi email và gọi điện thoại trực tiếp sau 3 tháng, 6 tháng và 12 tháng sau tốt nghiệp (7.7.01 - *Danh sách HSSV tốt nghiệp được lấy ý kiến góp ý*). Ngoài ra, thông qua mối quan hệ với các doanh nghiệp, Nhà trường cũng lấy được một số thông tin về HSSV tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp chuyên ngành (7.1.01 - *Danh sách doanh nghiệp lấy ý kiến*).

Qua những thông tin thu thập được, Nhà trường khẳng định rằng trên 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp (7.7.02 - *Báo cáo tình hình việc làm sau tốt nghiệp*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, Trung tâm Giới thiệu việc làm và Quan hệ doanh nghiệp xây dựng kế hoạch khảo sát điều tra đơn vị sử dụng lao động về mức độ hài lòng đối với HSSV trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ sau khi tốt nghiệp làm tại đơn vị, để biết được mức độ phù hợp của chương trình đào tạo với thực tế làm việc trong công ty, doanh nghiệp (7.8.01 – *Kế hoạch số 450/KH-CĐNB, ngày 08/7/2019 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2019*; 7.8.02 – *Kế hoạch số 712/KH-CĐNB, ngày 27/8/2020 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2020*; 7.8.03 – *Kế hoạch số 758/KH-CĐNB, ngày 27/10/2021 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2021*).

Kết quả khảo sát qua các năm cho thấy trên 80% đơn vị sử dụng lao động hài lòng với sản phẩm đào tạo của Nhà trường (số doanh nghiệp chọn mức không hài lòng cao nhất năm 2020: 8% và năm 2021: 18,2%). Sau khi xác định được mục tiêu nội dung và đơn vị thực hiện khảo sát, Nhà trường xây dựng kế hoạch khảo sát theo phương pháp phát phiếu khảo sát trực tiếp đến các đơn vị đang sử dụng lao động là HSSV đã tốt nghiệp tại Trường (7.8.04 – *Kế hoạch số 861/KH-CĐNB, ngày 20/10/2020 lấy ý kiến*

phản hồi của đơn vị sử dụng lao động về chất lượng sinh viên tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2020; 7.8.05 – Kế hoạch số 759/KH-CĐNB, ngày 28/10/2021 lấy ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động về chất lượng sinh viên tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2021; 7.8.06 - Danh sách đơn vị sử dụng lao động tham gia lấy ý kiến; 7.8.07 - Phiếu khảo sát đơn vị sử dụng lao động; 7.8.08 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát đơn vị sử dụng lao động năm 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 7: 2 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về cơ sở vật chất

Tiếp tục đầu tư xây dựng và bổ sung cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ giảng dạy đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn của ngành và chuẩn quốc tế.

Cuối năm 2021 sang năm 2022, tiếp nhận gói thiết bị mới được đầu tư từ nguồn vốn mục tiêu quốc gia cho các ngành nghề đào tạo trong trường. Trong đó, có nghề Bảo vệ thực vật, bố trí, sắp xếp các trang thiết bị vào các phòng thí nghiệm mới xây dựng.

Thực hiện số hóa 100% giáo trình, sách, tài liệu tham khảo tại thư viện.

2. Về nguồn nhân lực

Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đủ về số lượng và có chất lượng, có phẩm chất đạo đức, có lương tâm nghề nghiệp. Hiện nay, số nhà giáo có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia tham gia giảng dạy thực hành và tích hợp nghề Bảo vệ thực vật là 10/13 người. Phần đầu trong năm 2022 sẽ cử tất cả nhà giáo tham gia đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3.

3. Về khoa học và công nghệ

Hiện tại, công tác nghiên cứu khoa học của giáo viên và sinh viên khoa chưa nhiều. Nhà trường cần phối hợp với các tổ chức giáo dục nghề nghiệp tạo điều kiện cho giáo viên và sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi các thiết bị tự làm.

Nghiên cứu và đưa vào áp dụng các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

4. Về chương trình, giáo trình

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chương trình, giáo trình, đáp ứng được nhu cầu của HSSV và phát triển của xã hội.

Tăng cường bổ sung sách, tài liệu tham khảo chuyên ngành để HSSV có thể tiếp cận được với kiến thức và công nghệ trong nước và quốc tế.

5. Về công tác học sinh sinh viên

Tạo môi trường học tập, rèn luyện để sinh viên tích cực trong học tập và sáng tạo tiếp cận với nghiên cứu khoa học. HSSV phải phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần và trình độ để tự tin tham gia các cuộc thi cho sinh viên trong nước và quốc tế. Nâng cao vị thế đào tạo nghề Bảo vệ thực vật của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ.

6. Về công tác giám sát, đánh giá chất lượng

Lập kế hoạch giám sát thường xuyên các hoạt động của Nhà trường, kịp thời phát hiện và có kế hoạch khắc phục những vấn đề chưa đáp ứng yêu cầu, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiếp tục giữ mối quan hệ tốt đẹp với các đơn vị sử dụng lao động do Nhà trường đào tạo ra nhằm khảo sát mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp trong việc thực hiện công việc tại công ty/ doanh nghiệp.

Tiếp tục giữ liên lạc với cựu HSSV để thu thập thông tin về việc làm sau tốt nghiệp.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Tổng cục giáo dục nghề nghiệp

- Trang bị cho các trường về cơ sở vật chất, thiết bị có trình độ công nghệ phù hợp với chương trình đào tạo và theo kịp với trình độ sản xuất của doanh nghiệp.

- Tạo điều kiện cho trường mở rộng liên kết đào tạo trong nước và quốc tế để có điều kiện cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

2. Đối với cơ sở

- Hỗ trợ hơn nữa cho CBGV nâng cao trình độ nghiệp vụ, sư phạm, tin học và ngoại ngữ bằng các chính sách phù hợp.

- Tăng cường công tác đào tạo đội ngũ giảng viên trẻ.
- Có nhiều chính sách, biện pháp hơn nữa khuyến khích cán bộ, giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong quá trình dạy và học.

PHỤ LỤC

1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
NÔNG NGHIỆP NAM BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 666/QĐ-CĐNB

Tiền Giang, ngày 8 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo bậc cao đẳng ngành Bảo vệ thực vật

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP NAM BỘ

Căn cứ vào Quyết định số 479/QĐ-BGDĐT, ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ;

Căn cứ Quyết định số Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB, ngày 9 tháng 12 năm 2019, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội qui định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức hành chính và Quản trị, Trường Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo bậc cao đẳng ngành Bảo vệ thực vật (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo cao đẳng Bảo vệ thực vật, khi kết thúc có báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện về Ban Giám hiệu, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Trưởng các đơn vị trực thuộc và các cá nhân có tên ở Điều 1, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu VT, KB&BDCL.



ThS Nguyễn Tiến Huyền

BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
NÔNG NGHIỆP NAM BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG
TRÌNH ĐÀO TẠO BẠC CAO ĐẲNG NGÀNH BẢO VỆ THỰC VẬT**

*(Ban hành theo Quyết định số: 666 /QĐ-CDNB, ngày 8 tháng 9 năm 2021 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ)*

1. Chủ tịch Hội đồng: ThS. Nguyễn Tiến Huyền, Hiệu trưởng.
2. Phó Chủ tịch Hội đồng: ThS. Trần Văn Tâm, Phó Hiệu trưởng.
3. Phó Chủ tịch Hội đồng: ThS. Nguyễn Văn Dũng, Trưởng khoa Trồng trọt và BVTV.
4. Thư ký: ThS. Bùi Ngọc Phước Hào, Trưởng phòng Kiểm định và BDCI.
5. Các thành viên Hội đồng:
 - TS. Cao Hồ Thanh Xuân, Trưởng phòng Đào tạo và Khoa học công nghệ.
 - CN. Nguyễn Văn Ngọc, Trưởng phòng Cơ sở vật chất.
 - ThS. Hà Chí Trực, Trưởng phòng Công tác học sinh sinh viên.
 - ThS. Trần Văn Thanh, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính và Quản trị.
 - Ông Trần Văn Hiệp, Quản lý vùng, Công ty Thuốc BVTV Tân Thành.
6. Thành viên Ban thư ký:
 - KS. Trần Thị Xuân Đào, giảng viên phòng Kiểm định và BDCI./.

2. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
NÔNG NGHIỆP NAM BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 810 /KH-CDNB

Tiền Giang, ngày 10 tháng 11 năm 2021

KẾ HOẠCH

Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Thú y và Bảo vệ thực vật

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về ban hành Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường cao đẳng

Căn cứ Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Thú y và Bảo vệ thực vật, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu tự kiểm định chất lượng

- Đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung dạy nghề, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của Nhà trường và các điều kiện học tập của học sinh, giảng dạy của giáo viên;

- Xác định mức độ đạt được của Nhà trường thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí (bao gồm các tiêu chuẩn và chỉ số) kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề Thú y và Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng của Trường;

- Phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện, điều chỉnh trong thời gian tới, giúp Trường hoạch định chiến lược phát triển trở thành trường đào tạo nghề trọng điểm, phát triển thương hiệu và nâng cao vị thế của Nhà trường đối với xã hội;

- Nhằm đảm bảo Nhà trường có trách nhiệm đối với chất lượng đào tạo và mang lại động lực cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo cũng như chất lượng toàn diện.

2. Công cụ đánh giá

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng ban hành kèm Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng ban hành kèm Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 03 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Quy trình tự đánh giá chất lượng

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo được quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và gửi về Sở Lao động Thương binh & Xã hội; Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

4. Nhiệm vụ chung

4.1. Đối với Hội đồng Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

- Hướng dẫn và kiểm tra, giám sát các đơn vị tiến hành thực hiện công tác tự đánh giá theo chức năng, nhiệm vụ. Phân công các thành viên trong Hội đồng, chỉ đạo các đơn vị thực hiện theo tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách.
- Nghiên cứu báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng của các đơn vị.
- Tổng hợp, phân loại thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng. Thu thập bổ sung thông tin, minh chứng (nếu cần thiết).
- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, gửi các đơn vị để lấy ý kiến.
- Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2021.
- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trong nội bộ trường và gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, đúng thời hạn quy định.

4.2. Đối với các Phòng, Khoa, đơn vị có liên quan

- Căn cứ vào bảng phân công các tiêu chí, tiêu chuẩn theo đơn vị phụ trách; Căn cứ theo Dự thảo báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ban thư ký soạn thảo, các đơn vị được phân công bổ sung thông tin, minh chứng, điều chỉnh, bổ sung những nội dung chưa chính xác vào phần mô tả tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công thực hiện.
- Viết báo cáo kết quả thực hiện của đơn vị, gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng của Nhà trường để tổng hợp vào báo cáo tự đánh giá chung.

4.3. Đối với Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng

- Xây dựng kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, trình Hiệu trưởng phê duyệt;
- Hướng dẫn các đơn vị, cá nhân trong Nhà trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và viết báo cáo;
- Nghiên cứu báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của các đơn vị;
- Tổng hợp thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn;

- Rà soát thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn;
- Tổng hợp, dự thảo báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, gửi các đơn vị lấy ý kiến;
- Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;
- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;
- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trong nội bộ Nhà trường và gửi báo cáo về Sở Lao động Thương binh và Xã hội Tiền Giang; Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đúng thời hạn quy định.

5. Kế hoạch, thời gian biểu thực hiện tại cơ sở chính

Thời gian	Các hoạt động	Nguồn lực phụ trách
10/11/2021 – 20/11/2021	Các đơn vị căn cứ vào bảng phân công tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách theo phòng/ khoa/trung tâm (<i>phụ lục đính kèm</i>) và dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Ban thư ký soạn thảo, bổ sung thông tin, minh chứng, viết báo cáo và gửi kết quả về Ban thư ký để tổng hợp trước ngày 20/11/2021 .	Các đơn vị được phân công
21/11/2021 – 24/11/2021	- Tổng hợp báo cáo của các đơn vị thành bản Dự thảo Báo cáo tự đánh giá chất lượng của trường. - Kiểm tra lại các thông tin minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá. - Mã hóa và sắp xếp các thông tin minh chứng. - Gửi Dự thảo báo cáo đến các thành viên Hội đồng góp ý trước ngày 24/11/2021 .	Ban thư ký
25/11/2021 – 29/11/2021	- Góp ý Dự thảo báo cáo - Chính sửa theo góp ý Hội đồng - Họp Hội đồng thông qua Dự thảo báo cáo tự đánh giá, đề nghị chính sửa (nếu có). - Ban hành Báo cáo tự đánh giá	- Hội đồng tự đánh giá. - Ban thư ký
30/11/2021 – 14/12/2021	- Công bố bản báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường). - Nộp bản báo cáo về Phòng Dạy nghề, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Tiền Giang trước ngày 30/11/2021 và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp trước ngày 14/12/2021 .	Ban Thư ký

6. Kinh phí thực hiện: Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng trích từ nguồn thu hợp pháp của Nhà trường

7. Triển khai thực hiện

Căn cứ vào kế hoạch của Nhà trường các đơn vị xây dựng kế hoạch tự đánh giá và phân công công việc cụ thể cho nhân viên đơn vị mình phụ trách.

Thư ký Hội đồng và Phòng Kiểm định & Bảo đảm chất lượng có nhiệm vụ hướng dẫn, theo dõi và đôn đốc các đơn vị thực hiện kế hoạch; Báo cáo Hội đồng về tiến độ thực hiện kế hoạch.

Công tác tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Nhà trường, là tiêu chí quan trọng để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân. Yêu cầu tất cả các Phòng, Khoa và đơn vị thuộc trường phải tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra. *Trần Văn Tâm*

Nơi nhận:

- BGH;
- Phòng ĐT, TCHC, TCKT, CTSV;
- Khoa CNTY, TTBVTV;
- Lưu: VT, KD&BDCL.

KI HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
NÔNG NGHIỆP
NAM BỘ
Trần Văn Tâm
ThS. TRẦN VĂN TÂM



Phụ lục
BẢNG PHÂN CÔNG TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN PHỤ TRÁCH THEO
PHÒNG/ KHOA

(Ban hành theo Kế hoạch số 810 /KH-CDNB ngày 10 tháng 11 năm 2021)

TT	Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện	Tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách
1	Phòng Tổ chức, Hành chính và Quản trị	- Tiêu chí 1: Tiêu chuẩn 2. - Tiêu chí 3: Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 5, 7, 8
2	Phòng Đào tạo & KHCN	- Tiêu chí 1: Tiêu chuẩn 1 - Tiêu chí 2: Tiêu chuẩn 2, 3, 4, 5, 6, 7 - Tiêu chí 4: Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
3	Phòng Cơ sở vật chất	Tiêu chí 5: Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
4	Phòng Tài chính, Kế toán	Tiêu chí 1: Tiêu chuẩn 3
5	Phòng Công tác Học sinh sinh viên	Tiêu chí 6: Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4.
6	Phòng Kiểm định & BDCL	- Tiêu chí 2: Tiêu chuẩn 1. - Tiêu chí 7: Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8.
7	Khoa chuyên môn	- Tiêu chí 3: Tiêu chuẩn 4, 6. - Tiêu chí 4: Tiêu chuẩn 9, 10, 11, 12.

3. Bảng mã minh chứng

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.01		Quy chế tổ chức và hoạt động của trường ban hành kèm theo quyết định số 45/QĐ-CĐNB ngày 05/01/2020
2			1.1.02		Quyết định số 4717/QĐ-BNN-TCCB, ngày 09 tháng 12 năm 2019, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ
3			1.1.03		QĐ số 1805 /QĐ-BNN-TCCB, ngày 27/04/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt chiến lược phát triển trường CĐNNNB giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050
4			1.1.04		Link công bố mục tiêu chương trình đào tạo: https://nbac.edu.vn/wp-content/uploads/2019/11/CAO-%C4%90%E1%BA%B2NG-B%E1%BA%A2O-V%E1%BB%86-TH%E1%BB%B0C-V%E1%BA%ACT.pdf
5	1	2		1.1.01	Quy chế tổ chức và hoạt động của trường ban hành kèm theo quyết định số 45/QĐ-CĐNB ngày 05/01/2020
6			1.2.01		Quyết định số 679/QĐ-CĐNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt;

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					Chế biến thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước; chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Công nghệ thực phẩm; Chế biến và Bảo quản thủy sản; Cấp thoát nước
7			1.2.02		Báo cáo tổng kết khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật năm 2018, 2019, 2020
8			1.2.03		Báo cáo tổng kết công tác của Nhà trường năm 2018, 2019, 2020
9			1.2.04		Quyết định số 654/QĐ-CDNB-TĐ ngày 10/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ công nhận Khoa đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc năm học 2019 - 2020
10			1.2.05		Quyết định số 598/QĐ-CDNB-TĐ ngày 20/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ công nhận Khoa đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc năm học 2020 - 2021
11			1.2.06		Quyết định số 4253/QĐ-BNN-TCCB ngày 23/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT tặng Bằng khen cho Khoa Trồng trọt - BVTV
12			1.2.07		Quyết định số 641/QĐ-SLĐTBXH, ngày 4 tháng 7/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Tiền Giang về việc trao giải khuyến khích Hội thi Thiết bị tự làm tỉnh Tiền Giang năm 2019

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
13			1.2.08		Quyết định số 1295/QĐ-LĐTĐ ngày 12/09/2019 của Bộ LĐTĐ và Xã hội về việc trao Bằng khen - Giải nhất tại hội thi Thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc lần VI năm 2019” của nhóm tác giả
14	1	3	1.3.01		Nghị định 81/2021/NĐ - BTC về cơ chế thu, quản lý học phí đối với học sinh
15			1.3.02		Quyết định về mức thu học phí hệ cao đẳng
16			1.3.03		Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018, 2019, 2020
17			1.3.04		Kế hoạch số 02/KH-TTrND, ngày 27/01/2020, của Thanh tra nhân dân về Kế hoạch hoạt động của Ban thanh tra nhân dân nhiệm kỳ 2020 -2021
18			1.3.05		Báo cáo số 08/BC-TTrND, ngày 14/01/2021 của Ban thanh tra nhân dân báo cáo hoạt động của Ban thanh tra nhân dân năm 2020
19	2	1	2.1.01		Quyết định 293/QĐ-CĐNB ngày 22/4/2019 ban hành quy chế tuyển sinh trung cấp, cao đẳng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2019
20			2.1.02		Quyết định số 259/QĐ-CĐNB ngày 20/4/2020 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành Quy chế tuyển sinh năm 2020
21			2.1.03		Quyết định số 625/QĐ-CĐNB ngày 16/8/2021 của Hiệu trưởng nhà trường về việc ban hành Quy

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					chế tuyển sinh năm 2021
22			2.1.04		CV số 95 /CĐNB ngày 18 tháng 2 năm 2019 về việc đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2019
23			2.1.05		CV số 283/CĐNB ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2020
24			2.1.06		CV số 1184 /CĐNB ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021
25			2.1.07		Kế hoạch tuyển sinh năm học 2019
26			2.1.08		Kế hoạch số 714/KH-CĐNB ngày 27 tháng 8 năm 2020 ban hành kế hoạch tuyển sinh năm 2020
27			2.1.09		Kế hoạch tuyển sinh năm học 2021
28			2.1.10		Quyết định số 1238/QĐ-CĐNB ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc thành lập hội đồng tuyển sinh 2019
29			2.1.11		Quyết định số 1272/ QĐ-CĐNB ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc thành lập hội đồng tuyển sinh trung cấp, cao đẳng năm 2020
30			2.1.12		Quyết định số 636 /QĐ-CĐNB ngày 17 tháng 8 năm 2021 về việc thành lập hội đồng tuyển sinh trung cấp, cao đẳng năm 2021
31			2.1.13		Quyết định 510/ QĐ-CĐNB ngày 26/6/2019 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 1 năm 2019
32			2.1.14		Quyết định 548/ QĐ-CĐNB ngày 16/8/2019 công nhận thí sinh trúng

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					tuyển cao đẳng đợt 2 năm 2019
33			2.1.15		Quyết định 631/ QĐ-CĐNB ngày 06/9/2019 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 3 năm 2019
34			2.1.16		Quyết định 732/ QĐ-CĐNB ngày 30/9/2019 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 4 năm 2019
35			2.1.17		Quyết định 545/ QĐ-CĐNB ngày 02/7/2020 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 1 năm 2020
36			2.1.18		Quyết định 590/ QĐ-CĐNB ngày 19/9/2020 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 2 năm 2020
37			2.1.19		Quyết định 691/ QĐ-CĐNB ngày 17/9/2020 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 3 năm 2020
38			2.1.20		Quyết định 750/ QĐ-CĐNB ngày 06/10/2020 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 4 năm 2020
39			2.1.21		Quyết định 775/ QĐ-CĐNB ngày 08/10/2020 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 5 năm 2020
40			2.1.22		Quyết định 845/ QĐ-CĐNB ngày 02/11/2020 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 6 năm 2020
41			2.1.23		Quyết định 570/ QĐ-CĐNB ngày 01/7/2021 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 1 năm 2021
42			2.1.24		Quyết định 645/ QĐ-CĐNB ngày 31/8/2021 công nhận thí sinh trúng

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					tuyển cao đẳng đợt 2 năm 2021
43			2.1.25		Quyết định 709/ QĐ-CĐNB ngày 05/10/2021 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 3 năm 2021
44			2.1.26		Quyết định 713/ QĐ-CĐNB ngày 08/10/2021 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 4 năm 2021
45			2.1.27		Quyết định 736/ QĐ-CĐNB ngày 22/10/2021 công nhận thí sinh trúng tuyển cao đẳng đợt 5 năm 2021
46			2.1.28		Quyết định 746 / QĐ-CĐNB ngày 09/09/2019 thành lập lớp cao đẳng 12CĐ-Va, 12CĐ-Vb ngành Bảo vệ thực vật
47			2.1.29		Quyết định 747/ QĐ-CĐNB ngày 09/09/2019 thành lập lớp trung cấp 44V ngành Bảo vệ thực vật
48			2.1.30		Quyết định 720/ QĐ-CĐNB ngày 10/08/2019 thành lập lớp trung cấp 44T3a-TG ngành Trồng trọt-Bảo vệ thực vật
49			2.1.31		Quyết định 08/ QĐ-CĐNB ngày 04/11/2020 thành lập lớp trung cấp 45T3a-TG ngành Trồng trọt-Bảo vệ thực vật
50			2.1.32		Quyết định 796/ QĐ-CĐNB ngày 22/09/2020 thành lập lớp trung cấp 45T ngành Trồng trọt-Bảo vệ thực vật
51			2.1.33		Quyết định 811/ QĐ-CĐNB ngày 07/10/2020 thành lập lớp cao đẳng

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					13CD-V, ngành Bảo vệ thực vật
52			2.1.34		Quyết định 271/ QĐ-CĐNB ngày 20/01/2021 thành lập lớp trung cấp 46T3a ngành Trồng trọt- Bảo vệ thực vật
53			2.1.35		Quyết định 75/QĐ-CĐNB ngày 19/01/2021 thành lập lớp trung cấp 46T3b ngành Trồng trọt- Bảo vệ thực vật
54	2	2	2.2.01		Quyết định số 1009/QĐ-CĐNB ngày 4/11/2019 Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên năm học 2019-2020
55			2.2.02		Quyết định số 945/QĐ-CĐNB ngày 3/11/2020 Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên năm học 2020-2021
56			2.2.03		Sổ lên lớp khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật năm học 2018-2019, 2019 -2020, 2020-2021
57			2.2.04		Giáo án của giáo viên Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật năm học 2018-2019, 2019 -2020, 2020-2021
58			2.2.05		Sổ tay giáo viên Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật năm học 2018 - 2019, 2019-2020, 2020-2021
59	2	3		2.2.01	Quyết định số 1009/QĐ-CĐNB ngày 4/11/2019 Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên năm học 2019-2020;
60				2.2.02	Quyết định số 945/QĐ-CĐNB ngày 3/11/2020 Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên năm học 2020-2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
61				1.2.01	Quyết định số 679/QĐ-CĐNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Chế biến thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước; chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Công nghệ thực phẩm; Chế biến và Bảo quản thủy sản; Cấp thoát nước
62			2.3.01		Quyết định số 954/QĐ-CĐNB ngày 09/11/2020 công nhận Kết quả xét tiến độ học tập trong năm 2020
63				2.2.03	Sổ lên lớp khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật năm học 2018-2019, 2019 -2020, 2020-2021;
64				2.2.04	Giáo án của giáo viên Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật năm học 2018-2019, 2019 -2020, 2020-2021;
65				2.2.05	Sổ tay giáo viên Khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật năm học 2018 - 2019, 2019-2020, 2020-2021
66			2.3.02		Các bài giảng điện tử của GV Khoa Trồng trọt - Bảo vệ thực vật
67			2.3.03		Phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021
68			2.3.04		- Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
69			2.3.05		Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021
70			2.3.06		Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021
71	2	4	2.4.01		Kế hoạch đưa HSSV đi thực tập nghề Bảo vệ thực vật trong năm 2019, 2020, 2021
72			2.4.02		Quyết định 44/QĐ-CĐNB-ĐT ngày 21/01/2020 thành lập đoàn thực tập cuối khóa lớp 10CD-Va,b,c,d và 10CD-T
73			2.4.03		Quyết định 986/QĐ-CĐNB-ĐT&KHCN ngày 19/11/2020 thành lập đoàn thực tập nghề nghiệp lớp 11CD-Va,b,c, 11CD-T
74			2.4.04		Quyết định 63/QĐ-CĐNB-ĐT&KHCN ngày 20/1/2021 thành lập đoàn thực tập cuối khóa lớp 11CD-Va,b,c, 11CD-T;
75			2.4.05		Quyết định 756/QĐ-CĐNB-ĐT&KHCN ngày 28/10/2021 thành lập đoàn thực tập cuối khóa lớp 12CD-Va,b
76			2.4.06		Các Công văn đề nghị gửi HSSV thực tập và Công văn trả lời của đơn vị sử dụng lao động
77			2.4.07		Đề cương thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021
78			2.4.08		Báo cáo thực tập của HSSV nghề Bảo vệ thực vật năm 2019, 2020,

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					2021
79			2.4.09		Văn bản nhận xét của đơn vị sử dụng lao động về HSSV nghề Bảo vệ thực vật thực tập
80	2	5	2.5.01		Quyết định 722/QĐ-CĐNB ngày 11/8/2020 ban hành quy định thi kết thúc môn học, mô đun
81			2.5.02		Sổ cấp phát văn bằng năm 2019, 2020, 2021
82	2	6	2.6.01		Báo cáo kết quả công tác đơn vị theo học kỳ, năm
83			2.6.02		Biên bản họp định kỳ của Khoa Trồng trọt - Bảo vệ thực vật
84				2.3.06	Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021
85	2	7	2.7.01		Quyết định số 738/QĐ-CĐNB ngày 08/8/2018 của Hiệu trưởng về hướng dẫn đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp được cụ thể hóa từ nội dung của Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
86			2.7.02		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 41/2017/GCNĐKHH-TCDN ngày 03/05/2017
87			2.7.03		Danh sách lớp liên thông cao đẳng Bảo vệ thực vật
88			2.7.04		Quyết định số 767/QĐ-CĐNB ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng liên thông ngành Bảo vệ thực vật
89				2.3.06	Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021
90	3	1	3.1.01		Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy nghề Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng năm 2018, 2019, 2020
91			3.1.02		Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy các môn học chung, môn học cơ bản cơ sở năm 2018, 2019, 2020
92			3.1.03		Hồ sơ CBGV
93				2.3.05	Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021
94				2.3.06	Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021
95	3	2	3.2.01		Thông báo số 592/TB-CDNB, ngày 15/7/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm học 2020-2021
96			3.2.02		Thông báo số 651/TB-CDNB, ngày 7/8/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm học 2019-2020

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
97			3.2.03		Bảng nghiệm thu khối lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giáo viên năm 2019, 2020, 2021
98				3.1.01	Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy nghề Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng năm 2018, 2019, 2020
99				3.1.02	Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy các môn học chung, môn học cơ bản cơ sở năm 2018, 2019, 2020
100				3.1.03	Hồ sơ CBGV
101				2.2.01	Quyết định số 1009/QĐ-CĐNB ngày 4/11/2019 Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên năm học 2019-2020
102				2.2.02	Quyết định số 945/QĐ-CĐNB ngày 3/11/2020 Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên năm học 2020-2021
103			3.2.04		Mẫu phiếu đánh giá xếp loại nhà giáo
104			3.2.05		Báo cáo tổng kết của Nhà trường năm 2018, 2019, 2020
105	3	3	3.3.01		Quyết định của Hiệu trưởng nhà trường về việc Ban hành quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN
106				3.1.01	Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy nghề Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng năm 2018, 2019, 2020
107				2.2.01	Quyết định số 1009/QĐ-CĐNB

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					ngày 04/11/2019 Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên năm học 2019-2020
108				2.2.02	Quyết định số 945/QĐ-CĐNB ngày 03/11/2020 Quyết định Phân công khối lượng công tác giáo viên năm học 2020-2021
109				2.1.36	Quyết định 746 / QĐ-CĐNB ngày 09/09/2019 thành lập lớp cao đẳng 12CĐ-Va, 12CĐ-Vb ngành Bảo vệ thực vật
110				2.1.37	Quyết định 747/ QĐ-CĐNB ngày 09/09/2019 thành lập lớp trung cấp 44V ngành Bảo vệ thực vật
111				2.1.38	Quyết định 720/ QĐ-CĐNB ngày 10/08/2019 thành lập lớp trung cấp 44T3a-TG ngành Trồng trọt-Bảo vệ thực vật
112				2.1.39	Quyết định 08/ QĐ-CĐNB ngày 04/11/2020 thành lập lớp trung cấp 45T3a-TG ngành Trồng trọt-Bảo vệ thực vật
113				2.1.40	Quyết định 796/ QĐ-CĐNB ngày 22/09/2020 thành lập lớp trung cấp 45T ngành Trồng trọt-Bảo vệ thực vật
114				2.1.41	Quyết định 811/ QĐ-CĐNB ngày 07/10/2020 thành lập lớp cao đẳng 13CĐ-V, ngành Bảo vệ thực vật
115				2.1.42	Quyết định 271/ QĐ-CĐNB ngày 20/01/2021 thành lập lớp trung cấp 46T3a ngành Trồng trọt-Bảo vệ thực vật
116				2.1.43	Quyết định 75/QĐ-

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					CĐNB ngày 19/01/2021 thành lập lớp trung cấp 46T3b ngành Trồng trọt-Bảo vệ thực vật
117				3.2.03	Bảng nghiệm thu khối lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giáo viên năm 2019, 2020, 2021
118			3.3.02		Danh sách tổng hợp HS – SV khoa Trồng trọt và Bảo vệ thực vật năm 2019, 2020, 2021
119			3.3.03		Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi 2019, 2020, 2021
120	3	4	3.4.01		Danh sách giáo viên tham gia hội giảng cấp Khoa
121			3.4.02		Danh sách giáo viên tham gia Hội giảng cấp Trường
122			3.4.03		Danh sách giáo viên tham gia hội giảng cấp Tỉnh;
123			3.4.04		Danh sách giáo viên tham gia Hội giảng cấp Bộ
124			3.4.05		Hợp đồng Khảo nghiệm thuốc BVTV trong năm 2019, 2020, 2021
125			3.4.06		Quyết định 597/QĐ-CĐNB ngày 17/7/2020 của Hiệu trưởng về việc Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ cấp cơ sở năm 2020, tên đề tài: "Đánh giá hiệu lực một số thuốc trừ sâu đối với sâu keo mùa thu Spodoptera frugiperda hại ngô tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ"
126			3.4.07		Quyết định 603/QĐ-CĐNB ngày 20/7/2020 của Hiệu trưởng về việc

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					công nhận Sáng kiến - cải tiến năm học 2019 -2020
127				1.2.07	Quyết định số 641/QĐ-SLĐTBXH, ngày 4 tháng 7/2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Tiền Giang về việc trao giải khuyến khích Hội thi Thiết bị tự làm tỉnh Tiền Giang năm 2019
128				1.2.08	Quyết định số 1295/QĐ-LĐTBXH ngày 12/09/2019 của Bộ LĐTB và Xã hội về việc trao Bằng khen - Giải nhất tại hội thi Thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc lần VI năm 2019” của nhóm tác giả
129	3	5	3.5.01		Kế hoạch số 1187/KH - CĐNB của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021-2025;
130			3.5.02		Kế hoạch số 43/KH - CĐNB, ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2020;
131			3.5.03		Kế hoạch số 18/KH - CĐNB, ngày 05 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2019
132			3.5.04		Danh sách nhà giáo, CBVC được cử đi học tập bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng nghề, phương pháp giảng dạy năm 2019, 2020, 2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
133			3.5.05		Bằng cấp, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa học của giảng viên tham gia các khóa tập huấn năm 2019, 2020, 2021
134	3	6		3.1.01	Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy nghề Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng năm 2018, 2019, 2020
135				1.4.01	QĐ số 141/QĐ-CDNB ngày 19/2/2021 Quyết định ban hành quy định hoạt động Trường năm 2021
136				2.4.02	Quyết định 44/QĐ-CDNB-ĐT ngày 21/1/2020 thành lập đoàn thực tập cuối khóa lớp 10CD-Va,b,c,d và 10CD-T
137				2.4.03	Quyết định 986/QĐ-CDNB-ĐT&KHCN ngày 19/11/2020 thành lập đoàn thực tập nghề nghiệp lớp 11CD-Va,b,c, 11CD-T
138				2.4.04	Quyết định 63/QĐ-CDNB-ĐT&KHCN ngày 20/1/2021 thành lập đoàn thực tập cuối khóa lớp 11CD-Va,b,c, 11CD-T
139				2.4.05	Quyết định 756/QĐ-CDNB-ĐT&KHCN ngày 28/10/2021 thành lập đoàn thực tập cuối khóa lớp 12CD-Va,b
140	3	7	3.7.01		Danh sách trích ngang cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm
141			3.7.02		Hồ sơ cán bộ quản lý cấp Phòng, Khoa, Trung tâm
142			3.7.03		Phiếu phân loại cán bộ quản lý;

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
143			3.7.04		Báo cáo tổng kết công tác năm 2019, 2020 của các đơn vị trực thuộc Trường
144	3	8	3.8.01		Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên của Khoa năm 2017, 2018, 2019
145			3.8.02		Bản nhận xét lao động cuối năm của cán bộ quản lý và nhân viên của Khoa năm 2018, 2019, 2020
146			3.2.03		Thông báo số 592/TB-CĐNB, ngày 15/7/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm học 2020-2021
147			3.2.04		Thông báo số 651/TB-CĐNB, ngày 7/8/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm học 2019-2020
148			3.2.05		Báo cáo tổng kết của Nhà trường năm 2018, 2019, 2020
149	4	1	4.1.01		QĐ 94/QĐ-CĐNB ngày 13/2/2017 về việc thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo
150			4.1.02		Danh sách Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo cao đẳng Bảo vệ thực vật
151			4.1.03		QĐ 305/QĐ-CĐNB ngày 10/4/2017 về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
152			4.1.04		Danh sách thành viên hội đồng thẩm định chương trình đào tạo cao đẳng Bảo vệ thực vật
153			4.1.05		Biên bản nhận xét đánh giá chương trình đào tạo
154			4.1.06		QĐ 382/QĐ-CĐNB ngày 27/4/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Bảo vệ thực vật
155			4.1.07		Kế hoạch rà soát, điều chỉnh và xây dựng chương trình đào tạo năm 2020
156				1.2.01	Quyết định số 679/QĐ-CĐNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Chế biến thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước; chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Công nghệ thực phẩm; Chế biến và Bảo quản thủy sản; Cấp thoát nước
157	4	2		4.1.01	QĐ 94/QĐ-CĐNB ngày 13/2/2017 về việc thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo
158				4.1.02	Danh sách Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo cao đẳng Bảo vệ thực vật
159				4.1.03	QĐ 305/QĐ-CĐNB ngày 10/4/2017 về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					tạo
160				4.1.04	Danh sách thành viên hội đồng thẩm định chương trình đào tạo cao đẳng Bảo vệ thực vật
161				4.1.05	Biên bản nhận xét đánh giá chương trình đào tạo
162				4.1.06	QĐ 382/QĐ-CĐNB ngày 27/4/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Bảo vệ thực vật
163	4	3		1.2.01	Quyết định số 679/QĐ-CĐNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật, Thú y, Kế toán doanh nghiệp, Nuôi trồng thủy sản nước ngọt, Chế biến thực phẩm, Kỹ thuật xây dựng, Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước, chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật, Thú y, Kế toán doanh nghiệp, Công nghệ thực phẩm, Chế biến và Bảo quản thủy sản, Cấp thoát nước
164				4.3.01	Chương trình chi tiết các môn học, mô đun trình độ đào tạo cao đẳng, nghề Bảo vệ thực vật
165				4.3.02	Quyết định số 27/QĐ-CĐNB ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Hiệu trưởng về áp dụng Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được sau tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành của Trường
166				4.1.05	Kế hoạch rà soát, điều chỉnh và xây dựng chương trình đào tạo năm

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					2020
167	4	4		1.2.01	-Quyết định số 679/QĐ-CĐNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật, Thú y, Kế toán doanh nghiệp, Nuôi trồng thủy sản nước ngọt, Chế biến thực phẩm, Kỹ thuật xây dựng, Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước, chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật, Thú y, Kế toán doanh nghiệp, Công nghệ thực phẩm, Chế biến và Bảo quản thủy sản, Cấp thoát nước
168				4.3.01	Chương trình chi tiết các môn học, mô đun trình độ đào tạo cao đẳng, nghề Bảo vệ thực vật
169	4	5	4.5.01		Danh mục thiết bị đào tạo của ngành Bảo vệ thực vật
170			4.5.02		Quyết định số 3939/QĐ-BNN-KH ngày 05/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án quy hoạch mặt bằng tổng thể Trường cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ
171				3.1.01	Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy nghề Bảo vệ thực vật trình độ cao đẳng năm 2018, 2019, 2020
172				3.1.02	Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy các môn học chung, môn học cơ bản cơ sở năm 2018, 2019, 2020
173				3.1.03	Hồ sơ CBGV

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
174				2.3.05	Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021;
175				2.3.06	Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021
176	4	6	4.6.01		Chương trình chi tiết của môn học/mô đun nghề Bảo vệ thực vật bậc cao đẳng
177				2.3.03	Phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021;
178				2.3.04	Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021
179	4	7		1.2.01	Quyết định số 679/QĐ-CDNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Chế biến thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước; chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Công nghệ thực phẩm; Chế biến và Bảo quản thủy sản; Cấp thoát nước;
180				4.3.01	Chương trình chi tiết các môn học, mô đun trình độ đào tạo cao đẳng, nghề Bảo vệ thực vật
181				2.3.03	Phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021;
182				2.3.04	Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					HSSV 2019, 2020, 2021
183				2.3.05	Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021;
184				2.3.06	Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021
185	4	8		1.2.01	Quyết định số 679/QĐ-CDNB ngày 18/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ ban hành Chương trình đào tạo bậc cao đẳng: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Nuôi trồng thủy sản nước ngọt; Chế biến thực phẩm; Kỹ thuật xây dựng; Công nghệ Kỹ thuật tài nguyên nước; chương trình bậc trung cấp gồm: Bảo vệ thực vật; Thú y; Kế toán doanh nghiệp; Công nghệ thực phẩm; Chế biến và Bảo quản thủy sản; Cấp thoát nước;
186	4	9	4.9.01		Quyết định số 897/QĐ-CDNB ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành danh sách giáo trình sử dụng cho từng môn học/ mô đun
187			4.9.02		Danh sách giáo trình, tập bài giảng của các môn học/ mô đun của chương trình đào tạo
188			4.9.03		Bản in các giáo trình, tập bài giảng của các môn học/ mô đun của các chương trình đào tạo
189			4.9.04		Danh sách các giáo trình biên soạn

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					trong năm 2021
190	4	10	4.10.01		Quyết định số 897/QĐ-CĐNB ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành danh sách giáo trình sử dụng cho từng môn học/ mô đun
191			4.10.02		Quyết định số 786/QĐ-CĐNB ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc quyết định biên soạn giáo trình trình độ cao đẳng;
192			4.10.03		Quyết định số 494/QĐ-CĐNB ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập hội đồng thẩm định giáo trình Phương pháp thí nghiệm trình độ cao đẳng
193			4.10.04		Bản in các giáo trình, tập bài giảng của chương trình đào tạo Bảo vệ thực vật
194	4	11		4.10.01	Quyết định số 897/QĐ-CĐNB ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành danh sách giáo trình sử dụng cho từng môn học/ mô đun;
195				4.10.04	Bản in các giáo trình, tập bài giảng của chương trình đào tạo Bảo vệ thực vật
196				2.3.03	Phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021;
197				2.3.04	Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					HSSV 2019, 2020, 2021
198				2.3.05	Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021;
199				2.3.06	Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021
200	4	12		4.10.01	Quyết định số 897/QĐ-CĐNB ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc ban hành danh sách giáo trình sử dụng cho từng môn học/ mô đun
201				4.10.02	Quyết định số 786/QĐ-CĐNB ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc quyết định biên soạn giáo trình trình độ cao đẳng
202				4.10.03	Quyết định số 494/QĐ-CĐNB ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập hội đồng thẩm định giáo trình Phương pháp thí nghiệm trình độ cao đẳng
203			4.12.01		QĐ số 629/QĐ-CĐNB-ĐT ngày 12/8/2021 về việc Phê duyệt và ban hành giáo trình đào tạo Phương pháp thí nghiệm
204				4.10.04	– Bản in các giáo trình, tập bài giảng của các môn học/ mô đun của chương trình đào tạo Bảo vệ thực vật
205				2.3.03	Phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020,

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					2021;
206				2.3.04	Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021
207				2.3.05	Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021
208				2.3.06	Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021
209	5	1	5.1.01		Quyết định số 1818/QĐ-BNN-XDCB ngày 04/05/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán công trình cải tạo xây dựng trường
210			5.1.02		Hồ sơ xây dựng, thiết kế các hạng mục công trình xây dựng, mặt bằng khuôn viên trường
211			5.1.03		Hồ sơ hoàn công các công trình xây dựng từ năm 2001 đến nay
212			5.1.04		Biên bản nghiệm thu và đưa vào sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống phòng cháy chữa cháy
213			5.1.05		Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy số 61/TĐ-PCCC của phòng CSPCCC công an Tiền Giang cấp ngày 25/7/2013
214			5.1.06		Báo cáo quản lý chất thải nguy hại năm 2016 số 1462/BC-CDNB ngày 20/12/2016

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
215				2.3.03	Phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021;
216				2.3.04	Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021
217				2.3.05	Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021;
218				2.3.06	Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021
219	5	2	5.2.01		Danh mục trang thiết bị của Trường theo ngành Bảo vệ thực vật
220			5.2.02		Bảng tổng hợp so sánh DMTB của Trường với DMTB tối thiểu do Bộ LĐ-TBXH ban hành
221			5.2.03		Biên bản kết luận của Ban Thanh tra
222	5	3	5.3.01		Hồ sơ thống kê danh mục trang thiết bị
223			5.3.02		Biên bản đánh giá trang thiết bị
224			5.3.03		Sổ quản lý thiế bị
225			5.3.04		Hợp đồng mua sắm trang thiết bị
226			5.3.05		Tổng hợp danh mục thiết bị hiện có
227			5.3.06		Tổng hợp danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu
228			5.3.07		Bảng so sánh danh mục thiết bị đào tạo
229			5.3.08		Biên bản kết luận của Ban thanh tra thiết bị đào tạo

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
230			5.3.09		Báo cáo theo dõi tài sản cố định
231			5.3.10		Danh mục tài sản thanh lý
232			5.3.11		Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản
233	5	4	5.4.01		Sơ đồ bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo
234			5.4.02		Hồ sơ thiết kế, lắp đặt thiết bị, dụng cụ
235			5.4.03		Nội quy sử dụng phòng thí nghiệm
236			5.4.04		Hồ sơ quản lý thiết bị, dụng cụ
237			5.4.05		Quyết định số 1361/QĐ-CĐNB ngày 19/12/2013 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc Ban hành Nội quy phòng thí nghiệm
238			5.4.06		Quyết định số 955/QĐ-CĐNB ngày 09/02/2017 của Hiệu trưởng Về việc ban hành Quy trình bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản trong Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ
239	5	5	5.5.01		Thông tư 24/2019/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2019 về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng một số ngành thuộc lĩnh vực công nghệ, kỹ thuật, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
240			5.5.02		Kế hoạch mua vật tư thực hành thực tập
241	5	6	5.6.01		http://thuvien.cfi.edu.vn/Pages/default.aspx

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
242			5.6.02		Danh mục tài liệu tham khảo được số hóa;
243			5.6.03		Danh mục giáo trình được số hóa
244				2.3.03	Phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021;
245				2.3.04	Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021
246				2.3.05	Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021;
247				2.3.06	Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021
248	5	7	5.7.01		http://thuvien.cfi.edu.vn/Pages/default.aspx
249				5.6.02	Danh mục tài liệu tham khảo được số hóa
250				5.6.03	Danh mục giáo trình được số hóa
251	5	8	5.8.01		Danh sách phần mềm được ứng dụng trong giảng dạy ở trong khoa
252			5.8.02		Thông báo về cuộc thi sáng tạo dụng cụ dạy học
253			5.8.03		Quyết định thành lập hội đồng cuộc thi sáng tạo dụng cụ dạy học
254			5.8.04		Danh sách thi sinh thi năm 2019, 2020, 2021
255	6	1	6.1.01		Thời khóa biểu sinh hoạt đầu khóa, cuối khóa năm 2019, 2020, 2021
256			6.1.02		Sổ tay HSSV

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
257				2.5.01	Quyết định 722/QĐ-CĐNB ngày 11/8/2020 ban hành quy định thi kết thúc môn học, mô đun
258				2.3.03	Phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021;
259				2.3.04	Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021
260	6	2		6.1.01	Thời khóa biểu sinh hoạt đầu khóa, cuối khóa năm 2019, 2020, 2021
261				6.1.02	Sổ tay HSSV
262			6.2.01		Đơn xét miễn giảm học phí, con thương binh, bệnh binh, nghề độc hại
263			6.2.02		Quyết định 38, 39, 40/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 07/1/2019
264			6.2.03		Quyết định 247, 248, 250, 251/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 27/3/2019;
265			6.2.04		Quyết định 354, 355, 356/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 21/5/2019
266			6.2.05		Quyết định 751/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 10/8/2019, 753/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 05/8/2019
267			6.2.06		Quyết định 754, 755/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 05/9/2019
268			6.2.07		Quyết định 959, 960/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 09/9/2019
269			6.2.08		Quyết định 1057/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 19/10/2019
270			6.2.09		Quyết định 1055/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 1/10/2019

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
271			6.2.10		Quyết định 91, 92, 93, 94, 95, 374, 375/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 02/01/2020
272			6.2.11		Quyết định 101, 102, 103/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 12/01/2020
273			6.2.12		Quyết định 288/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 02/5/2020
274			6.2.13		Quyết định 342/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 19/5/2020
275			6.2.14		Quyết định 377/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 01/6/2020
276			6.2.15		Quyết định 498/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 03/6/2020
277			6.2.16		Quyết định 766/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 01/8/2020
278			6.2.17		Quyết định 770/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 01/8/2020
279			6.2.18		Quyết định 777/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 8/8/2020
280			6.2.19		Quyết định 878/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 01/10/2020
281			6.2.20		Quyết định 872, 873, 874, 875, 875, 877/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 15/10/2020
282			6.2.21		Quyết định 992/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 16/10/2020
283			6.2.22		Quyết định 960/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 04/11/2020
284			6.2.23		Quyết định 117, 118, 119, 120/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 02/01/2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
285			6.2.24		Quyết định 173, 174/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 02/02/2021
286			6.2.25		Quyết định 175/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 22/02/2021
287			6.2.26		Quyết định 275, 276/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 06/02/2021
288			6.2.27		Quyết định 304/QĐ-CĐNB-CTSV ngày 02/4/2021
289				1.6.05	Báo cáo tổng kết công tác của Trường năm 2019, 2020, 2021
290			6.2.28		Quyết định 258/QĐ-CĐNB-CTHSSV ngày 20/04/2020
291			6.2.29		Quyết định 891/QĐ-CĐNB-CTHSSV ngày 26/10/2020
292			6.2.30		Quyết định 890/QĐ-CĐNB-CTHSSV ngày 26/10/2020
293			6.2.31		Quyết định 1104/QĐ-CĐNB-CTHSSV ngày 02/12/2020
294			6.2.32		Quyết định 1108/QĐ-CĐNB-CTHSSV ngày 02/12/2020
295			6.2.33		Quyết định 1109/QĐ-CĐNB-CTHSSV ngày 02/12/2020
296			6.2.34		Quyết định 1105/QĐ-CĐNB-CTHSSV ngày 02/12/2020
297			6.2.35		Quyết định 1106/QĐ-CĐNB-CTHSSV ngày 02/12/2020
298			6.2.36		Quyết định 430/ QĐ-CĐNB-CTHSSV ngày 31/5/2021
299			6.2.37		Quyết định 1096/QĐ-CĐNB ngày 10/10/2016 quy định về quản lý và

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					sử dụng quỹ khuyến học
300			6.2.38		Quyết định 309/QĐ-CĐNB-CTHSSV ngày 07/5/2019
301			6.2.39		Quyết định 414/QĐ-CĐNB-CTHSSV ngày 12/6/2019
302			6.2.40		Quyết định 888/QĐ-CĐNB-CTHSSV ngày 04/10/2019
303			6.2.41		Quyết định 903/QĐ-CĐNB-CTHSSV ngày 08/10/2019
304			6.2.42		Quyết định 31/QĐ-CĐNB-CTHSSV ngày 14/1/2020
305			6.2.43		Quyết định 343/QĐ-CĐNB-CTHSSV ngày 20/5/2020
306			6.2.44		Quyết định 489/QĐ-CĐNB-CTHSSV ngày 27/5/2021
307	6	3	6.3.01		Quyết định số 393/ QĐ-CĐNB ngày 25/5/2016 về việc thành lập Trung tâm Giới thiệu việc làm và Quan hệ doanh nghiệp
308			6.3.02		Thống kê các thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp Trung tâm đã triển khai đến HSSV trong năm 2019, 2020, 2021
309			6.3.03		Kế hoạch số 892/KH-CĐNB, 03/10/2019 tổ chức Tọa đàm định hướng nghề nghiệp cho HSSV năm 2019;
310			6.3.04		Kế hoạch số 1015/KH-CĐNB, 30/11/2020 tổ chức Tọa đàm định hướng nghề nghiệp cho HSSV năm 2020

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
311			6.3.05		Báo cáo Điều tra việc làm HSSV sau tốt nghiệp
312			6.3.06		Kế hoạch số 450/KH-CĐNB, 08/7/2019 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2019
313			6.3.07		Kế hoạch số 712/KH-CĐNB, 27/8/2020 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2020
314			6.3.08		Kế hoạch số 758/KH-CĐNB, 27/10/2021 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2021
315			6.3.09		Danh sách các doanh nghiệp tham gia buổi tư vấn và tuyển dụng năm 2019, 2020, 2021
316			6.3.10		Thống kê các thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp Trung tâm đã triển khai đến HSSV trong năm 2019, 2020, 2021
317			6.3.11		Danh sách HSSV tham gia buổi Tư vấn và tuyển dụng trực tiếp năm 2019, 2020, 2021
318	6	4	6.4.01		Kế hoạch Tổ chức Hội diễn Văn nghệ Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 ngày 01/10/2020
319			6.4.02		Kế hoạch Giải Bóng đá cấp trường ngày 10/10/2020
320			6.4.03		Quyết định V/v Thành lập Đội hình Thanh niên tình nguyện Hè năm

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					2021
321			6.4.04		Kế hoạch Tổ chức Hiến máu tình nguyện năm 2021
322			6.4.05		Kế hoạch thăm, tặng quà gia đình chính sách và giao lưu Đoàn biên phòng Hải đội 2
323			6.4.06		Kế hoạch tổ chức Kỷ niệm 131 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5
324			6.4.07		Kế hoạch tổ chức Kỷ niệm 110 ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước
325			6.4.08		Kế hoạch Phát động Sinh viên tham gia Hội thi Olympic toàn quốc các môn Khoa học Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh “Ánh sáng soi đường” lần IV năm học 2020-2021
326			6.4.09		Kế hoạch tổ chức Tổ chức chương trình Hành trình về địa chỉ đỏ cách mạng năm học 2020 - 2021
327			6.4.10		Kế hoạch tổ chức thực hiện hoạt động kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ năm 2021
328			6.4.11		Quyết định công nhận Sinh viên 5 tốt năm học 2020-2021
329			6.4.12		Quyết định công nhận Học sinh 3 rèn luyện năm học 2020-2021
330			6.4.13		Kế hoạch phối hợp tổ chức “Hội thi Tìm hiểu kiến thức nghề khối Học sinh sinh viên năm học 2020-2021
331			6.4.14		Kế Hoạch Tổ Chức Hội Thi Tìm Hiểu Pháp Luật Năm 2020 Hưởng ứng

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					Ngày Pháp Luật Việt Nam (9/11)
332			6.4.15		Kế hoạch tổ chức diễn đàn hỗ trợ phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học và chia sẻ cách đọc sách hiệu quả năm học 2020-2021
333			6.4.16		Kế hoạch tổ chức hội thi tìm hiểu luật giao thông đường bộ, kỹ năng lái xe mô tô an toàn và chạy thử xe mới cho đoàn viên năm 2021
334			6.4.17		Quyết định Kiện toàn tiểu đội Tự vệ cơ quan năm 2021
335	7	1		6.3.06	Kế hoạch số 450/KH-CĐNB ngày 08/7/2019 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2019
336				6.3.07	Kế hoạch số 712/KH-CĐNB ngày 27/8/2020 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2020
337				6.3.08	Kế hoạch số 758/KH-CĐNB ngày 27/10/2021 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2021
338			7.1.01		Danh sách doanh nghiệp lấy ý kiến năm 2019, 2020, 2021
339			7.1.02		Danh sách doanh nghiệp trả lời phản hồi năm 2020
340			7.1.03		Tổng hợp kết quả lấy ý kiến các đơn vị sử dụng lao động năm 2020
341			7.1.04		Danh sách doanh nghiệp trả lời

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					phản hồi năm 2021
342			7.1.05		Tổng hợp kết quả lấy ý kiến các đơn vị sử dụng lao động năm 2021
343	7	2	7.2.01		Quyết định công nhận tốt nghiệp 2019, 2020, 2021
344			7.2.02		Danh sách người đã tốt nghiệp 2019, 2020, 2021
345			7.2.03		Báo cáo điều tra việc làm của HSSV sau tốt nghiệp năm 2019, 2020
346	7	3	7.3.01		Biên bản Hội nghị CBVC năm 2019, 2020, 2021
347				2.3.05	Phiếu khảo sát CBQL, nhà giáo và người lao động năm 2019, 2020, 2021
348			7.3.02		Kế hoạch số 860/KH-CĐNB ngày 20/10/2020 lấy ý kiến CBVC và HSSV năm 2020
349			7.3.03		Kế hoạch số 738/KH-CĐNB ngày 25/10/2021 lấy ý kiến CBVC và HSSV năm 2021
350				2.3.06	Tổng hợp kết quả lấy ý kiến CBVC 2019, 2020, 2021
351	7	4		2.3.03	Phiếu khảo sát HSSV 2019, 2020, 2021
352				7.3.02	Kế hoạch số 860/KH-CĐNB ngày 20/10/2020 lấy ý kiến CBVC và HSSV năm 2020
353				7.3.03	Kế hoạch số 738/KH-CĐNB ngày 25/10/2021 lấy ý kiến CBVC và HSSV năm 2021

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
354				2.3.04	Tổng hợp kết quả lấy ý kiến HSSV 2019, 2020, 2021
355	7	5	7.5.01		Kế hoạch số 127/KH-CĐNB ngày 26/2/2019 tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2019
356			7.5.02		Kế hoạch số 850/KH-CĐNB ngày 13/10/2020 tự kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2020
357			7.5.03		Kế hoạch số 706/KH-CĐNB ngày 04/10/2021 tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021
358			7.5.04		Quyết định số 969/QĐ-CĐNB ngày 30/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2019
359			7.5.05		Quyết định số 852/QĐ-CĐNB ngày 13/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ Ban hành quy định về Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2020
360			7.5.06		Quyết định số 665/QĐ-CĐNB ngày 08/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2021
361			7.5.07		Quyết định 667/ QĐ-CĐNB ngày

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					8/9/2021 thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo cao đẳng nghề Bảo vệ thực vật
362			7.5.08		Kế hoạch số 810/KH-CĐNB ngày 10/11/2021 tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo cao đẳng Bảo vệ thực vật và Thú y trình độ cao đẳng
363			7.5.09		Bảng phân công nhiệm vụ các phòng khoa và cá nhân phụ trách
364			7.5.10		Văn bản yêu cầu các đơn vị góp ý cho báo cáo tự kiểm định
365			7.5.11		Văn bản yêu cầu các phòng khoa cung cấp thông tin phục vụ cho công tác kiểm định
366	7	6	7.6.01		Báo cáo tổng kết hàng năm của các đơn vị và các tổ chức đoàn thể
367			7.6.02		Biên bản họp giao ban
368			7.6.03		Biên bản thanh tra về việc thực hiện kế hoạch đào tạo
369			7.6.04		Báo cáo kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên
370			7.6.05		Quyết định về việc phân công nhiệm vụ trong Ban giám hiệu
371			7.6.06		Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc trường
372			7.6.07		Báo cáo đánh giá tổng kết năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019
373			7.6.08		Báo cáo đánh giá tổng kết năm

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					2019, 2020 của các đơn vị
374	7	7		6.3.06	Kế hoạch số 450/KH-CĐNB ngày 08/7/2019 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2019
375				6.3.07	Kế hoạch số 712/KH-CĐNB ngày 27/8/2020 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2020
376				6.3.08	Kế hoạch số 758/KH-CĐNB ngày 27/10/2021 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2021
377			7.7.01		Danh sách HSSV tốt nghiệp được lấy ý kiến góp ý
378				7.1.01	Danh sách doanh nghiệp lấy ý kiến
379			7.7.02		Báo cáo tình hình việc làm sau tốt nghiệp
380	7	8	7.8.01		Kế hoạch số 450/KH-CĐNB ngày 08/7/2019 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2019
381			7.8.02		Kế hoạch số 712/KH-CĐNB ngày 27/8/2020 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2020
382			7.8.03		Kế hoạch số 758/KH-CĐNB ngày 27/10/2021 tổ chức buổi giới thiệu việc làm và phỏng vấn tuyển dụng

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng (MC)	MC sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					cho HSSV năm cuối chuẩn bị tốt nghiệp ra trường năm 2021
383			7.8.04		Kế hoạch số 861/KH-CDNB, 20/10/2020 lấy ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động về chất lượng sinh viên tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2020
384			7.8.05		Kế hoạch số 759/KH-CDNB, 28/10/2021 lấy ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động về chất lượng sinh viên tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ năm 2021
385			7.8.06		Danh sách đơn vị sử dụng lao động tham gia lấy ý kiến
386			7.8.07		Phiếu khảo sát đơn vị sử dụng lao động
387			7.8.08		Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát đơn vị sử dụng lao động năm 2019, 2020, 2021